

MỤC LỤC

TỔ TÔNG NHÀ HỒ.....	2
TÊ GIÁC TRONG NGÀN XANH	18
RỒNG HAY LÀ RẮN BIỂN.....	31
VÀI NÉT VỀ CÁ SẤU.....	36
NGỰA THẦN.....	51
CON BẠCH TUỘC KHỔNG LỒ	58
CHUYỆN VỀ CON VOI.....	70
VÀI NÉT VỀ CÁ MẬP.....	93

TỔ TÔNG NHÀ HỔ

Hổ là giống ăn thịt, xuất hiện vào đầu kỷ Đệ tam - thuộc nguyên đại Tân sinh, cách nay 56 triệu năm - một trong những nhóm động vật có vú nguyên thủy cổ nhất. Tổ tiên của hổ ngày nay là giống hổ không đuôi, răng kiếm, là Ma-hai-rô-đút (Mahairodus theo tiếng cổ Hy Lạp "Ma hai ra" là kiếm, dao nhọn). Răng nanh của nó uốn như hình cái gươm. Về kích thước, Ma-hai-rô-đút to nhiều hơn các giống hổ ở A-mua hay Ben-gan, nó dám tấn công cả tê giác và voi! Miệng nó há rộng khủng khiếp, gần như thành một góc vuông và cắn dễ dàng những răng kiếm nhọn vào da dày của con mồi. Từ đầu thế kỷ Đệ tứ về sau (1 triệu năm) có những băng kỳ ghê gớm. Giá rét ghê gớm đã ảnh hưởng đến thế giới động vật và thực vật. Con vật to lớn đầu tiên ở châu Âu rời nơi cư trú đi lần về những vùng nhiệt đới - có lẽ bắt đầu từ lúc băng kỳ cuối cùng - là con hổ răng kiếm. Và sau đó rất lâu, con linh cẩu và sư tử mới lên đường tiến về hướng Mi đi, chắc là trước khi lưỡi đất Gi-bran ta đứt đôi và Địa Trung Hải lại một lần nữa hoàn toàn chìm xuống vĩnh viễn cho tới giờ đây. Gấu, bò tót, hươu thì rút về phương Bắc. (Theo lịch sử các loài vật của Ri-sa Lơ-vin-xơn và Đời sống trái đất của A. I-a-cốp-lép). Có tác giả khác nói rằng con hổ ngày nay, không dính líu gì đến con hổ không đuôi răng kiếm. Nhưng luận cứ còn mơ hồ, không vững chắc, nên tôi thấy không cần thiết dẫn vào đây. Hổ được mang tên khoa học là Panthera tigris hay Felix tigris là con vật mạnh nhất trong họ mèo.

* *Đặc tính và sinh hoạt của hổ* Con vật ăn thịt sống, dữ tợn và nham hiểm, thường sống và đi ăn một mình, trừ thời kỳ hôn phối. Nó là chúa sơn lâm của các vùng rừng Việt Nam, Đông Dương và châu Á nói chung. Trên bản đồ động vật thế giới, vùng cư trú của hổ phân bố từ Ba Tư, tây-tạng đến tận Trung Quốc, nhiều nhất ở Ben-gan, Mã Lai, Đông Dương, Gia-va, và au-ma-tra, Ba-li. Tuy nhiên, ngày nay thỉnh thoảng người ta vẫn thấy hổ xuất hiện ở vài vùng lạnh lẽo, băng giá ở Á châu. Chúng thường hoạt động trên các vùng Bắc Á châu, tận miền Đông Nam Tây Bá Lợi Á, vùng sông Hắc Long Giang (địa phận Mãn Châu) đến tận Ấn

Độ, đoàn giới Các con vật trên rừng dưới biển sang đến phía Tây Nam và phía Nam biển Cát-xpien (thuộc Liên Xô). ở Tích Lan, Tây Tạng và đảo boóc-nê-ô không thấy có giống "Mèo khổng lồ" này. Còn trên lục địa Phi Châu và Mỹ Châu thì ngày nay loại giống hổ đã bị hoàn toàn tuyệt diệt. Tại sao nó lại có thể là Chúa sơn lâm ở các vùng rừng châu á ? Theo Đào Văn Tiến thì: "Trước hết có lẽ do hổ có thể xác to lớn và sức khỏe phi thường. Một hổ đực nặng khoảng hai tạ có thể quắp con lợn to nặng vài chục ki-lô, nhảy qua hàng rào không tiếng động và hổ có thể nhảy xa 5-6 mét. Hổ còn có thêm hai thứ vũ khí rất lợi hại là bộ nanh và bộ vuốt. so với bộ răng của nhiều loài thú ăn thịt (chó, cầy...) răng hổ ít hơn, nhưng cỡ lớn hơn, cạnh sắc và máu khỏe hơn. Răng cửa nhỏ và đẹp không có tác dụng quan trọng. Nhưng răng nanh rất lớn dùng để cắn xé và rĩa thịt; răng hàm đẹp bên và có máu nhọn, sắc dùng để cắn dập xương con mồi. Hơn nữa, mặt hổ tròn; hàm răng trên và hàm dưới không dài, nên làm thành hai gọng kềm ngắn rất khỏe, giúp con vật ngoạm mồi rất chặt và cắn vỡ được ống xương rắn nhất". Bộ vuốt của hai bàn chân trước cũng khỏe và sắc, dùng để tát và giữ mồi. Chỉ cần vả một cái là hổ có thể móc gọn hàm dưới của chú lợn lòi. Và con vật luôn luôn dũa sắc bộ vuốt bằng cách cào vào thân cây gỗ. Trong chuồng hổ ở vườn thú, có một khúc gỗ lớn, chính là để thỏa mãn yêu cầu của con vật. Cũng vì vuốt hổ lợi hại như vậy mà ở Trung Quốc và Việt Nam trước kia, thường có phong tục dùng "hổ trảo" (tức vuốt hổ) để làm bùa đeo cho các cháu nhỏ với niềm tin vuốt sẽ bảo vệ cho cháu luôn luôn khỏe mạnh. Cần nói thêm một chút là so với sư tử, báo... các loài thú ăn thịt có vuốt khác thì vuốt hổ rất độc... vì quá bản. Khi nó cào cấu vào đâu thì da thịt con người chỗ đó bị thối rữa ngay. Thế nên sau khi đã bắn được hổ, người ta thường hay đốt vuốt của nó để tránh nhỡ ra vô ý đụng chạm phải. ông bà ta có câu: "Rừng già nhiều voi, rừng còi nhiều cọp" chứng tỏ nó ít khi ở rừng sâu, trừ một vài nơi có hang hốc, gần khe suối. Ban ngày nó thường tìm ngủ nơi yên tĩnh, giữa các khu rừng tre, hoặc hang hốc, rú càn, lau lách dọc theo sông ngòi. Đêm mới mò đi bắt mồi. Trái ngược với mèo - người anh em họ nội - hổ rất thích nước, hay tắm, dễ dàng bơi qua ao đầm và cả sông lớn. Chúng ta thường nghe chuyện hổ, ban đêm lén bơi qua những khúc sông hẹp để vào xóm làng bắt gia súc. Những khi chẳng bắt được mồi, bị cơn đói thúc bách, mà gặp được chiếc đồ của người đặt bắt tôm tép ở các bờ suối, bờ sông thì hổ cũng không bao giờ từ chối.

Nó lẹ làng dùng hai chân trước bưng lên, ngửa cổ há họng đồ cả chiếc đũa đâm tằm, tếp vào miệng và liếm mép cái xong, chuồn ngay. ợ trỉ hoãn e bị người bắt gặp thì khốn. Vì thế, ta mới có câu "ăn như hùm đồ đồ". Hổ không sinh sản theo mùa nhất định như một số giống loài thú khác. Khi động dục thì hổ cái toát ra một mùi xạ đặc biệt, và kêu bằng một "ngôn ngữ" khác hơn ngày thường, đó là một thứ tín hiệu gọi tình, chỉ có những "chàng trai" hổ mới biết được. Những người sinh sống ở rừng lâu năm, thường chứng kiến những cuộc tranh tài, giao đấu ác liệt giữa các con hổ đực, để giành lấy vị "hôn thê". Chúng đánh nhau, có khi suốt ngày đêm, gầm vang cả núi; tuy nhiên chưa hề thấy xảy ra chết chóc. Con chiến thắng cuối cùng sẽ được "nàng" chọn làm "đức lang quân". Trong suốt "thời kỳ trăng mật" vợ chồng hổ cùng đi săn bắt mồi, luôn luôn sống có đôi bên nhau. Nhưng khi hổ cái có mang, nó bắt đầu giở chứng nhe răng, giương vuốt đuổi "chồng" đi. Anh chàng râu hùm hàm én vậy mà cũng sợ vợ, đành "nhẫn nhịn đàn bà" ra đi sống cô độc một mình. Ta hay nói: "Dữ như hổ cái" là phải! Hổ mẹ tương lai bao giờ cũng chọn một cái hang, một bụi rậm hay giữa đám lau sậy kín đáo làm tổ đẻ con, sau 105 ngày cưu mang, thường đẻ 2 hay 3 con, nhiều nhất là 6. Hổ con ra đời, mắt nhắm khít, to cỡ một con mèo lớn. Mấy tuần đầu, hổ mẹ luôn luôn nằm bên con, đợi cho con phát triển đầy đủ. Khi nào đói quá, nó mới phải tạm rời con đi bắt mồi. Ta hay nói: "Hổ dữ cũng không ăn thịt con" để làm thí dụ so sánh, nhắc nhở về đạo đức, luân lý của bốn phận người làm cha mẹ. Điều này không hoàn toàn đúng. Như đã biết, hổ thường đẻ và nuôi 2 hay 3 con. Nhiều hơn con số ấy, nghĩa là lứa con quá đông đúc thì vấn đề kiếm miếng sẽ rất gay go. Trường hợp ấy, hổ mẹ hay hổ bố phải "thịt" bớt chúng đi! (Đặc tính này thường thấy xảy ra ở một số loài thú rừng ăn thịt, ở hang; chúng còn ăn cả những con non ẻo uột, quặt quẹo, ốm yếu... ngẫu nhiên thành sự chọn lọc bảo đảm duy trì một nòi giống khỏe mạnh). Được bốn tháng, hổ con đã biết đi theo mẹ săn mồi. Hổ mẹ dạy con cách rình mồi, dấn bụng sát đất trườn tới, phóng tới, vọt lên, chụp phủ đầu, cách xé thịt như thế nào, cách thức mang kéo lôi con mồi về một nơi kín đáo trước khi ăn v.v... Dù sống ở rừng, hổ trưởng thành không bao giờ leo cây. Ngược lại khi còn nhỏ, chúng rất thích leo trèo trên những cành cây thấp để nô đùa. Bầy con càng lớn thì khu vực săn mồi càng nơi rộng. Hổ con dần dần đã có khả năng tham gia đắc lực vào việc bắt mồi. Cho đến khi được 2-3 tuổi thì chúng mới bắt đầu phân tán, mỗi con một nơi,

cách xa nhau để sống một cuộc đời tự lập. Hồ chẳng những nhảy xa, mà còn nhảy cao đến 5 mét. Những đêm trăng, hồ thường nhào "Chị Hằng" làm đích để tập nhảy cao, rèn luyện động tác cho thuần thục. Do đấy các cụ ngày xưa hay gọi hồ là "ông thầy nghề võ".

Hàng rào lởm chởm cọc nhọn của các trại chăn nuôi gia súc, đối với nó chẳng ra mùi gì. Nó có thể cõng nổi một con bò tơ nhảy qua như không! (Tất nhiên phải có khoảng đất rộng, hồ mới lấy đà phóng tới, nhảy cao được. ở các vườn bách thú, người ta làm hàng rào sắt chỉ cao hơn 3 mét, mà vẫn giam chân nó được, bởi diện tích giới hạn của sân chuồng không cho phép hồ phóng xa. Mà đã không thể phóng xa tất không thể nhảy cao). Hồ có thể săn mỗi ban ngày. Nhưng khi hoàng hôn xuống, mặt trời vừa chớm lặn mới chính là lúc hồ bắt đầu hoạt động. Nó men theo rình phục kích bên lối mòn mà các loại thú rừng thường qua lại, rồi chỗ ẩn trú kiếm ăn hoặc đi uống nước. Khứu giác và thính giác hồ khá tinh vi, nên đánh hơi và nghe tiếng động xuôi gió từ xa rất giỏi, biết tránh được phần nào các bẫy rập do người đặt ra. Dù vậy vẫn thua heo rừng. Đi ngược hướng gió thì nó không nghe rõ và đánh hơi chậm. Thị giác kém vì tầm mắt hồ luôn luôn bị giới hạn bởi những bụi lùm, cây cối xum xuê hay cao ngất, nên hồ vẫn quen nhìn gần. Nhược điểm này không trở ngại gì nhiều đối với các loài thú sống trong rừng rậm nói chung. Chiến thuật của hồ là tấn công chớp nhoáng. Dù thân hình to lớn như vậy nhưng động tác của nó rất nhanh nhẹn, mềm mại. Nó di chuyển nhẹ nhàng, êm như ru, đôi khi còn bò ép cả cái thân hình thành dẹp lép xuống sát đất - điều kiện tất yếu sinh tử - có thể mới săn được mồi; bởi thú rừng nhiều con cũng tinh khôn, chạy nhanh nhảy giỏi không dễ bắt. Với tốc lực 80km giờ, nó nhảy vọt tới vô ngay. Nếu con mồi tránh thoát, nó đứng lên giang "tay" (hai chân trước) ra ngăn không cho chạy, hoặc đã chạy rồi thì nó nhảy vọt cao qua khỏi đầu để đón đường. Bàn "tay" hồ rất mạnh. Những thú lớn như heo rừng, nai, sơn dương... nó chỉ vả một cái đủ đánh gãy đốt xương cổ, khiến con mồi chết ngay. Đặc tính của hồ là trên cao chụp xuống khi vô mồi. Cho nên người đi rừng khi muốn ngủ, nghỉ chỉ cần chặt bốn cây tre hoặc nửa vót nhọn cắm bốn bên như cắm bốn góc cọc màn. Rồi cứ nằm, ngồi vào giữa bốn cọc đó. Nó cũng rất sợ lưới. Người ngủ trong màn (mùng) nó chỉ ngồi rình, cạnh bên ngoài, đợi khi chui ra mới lao tới vô chứ không bao giờ bắt người trong màn. Nó sợ móng xòe ra vô, khi cụp lại vướng màn như vướng lưới gỡ không ra.

Năm 1957, anh Tôn và anh Đán (miền Nam tập kết) đi làm gỗ về, ngủ trong màn tại đèo Pha Đin, từ 12 giờ khuya đến 5 giờ sáng, hai con hổ rình bên ngoài, rõ dãi cả đồng, trời sáng mới bỏ đi. Người ta cũng thường nói: "Cầu khủ thổ hổ khủ thạch". Đi trong rừng sợ hổ thì cầm hai hòn đá đánh nhau canh cách, cũng như gặp chó thì ngồi thụp xuống đất, chó sợ nhát đất đá ném. Hổ nghe đá đánh nhau canh cách không biết tiếng gì sẽ lui đi. Điều này tôi chưa có kinh nghiệm thực tiễn, không chắc quả đúng vậy không?

* *Đánh và bắt hổ như thế nào?* Người xưa đánh hổ, dùng cây giáo có mũi nhọn (tre, nứa vót nhọn, mác nhọn cán dài). ở Cà Mau trước kia - cách nay khoảng trăm năm - thì dùng cây lao phóng hổ, cán bằng song (mây to) dài 3,2 mét. Lưỡi lao rèn bằng loại thép vàng, gần như đồng dẻo không gãy, có ngạnh giữa lưỡi, cũng đôi khi có thêm ngạnh nhỏ nữa ở đầu lưỡi lao. Cái tông (cũng gọi là cai) bộ phận gắn vào cán, đục lỗ sâu vào bằng sợi thừng to cỡ ngón tay cái, đánh bằng tóc cho săn lại, chừa một đoạn dài buộc vào thân cán, phòng lưỡi lao sút ra. Đi rừng, bất thành linh gặp hổ thì phải can đảm bình tĩnh, cứ giữ thế thủ, cầm cây nhọn chong mũi nhọn cao hơn đầu, mắt nhìn thẳng vào mắt nó, thoáng sợ nó biết ngay. (Chó cũng thế, con chó chỉ nguy hiểm đối với người là khi con người sợ nó. Quy luật này đối với các loài thú dữ ở rừng ít khi tiếp xúc với người càng thính nhạy bội phần). Nó xoay bên nào, ta xoay bên nấy, nó sẽ bỏ đi hoặc chạy. Phải chú ý cái đuôi. Hổ đập đuôi bên trái, sẽ nhảy về bên phải, đập đuôi bên phải sẽ nhảy về bên trái; thấy đuôi nó cuốn vòng tròn dưới bụng là dấu hiệu nó muốn vồ chụp xuống. Hổ vồ mỗi nhò hết như mèo bắt chuột. Bắt mỗi rồi buông bỏ, nhảy ra, lại xô vào cắn lại. Nghịch chán mới ăn. Bắt trâu, nai, bò, lợn... hổ đều ăn lòng trước, rồi mới tới các bộ phận khác. Đêm ăn không hết, bỏ đi. Hôm sau, khoảng chạng vạng nó mới đến ăn tiếp. ở rừng thường tối sớm, mùa hè bốn năm giờ, mùa đông ba bốn giờ nó đã trở ra ăn. Thấy con mỗi bỏ dở, ta không được sờ mó đến, không xê dịch, dự đoán con đường nó sẽ trở lại, tùy địa hình, đón bắn. Người kém (nhất là mới tập săn) thì làm giàn trên cây tránh xuôi gió. ẵm đêm, thường gặp đèn, nó ngó vào đèn. Có con đóng một mắt, đó là hổ dữ. Người tinh mới phân biệt được. Tức là ước tính nó đóng mắt phải hay mắt trái để bắn đúng vào "băng giang" khoảng cách giữa hai mắt. Mỗi lần nó đóng mắt lại, thấy như cục than lửa nhều giọt xuống, trên to dưới nhỏ, một lúc nó lại đóng mắt này, mở mắt kia. Nếu vội, thường bắn trượt bên ngoài mang tai. Khi ta thấy nguyên hình nó thì bắn vào

bên nách chỗ tim, dưới xương vai chân trước (nai, heo rừng, mang... cũng thế). Nai mắt hơi xanh, nai cái thay nhung thì mắt cũng đỏ, nhưng không đóng lại như mắt hổ. Khi hổ bị thương nó rất dữ. Những người đi săn mới thường bỏ không dám theo. Kinh nghiệm theo là tìm vết máu, vết chân, nhất là nó thường mò về khe suối, tìm nước uống khi đã bị thương. Đôi khi nó "phục kích" nín lại, chờ ta tới xông ra vô đột ngột.

* *Các sắc lông hổ*: Hổ có nhiều loại và nhiều màu sắc, phổ biến là hổ vàng, vằn đen. Nhưng nếu tính chung thì ít ai biết màu trắng, trên toàn bộ thân mình một con hổ vàng, nhiều hơn màu vàng và đen. Trừ khu vực ở mặt và ở hai mang tai nhiều vệt đen, còn thì phía dưới cổ họng, bụng và phía bên trong của bốn chân chỉ mọc toàn lông trắng, vạch lưa thưa những vằn đen. Nhờ những vạch sẫm màu ấy, mà hổ núp được kín đáo trong các bụi lùm, nhìn lướt rất khó nhận ra. Hổ phương Bắc, nói chung bộ lông màu hơi nhạt hơn hổ phương Nam. Nhưng thân hình to lớn hơn. Hổ ở Tây Bá Lợi á (phần đất á châu của Liên Xô) cao lớn, đầy đà hơn hổ Việt Nam. Nhờ thân hình phốp pháp đó, cơ thể chúng giữ được nhiều nhiệt chống lại vùng khí hậu lạnh giá gát gao này. Hổ ở gần bờ biển Cát-xpien (thuộc Liên Xô) thân hình trung bình, nhưng bộ lông sậm và các vằn màu nâu, gần như xếp liền vào nhau. Hổ ở ău-ma-tra (thuộc In-đô-nê-xi-a) đầu đẹp, nhỏ thó hơn hổ xứ ta, nhưng vằn sậm màu và nhiều hơn để dễ bề ẩn náu giữa các vùng rừng rậm, nhiều cây cối. Năm 1951, người ta bắt được ở tiểu bang Re-wa (ấn Độ) một con Bạch hổ đực. Chàng "Bạch công tử" này được các nhà nuôi thú địa phương ghép duyên với một "Hoàng tiểu thư". Vài Bạch hổ con ra đời. Trong hội chợ quốc tế s-xa-ka, năm 1970 ở Nhật, nước ấn Độ đã trưng bày một con Bạch hổ cho thiên hạ năm châu ngưỡng mộ và lác mắt chơi. ở sở thú Bơ-rít-xtôn (Hoa Kỳ) năm 1974 người ta còn nuôi được một cặp Bạch hổ, đầu như là quà tặng của ấn Độ. Lông Bạch hổ không hoàn toàn trắng. Nếu lông trắng thì vẫn nổi những sọc nâu lơ lơ. Mắt Bạch hổ xanh, mõm và các cục chai ở dưới chân thì màu hồng. Hổ đen (cọp mun) chỉ nghe nói, chứ tôi chưa thấy. Trước cách mạng tháng Tám 1945, ở thú ại Gòn có một con báo đen, chuồng nó đặt gần chuồng cá sấu. Ngó mặt qua Ba ạn. Trong thiên nhiên đôi khi người ta cũng có gặp hổ màu trắng hay hổ màu đen hoàn toàn. Đây là hiện tượng "bạch biến" của nhiều loại thú rừng. Hiện tượng này đôi khi cũng gặp ở loài bò sát và cả con người. Da, tóc tai đều trắng toát. Ta quen gọi là "người bạch tạng". Khoảng năm 1967 - 1968, Thảo cầm

viên ại Gòn có nuôi một con Trăn bạch tạng, trắng toát, bắt được ở vùng Cà Mau và dân địa phương gọi nó là Bạch xà vương. Những con thú và người bạch tạng bao giờ cũng yếu đuối, bệnh hoạn hơn các cá thể khác cùng loài giống bình thường. Màu đen do sắc tố đen (ma-la-nin) trong lông tạo thành. Nếu toàn bộ lông bị sắc tố này chi phối, hổ sẽ có màu đen tuyền. Nếu toàn bộ sắc tố này bị hủy trong lông, hổ sẽ có màu trắng toát. Chứ không phải như nhiều người mê tín hay nói "con hổ nọ tu lâu năm, già lắm lông biến thành màu trắng như một cụ già râu tóc bạc phơ!". Hổ xanh, hổ đỏ không hề có. Có là do người ta thêm thắt vào cho hoàn chỉnh bộ ngũ hổ, gọi là "Ngũ hổ tướng". Thật ra sắc tố màu xanh hay màu đỏ rất hiếm ở các loại thú, hiện chỉ mới thấy ở vài loại khi.

* *Hổ bỏ túi và hổ lai Sư tử*: Hổ to thì như con bò mộng (2 mét 8 đến 3 mét, từ mõm đến chót đuôi). Năm 1956 anh Phan Văn Luông người Chợ Lớn tập kết, bắt tại Thanh Hóa một con đò được 3,4 mét, mà cũng có loại bé chỉ bằng... con thỏ. Đó là một giống hổ người ta mới tìm thấy năm 1963 ở vùng Tây Nam sa mạc châu Phi. Vì nó bé thế nên gọi là "hổ bỏ vào tay áo". Loại hổ này không biết trèo cây và cũng không biết nhảy, nhưng nó chạy nhanh như báo. Toàn thân nó màu vàng, điểm lên những vằn màu cát. Nhờ đó nó có thể ẩn mình trên sa mạc, ít khi bị sư tử hay các loài thú khác phát giác. Chân nó dài hơn chân mèo, nên cũng có nhiều người gọi nó là "mèo móng đen". Tuy bé nhỏ như vậy, nhưng tiếng kêu rất to, mỗi khi rống lên giống hệt như tiếng hổ gầm. Loại hổ này chuyên môn bắt chuột và các loài thú nhỏ. ở Nhật, người ta đã làm cuộc thí nghiệm lai giống giữa một con hổ đực và một con sư tử cái. Thế mà cặp "vợ chồng bất đắc dĩ" ấy cũng sinh hạ một bầy con. Họ đặt tên cho những con lai ấy là Tin-gơ-rong (Tingron). si chao! Hổ đã dữ, sư tử cái càng dữ hơn. Hổ mà lai sư tử chắc là kinh lắm! ấy thế mà những con lai của cặp Cọp - ư tử lại trông đáng vẻ hiền lành, lớn lên chẳng sinh đẻ gì được. Dòng Tin-gơ-rong đành tuyệt tự!

* *Sống chẳng từ môi gì* Con vật nổi tiếng quý quý, tinh khôn, hung bạo và khát máu. Hổ còn phá hại nhiều hơn sư tử. Các vùng sa mạc châu Phi, sư tử sau khi hạ được một con ngựa vằn hay hươu cao cổ, thì cả gia đình xúm lại ăn. Và sau đó, chúng không đuổi theo săn bắt con mồi nào nữa. Khoảng tuần lễ sau, khi mớ thịt lớn tiêu hóa hết chúng mới lại bắt đầu đi kiếm miếng. Hổ

thì trái lại, ăn uống no nê rồi, vẫn cứ giết. Nó giết rất nhiều thú, hơn số lượng thực phẩm cần thiết cho nó suốt ngày. Trung bình hổ tiêu thụ 8 ki lô gam thịt mỗi ngày, tức là khoảng 3 tấn thịt mỗi năm. Nó có thể kéo một con bò mộng trên một quãng đường dài 300 mét một hơi không nghỉ. Mỗi lần ăn 20 kg. n một lúc lại ngừng đi uống nước. Khi nó ăn thường chép miệng rất to, nghe rõ mồn một. No nê rồi, nó tìm nơi trú ẩn đánh thẳng một giấc ngon lành không cựa mình. Khát lắm mới thức dậy đi uống nước. Gần tối, lại tìm đến chỗ đã giấu con mồi để tiếp tục ăn. Hổ rất thích ăn thịt đã ôi. ở Miến Điện có trường hợp hổ giết liên tiếp 5 con mồi một lúc, rồi mang đi giấu kín để ăn dần. Các bạn thử tưởng tượng mùi hôi của đồng thịt kéch xù kia dậy lên nồng nặc như thế nào trong khu rừng oi bức của một xứ nhiệt đới ? Gặp lúc thú mồi hiểm hoi, hổ cũng không từ chối thịt đã hôi thối, hay các xác chết đã chường sinh lên. Hổ tấn công tất cả, trừ Voi và Trâu rừng. Chỉ khi nào đói quá, nó mới liều mạng đụng chạm đến hai con mồi nguy hiểm đó. ở rừng Miến Điện, đôi khi hổ cũng rình bắt voi con, đó là sự thể bất đắc dĩ, bởi một lão tượng thường nặng 4-5 tấn, có thể chà nát một chú hổ 200kg như chơi. Mà voi con lúc nào cũng lẻo đẻo bên mẹ, lại còn có một chị tượng khác theo bảo vệ. Phải rình mò, theo dõi kiên trì, chờ lúc chị tượng lơ đãng đi chỗ khác, hoặc voi con rời mẹ đi ra xa, nó mới dám nhảy ra chụp phủ đầu voi con, móc họng mang đi. Các con mồi hổ thích nhất ở xứ ta là: heo rừng, nai, sơn dương. Thỉnh thoảng nó cũng xơi nhím, công và bắt cả khỉ nữa. Các vùng rừng Liên Xô, hổ còn bắt cả chó sói ngoài heo rừng, nai, cheo. Gặp dịp thuận tiện, nó cũng tấn công cả gia súc: chó, bò, cừu, lừa, ngựa, lạc đà. ở Ben gan (Đông Hồi) những khi trời lụt lội, đường đường là một vị Chúa tể quyền uy thế đó, hổ cũng hạ mình xuống để bắt cá, rùa, kỳ đà, cá sấu xơi cho đỡ đói. Đôi khi đói quá, cũng phải tạm lót dạ bằng các món ếch, nhái, chuột, và cào cào, châu chấu, dế mèn nữa. Vì thế, trong rừng muôn thú đều sợ hổ. Hễ thấy nó xuất hiện ở đâu, là chúng kêu la inh ỏi, làm náo động cả lên để báo cho nhau sớm liệu tránh xa "ông nội" ấy! Điều này hơi bất ngờ, chắc các bạn khó tin, là hổ còn ăn cả quả nữa! Thật đấy, ở ại-ma-tra, hổ rất thích trái sầu riêng. Có lẽ mùi thơm ngào ngạt pha lẫn vị thum thum của Pho-ma (Fromage) của loại trái cây đặc biệt này khiến hổ nhớ mùi thịt ôi mà nó thường thưởng thức. Dân địa phương còn quả quyết họ đã thấy hổ ăn các loại xoài rừng, cả những quả còn xanh, không cần đợi chín. Chà, chà, xơi một bữa no

nê "bít-tết Xe- nhăng" thịt nai, rồi tráng miệng bằng vài quả sầu riêng, dầm trái xoài chín ngọt lịm nữa thì... "đệ nhất ông anh" rồi!

* *Chuyện hoang đường về hổ* "Cọp Khánh Hòa ma Bình Thuận". Câu này, ngày nay chỉ còn là một vang âm xa xôi của thời kỳ ông bà ta mới mở mang bờ cõi, tiến về phương Nam. Cọp Khánh Hòa ngày xưa chắc phải nhiều lắm, còn ma... thì chỉ nghe nói. Những người bộ hành khi sắp sửa khăn gói lên đường vào Gia Định, Đồng Nai hay từ trong đó thấy ra đàng ngoài, sao khỏi rờn rợn hình dung trước những dặm dài sơn đạo thâm u, đầy tiếng sột soạt trong ngàn lau và tiếng gầm chuyển núi, mà chẳng đã thốt lên: "Đường xa nghĩ nổi... cọp hùm mà kinh!". Người ta sợ hổ, tô vẽ cho hổ đến nỗi vùng rừng nào từ Việt Bắc đến Cà Mau, từ xưa cũng đầy rẫy những chuyện Thần hổ, ma cọp, chuyện người hóa hổ, chuyện hổ báo thù... nghe thì không tin được, có khi nửa tin nửa ngờ, nhưng có điều là từ người lớn đến trẻ con ai cũng say mê. Bếp lửa rừng khuya mà ngồi nghe kể loại chuyện thần bí này, tự nhiên con người sẽ thấy yếu đuối và bé nhỏ trước sức mạnh vô hình của rừng rú. Thậm chí người ta còn tin là người bị hổ ăn thịt đều có số. Theo nhà văn Đồ Phồn kể lại, thì ở Bắc Kỳ ngày xưa - cả lúc Tây sang đô hộ buổi đầu - người dân nào giết được con hổ phải mang đến trình huyện. Quan huyện thưởng cho một số tiền (thời Tây sang thì ba mươi đồng bạc trắng con cò) và bắt người đó nằm thẳng căng giữa công đường đánh ba mươi roi! Đánh là đánh giả vờ, tượng trưng thôi, vì sợ hổ khác sẽ đến báo thù nhân dân trong địa hạt quan trị vì! Câu chuyện tóm lược sau đây, tưởng cũng là mẫu chuyện tiêu biểu bậc nhất về thuyết tin nơi số mệnh và đề cao uy tín của hổ đến tuyệt vời. Có anh chàng nọ lấy số tử vi biết mình sẽ chết về số cọp vờ. Anh rời xứ trung du, về mua ngôi nhà gỗ tường xây ở ngoại ô một thành phố đồng bằng. Vậy là kể như yên trí. Hổ nhốt trong chuồng vườn bách thú, hổ xiếc cũng không dám coi, thậm chí còn len lén đi rất xa những nơi đó. Một hôm giữa trưa, trời im gió lặng, chẳng giông gió bão tố gì, bỗng tự nhiên bức tường nhà đó đổ sầm xuống, đè anh ta chết ngay. Bới vôi gạch ra, thì thấy đúng là chỗ mảng tường đổ đè lên xác anh ta, có lá bùa con hổ giấy của người chủ cũ dán tự hồi nào! Có ghê chưa ?

* Miếu ông Phò Tại chợ Cà Mau có một ngôi miếu, gọi nôm na là miếu ông Phò. sng là người khai thác rừng rậm Cà Mau đầu tiên. Thuở ấy, Cà Mau "dưới sông sáu lợi, trên bờ cọp đua". Một tay ông "trừ cọp kể có đến nghìn con". Rừng Cà Mau là một kho

tàng vô tận về mật, về gỗ đước hầm than, chưa kể các nguồn lợi về thủy và hải sản. sng Phò vì tin bạn đã bị một người Tàu họ Quách giết chết, cướp rừng lấy mật. Oai linh của ông Phò vang dậy cả một xứ rừng ngập của mỏm đất cuối cùng phương Nam. Từ khi ông bị sát hại, những người Tàu họ Quách không dám đến xứ Cà Mau. Một thí dụ cụ thể : Năm 1926-1927 gánh Phước Cường nhiều lần đến diễn tại chợ Cà Mau, lần nào ấu Tiêu (người Tàu lai, cây sáo lừng lẫy một thời ở Nam Bộ) cũng trốn ở lại Bạc Liêu, không dám xuống Cà Mau vì sợ "ổng vật học máu" (!) Hồi kháng chiến 9 năm, đóng cơ quan vùng Cà Mau - Năm Căn tôi đã nghe nhiều ông kỳ lão kể chuyện này. Hồi xưa, những người đi rừng gặp cạp đều la lên: "Cạp đây, ông Phò ơi!". Cạp tức khắc bỏ chạy. Lúc gặp bà mẹ, lấy tài liệu viết bài "Cây đước Cà Mau" nghe đoạn kể bà ra tới rầy chỉ thấy xác chồng còn lại mấy lóng xương, cây dao rửa chém phập vào thân cây đước còn dính miếng da cạp, thú thật trong thâm tâm có nghĩ giá lúc ấy chồng bà gọi ông Phò thì biết đâu ông sẽ không chết! Khi hòa bình 1954 lập lại, ra tiếp quản thị xã Cà Mau, buổi chiều rảnh rỗi, tôi vào nhà lồng chợ ném thử món "dồi lợn nướng xác mía" món dồi đước liệt vào bậc nhất, độc đáo của cả Nam kỳ lục tỉnh. Thấy tôi tấm tắc khen ngon, một ông "bạn nhậu tình cờ" bèn nói: "Thịt cạp, dồi cạp nướng còn tuyệt cú mèo nữa." Nhân đó tôi bèn hỏi thăm miếu ông Phò. sng ta chệnh choáng dất tôi đi mãi mới đến nơi. Ngôi miếu nhỏ gần như hoang phế. Trông chỉ thấy vền vền một chữ "thần" kiểu Hán tự viết thảo đắp nổi trên tường và hai con hổ phủ phục châu hai bên bàn tế. Thay vào lỗ bộ mười tám thứ binh khí thờ thần như ta thường thấy ở các miếu đền, trong miếu chỉ vền vền có một cây lao cắm trên giá gỗ sơn son đã mờ, đúng hết cây lao phóng hổ tôi đã tả tường tận ở phần trên. Ra ngoài rồi, đi khá xa, "ông bạn nhậu tình cờ" mới rủ rủ vào tai tôi: "Hồi xưa, ổng linh lắm. Từ khi có mình, cạp sợ bộ đội, du kích cũng quá đủ rồi. Khỏi phải gọi ổng. Còn chuyện báo thù cả họ thì ổng cũng thôi!". (Tháng 12 năm 1975, sau đại thắng tôi có về thăm lại Cà Mau, và tìm thăm ngôi miếu cũ. Nhưng "Nền cũ lâu đài... mới" đã dày đặc, sừng sững ba bốn tầng lấp mất dấu xưa rồi. Gần như không còn nhận ra phương hướng nữa, chứ đừng nói gì một chút vết tích!).

* Cạp Việt Bắc Khoảng mùa thu năm 1948, ở Bản Thi (Bắc Cạn) y tá Nguyễn Chánh Chương đi từ Bản Thi ra Đầm Hồng để khám bệnh cho anh em công nhân. Anh men theo đường goòng, đó là con đường độc đạo hồi kháng chiến chống Pháp, một bên là núi

một bên là suối. Giữa đường gặp một con hổ con, anh vác đá ném chết, vác về. Chiều và đêm hôm đó, hổ mẹ sục tìm con kêu rên thung lũng. Nhiều ngày liên tiếp còn thấy dấu vết hổ mẹ mò đến rình gần chỗ Nguyễn Chánh Chương ở. Mãi đến hơn nửa tháng sau, hổ mẹ bỏ đi, Nguyễn Chánh Chương mới dám ra khỏi nhà! (Khi bài này đăng lần đầu ở báo Thống Nhất, xuân 1974, tôi có nhận được thư cô Hồng Vân - con gái ông Nguyễn Chánh Chương gửi đến nhờ tòa soạn chuyển giao, vừa cảm ơn tôi đã nhắc đến "ông cụ" vừa phản đối tôi là "ông cụ" chẳng nhát như vậy đâu! Rằng khi ấy cô còn bé, đêm gặp cọp ngồi dưới gốc gạo cô còn vác đuốc nửa khuya, hướng chỉ là bố cô! Chuyện này là tôi nghe ông Vũ kể - bạn chí thiết với Nguyễn Chánh Chương - chính ông Vũ đã ăn thịt con cọp ấy, nấu sốt vang, ăn mấy ngày mới hết. Ghi lại chuyện này, tôi muốn nói về tính báo thù dai dẳng của cọp, nhất là hổ cái mất con, chứ không hề có ý chê ông Chương nhát. Ngày nay, ông Nguyễn Chánh Chương đã mất. Một bên là bạn, một bên là con gái của người trong chuyện, tôi biết phải tin ai bây giờ? Vậy xin ghi nhận thêm vào đây, và để lửng một dấu hỏi chỗ này). Hiện nay ở Việt Bắc nói chung, cọp còn khá nhiều. Mùa thu năm 1958 tại Mường Nội - ạn La, cọp đánh nhau với gấu hơn hai tiếng đồng hồ từ 6 giờ 30 đến gần 9 giờ đêm, gầm vang cả núi. Tháng tư năm 1973, tại huyện Na Hang (Tuyên Quang) ba đồng bào Thổ bị cọp bắt mất một con trâu mộng. 5 giờ chiều thấy nó ra ăn tiếp, ba người với ba súng kíp phục sẵn, nhưng cọp to quá họ không dám bắn!

Về con cọp ba móng ở Nam Bộ

Hồi kháng chiến 9 năm, ở miền Đông Nam Bộ, từ "cán bộ cao cấp nhất cho đến phó thường dân" không ai là không biết và lo ngại về con cọp ba móng này! Nó là con cọp cái (dữ như cọp cái là phải) có một chân bị tật, chỉ còn ba móng. Vùng rừng miền Đông Nam Bộ, đâu là chẳng có dấu chân cọp. Nhưng trông thấy dấu "ba móng" của nó để lại trên cát, đi qua những đâu, là một nỗi kinh hoàng nơm nớp, lo âu thấp thỏm về một tai họa sẽ diễn ra tức khắc mọc lên. Cho tới ngày trừ được nó, cọp ba móng đã giết và ăn thịt một trăm hai mươi tám người! Con số chính thức được liệt kê thành danh sách, chứ những người bị nó bắt mất tích không ai hay biết, những xác bộ đội ta và lính địch bị nó ăn thịt hay ngựa, trâu, bò, lợn... thì không kể. Vùng hoạt động của nó là chiến khu Đ, từ Chánh Hưng, Lạc An lên tới Mã Đà, Sông Bé (Đồng Nai Thượng)

một dải rừng già liên tục sáu bảy mươi ki lô mét, bên hữu ngạn sông Đồng Nai. Thấy dấu chân của nó xuất hiện đi về hướng nào, tức thì điện báo (đường dây điện thoại quân sự) cấp tốc loan tin cho bộ đội, cơ quan và dân chúng hướng đó đề phòng, chuẩn bị đối phó khẩn cấp như tin có giặc sắp tràn. Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Biên Hòa treo giải thưởng 500 đồng bạc đỏ (tiền vùng ta) và Bộ tư lệnh khu 7 cũng treo giải thưởng 500 đồng bạc xanh (tiền vùng địch) cho ai trừ được cọp ba móng ! Đủ biết nó nguy hiểm và gây tai họa cho nhân dân trong vùng không kém giặc. Có dịp, tôi sẽ viết đầy đủ và tường tận về con cọp ba móng này! Nó rất tinh khôn, chẳng những không sợ súng mà nghe tiếng súng nơi nào, tức thì mò đến. (Mít tinh bắn súng chào cờ nó cũng mò tới. Năm 1947 từ trận đánh giao thông Võ Đắc, trận Bầu Cá, trận Đồng Xoài, trận đánh dốc 47 (km 47) trên đường Cáp Xanh Giắc - Biên Hòa, nhất là trận Là Ngà tháng 3-1948, giặc lấy xác không kịp, ta cũng không kịp nhặt xác giặc chôn đi, cọp kéo từng bầy đến ăn. Cọp ba móng là Chúa Rừng, coi như đầu đàn, nghe tiếng súng tới ngay. Từ năm 1949, ta chuyển về đánh đồng bằng, trận Định Quán vừa phục kích đánh xe vừa phải lo bố trí chống cọp phía sau lưng. Người bị cọp ba móng giết cuối cùng là một em bé gái độ mười bốn mười lăm tuổi, con một bà ở tuổi Cá xã Mỹ Lộc (Lạc An). Khoảng 4 giờ sáng nó nhảy qua rào (nhà nào cũng có rào cao 3-4 thước) vì nhà sàn cao, cửa đóng then cài không phá được, nó phóng lên nóc nhà trở mái tranh xuống bắt em bé tha đi. Cả vùng báo động khua thùng đánh mõ âm ỉ đuổi theo. Trời sắp sáng, nó bỏ xác lại bên bìa rừng. Anh em Binh công xưởng Bộ Tư lệnh khu 7 đóng gần đấy đến gặp gia đình, xin mượn xác em bé để gài bẫy báo thù và trừ hại cho dân. Phải thuyết phục mãi mới được, vì có người mẹ nào lại muốn cho con mình phải chết hai lần. Bốn quả mìn gài dưới xác, một trung đội súng máy phục kích xung quanh. Ba giờ chiều, cọp ba móng mò ra. Nó lượn quanh xa xa ba vòng rồi bỏ đi. Chốc sau lại trở lại tới gần hơn, đi quanh ba vòng nữa, rồi ngồi im nhìn cái xác. Mọi người nín thở chờ xem nó giở trò gì. Đang ngồi im như tượng, bất thành linh nó nhảy vào vồ cái xác. Mìn nổ. Nhưng nó chỉ bị thương, bỏ xác chạy. Trung đội súng máy đuổi theo. Nó lội ngược dòng suối. Mọi khi nó có thói quen lội ngược dòng suối để nước đục chảy xuống, người trên dòng không phát hiện được trước khi nó tới. Lần này, chính thói quen đó đã dẫn nó vào chỗ chết. Anh em đuổi theo vết máu một lúc thì mất dấu. Nó trèo lên bờ, núp sau một gò mối. Đại liên, trung liên, các thứ súng

đủ cỡ xả vào. Xác nó chồm lên ôm gò mối như còn sống. Lâu sau, biết chắc nó chết rồi anh em mới dám tới gần (vì sợ nó giả chết). Xác nó để trên xe bò không đủ chỗ - loại xe bò miền Đông rất lớn - một phần đuôi sau và cái đuôi thông ra ngoài. Mổ bụng, thấy trong bao tử cộp ba móng còn nguyên một bàn chân người lớn tím ngắt. Người gài mìn giết con cộp khủng khiếp này là đồng chí Nguyệt, một thương binh hỏng một mắt và cụt một tay, công tác tại Bình công xưởng khu 7.

** Vì sao hổ hay ăn thịt người?* Nói chung, tất cả mọi thú rừng đều tránh "đụng chạm" với con người, một đối thủ nguy hiểm nhất lúc nào cũng làm cho chúng phải kiêng dè, e sợ. Nhưng nếu không có vũ khí trong tay và lơ là cảnh giác, thì con người là một "động vật" yếu đuối, chậm chạp nhất, hầu như không được tạo hóa trang bị gì cả để tự vệ hoặc tấn công, ngoài óc thông minh. Con mồi nguy hiểm nhất, mà cũng dễ bắt nhất nếu gặp dịp sơ hở. Những con hổ, báo, sư tử già yếu, bị thương tật không còn khả năng để vồ bắt những con mồi nhanh nhẹn, là những con hay rình vồ bắt người nhất. Đã ăn thịt người một lần rồi, quen mùi bén mùi! Có lẽ thịt người là một thứ thịt mềm, thơm ngon nhất đối với chúng chẳng? ở làng Ga-van, thuộc vùng rừng núi phía Bắc lưu vực sông Găng, sau một trận dịch lớn, có nhiều người bị chết. Một con báo ăn toàn người chết dịch, quen đi. Về sau không còn xác chết nữa, ban đêm nó mò vào làng, xông vào tận trong nhà để bắt người. Từ năm 1918 đến cuối năm 1926, nó đã vồ 75 người và chính khi ấy nó cũng đã bị bắn chết. ở Nê-pan có một con hổ đã vồ chết 434 người. Đó là một con hổ cái đã bị đạn bắn gãy mất nanh hàm trên và hàm dưới bên phải. Cộp ba móng ở miền Đông Nam Bộ vừa kể phần trên, mang đầy đủ cả hai đặc điểm của con báo làng Ga-van và con hổ Nê-pan.

** Chúa sơn lâm bị trể con hạ* Thủ Dầu Một - Hồi 9 giờ sáng ngày 5 tháng 1 năm 1964, ba em mục đồng tên là Nguyễn Văn Hải 16 tuổi, Trần Văn La 16 tuổi và Nguyễn Văn Đợi 13 tuổi đang chăn trâu tại khu rừng Khánh Vân thì bỗng thấy trâu chạy tán loạn. Ba em chạy đến nơi thì bắt gặp một con hổ. Ngay lúc ấy ba em liền nẩy ra sáng kiến đốt cháy cỏ để đuổi cộp. Cộp liền rút xuống cái hầm gần đó vì bị ngọn lửa bao vây. Các em vội tấn công trước miệng hầm đốt, khiến cộp bị chết thui. Cà Mau - Hôm 28 tháng 12 năm 1963, trong một chuyến đi rừng ào lưới đốn cây, bốn người thợ rừng ở ấp Tân Thạnh Lợi, xã Tân Hưng (Cái Nước)

có cướp được một con heo rừng của Chúa sơn lâm đang công đi. Qua ngày 5 tháng 1, ông Đại bị thương vì đánh nhau với cạp bữa đó, nay đã lành mạnh, mở tiệc ăn mừng. Tiệc xong. Khuya, đám khách ra về thì gặp một Chúa sơn lâm nhảy ra tấn công. Trong đám có nhiều người giỏi võ, sẵn hèn gây kịch chiến một chập, Chúa sơn lâm bị đánh ngã, nằm chết một đồng to như con bò mộng. Xem lại thì chính là con cạp hôm trước, có lẽ đến đón những người đã cướp mồi của mình. (Hai tin trên đều đăng ở báo Trung Lập Cam-pu-chia ngày 22-1-64).

* *Quật ngã Chúa sơn lâm* Một ngày đầu xuân, từ đồn biên phòng Mường Nhé (Lai Châu), hạ sĩ Lò Văn Vài và binh nhất Lò Văn O đi về tỉnh lĩnh thực phẩm cho đơn vị. Vài đi trước O chừng hơn chục mét. Đến cánh rừng Mường Vai bỗng Vài nghe phía sau có tiếng "hộc". Quay lại, một con hổ xám từ bên đường nhảy bổ tới. Mau lẹ, Vài né sang phải, và với ngón võ biên phòng điêu luyện, hai tay Vài kịp tóm được hai chân trước hổ, giật mạnh. Đang đà lao, hổ bị hất lộn ngược qua đầu Vài, đập đánh "oách" vào hòn đá trước mặt. Đúng lúc đó, O kịp chạy đến, bồi một nhát lê thấu tim hổ. Ạau một hồi giãy giụa, Chúa sơn lâm nằm thẳng cẳng (!) Hai anh em không khiên con hổ về đồn. Đến nay, nhiều chiến sĩ cũ của đồn Mường Nhé vẫn chưa quên buổi liên hoan bất ngờ đó. (Tin này đăng ở báo Quân đội Nhân dân số 7236 ngày 1-8-1981) Tôi có hơi ngờ một chi tiết con hổ màu "xám". Ta hay nói hổ xám để chỉ con hổ dữ nhất. Thực tế, trong thiên nhiên không hề có loại hổ nào có sắc lông màu xám. Tin trên, không nói rõ thời gian, buổi sáng hay buổi chiều, mà trông con hổ hóa xám ? Gấu xám thì có. Về mặt khoa học, cần kiểm tra lại.

Cạp cùi (hủi) Cách đây khoảng 50 năm, tại Cả Bát (Kiến Vàng) xã Tân Hưng Tây - nay thuộc tỉnh Minh Hải có ông Ba Tá khoảng 60 tuổi, mẹ chết, có một em gái ở với ông - Ạáng nọ, ông bảo em sang nhà hàng xóm xin cây lửa về hút thuốc. Chung quanh là rừng dày bít. Một con cạp cùi, rụng hết vuốt, chụp cô gái, nhận xuống rãnh mương vườn - Cô gái la: "Chết tôi rồi, anh ơi!". sng Ba Tá nghe tiếng kêu thất thanh, giật mác chạy ra, thấy cạp đang khom khom trấn nước em mình, bèn phóng mác vào đầu cạp. Nhưng mác chỉ lướt qua tai. Cạp ngồi dậy, cạp nách "con mồi" nhảy qua hai rãnh mương liền. Ba Tá nhảy theo, nhặt mác phóng lút cán vào sau gáy nó. Cạp buông cô gái ra, chạy hút vào rừng. Ba Tá đỡ em lên. - Chắc chết! Không sống nổi! - Người em gái chỉ thều

thào nói được với anh có mấy tiếng đó. Trên cổ cô, còn dấu mấy đầu ngón chân quấu vào thâm tím. Khiêng vào nhà, chốc sau cô gái chết. (Bà Lý Thị Ký - mẹ Văn Định - 62 tuổi kể). Do đặc tính quỷ quyết và hung bạo của con vật ăn thịt sống rất dữ tợn này, nên đồng bào ta đã đặt cho nó nhiều danh xưng: Cọp, Hùm, Hồ, Hạm, sng thầy, sng ba mươi, con Khái, con Hể v.v... Chung quanh nó còn bao phủ lắm chuyện đồn đại, kỳ quặc, hoang đường. Tập tục mê tín của người Việt Nam ngày xưa còn cho là ai bất ngờ gặp phải vị Chúa sơn lâm, ắt phải chịu vận xui, lận đận lao đao suốt ba năm liền. Câu "Kiến hổ khổ ba niên" xưa chính là để nói lên điều tin dị đoan đó. Những kẻ hung ác, tàn bạo cũng được người đời gán thêm biệt danh là Cọp, Hùm, Hồ. .. Tư Hồ, Năm Hùm, Bảy Cọp v.v... Chẳng ai mong họ được thêm tài năng, uy thế, sợ sẽ di hại lớn thêm cho đồng loại. Cũng như hổ dữ mà thiên nhiên còn phú thêm cho đôi cánh nữa, thì thiên hạ chịu đựng sao nổi. "Trời cho Hùm chẳng có vây - Hùm mà có cánh Hùm bay lên trời" (Ca dao Việt Nam). Nuôi hổ cũng chẳng khó lắm. Hổ con 2 tháng tuổi bắt mang về có thể nuôi dạy được. Lớn lên cũng biết theo chủ, quyến luyến người đã chăm sóc mình, chủ đi đâu cũng theo, thích vuốt ve, âu yếm vỗ về. Người ta nuôi dạy hổ cốt dùng vào mục đích riêng giữ nhà, canh rẫy v.v... Như ở gánh xiếc, nó có thể làm đủ các trò nhảy qua vòng lửa, cỡi ngựa, giả vờ vật nhau với người, há họng ngoạm đầu người v.v... nói chung là chịu mọi sự điều khiển của người dạy thú. Nhưng hãy đoàn giòi Các con vật trên rừng dưới biển coi chừng, nó chưa hoàn toàn thuần hóa đâu, thỉnh thoảng vẫn giở chứng, nổi cơn thịnh nộ bất thường, rất là nguy hiểm. Người xưa chẳng từng đe: "Dưỡng hổ di họa" đó sao? Bởi nó dữ vậy, nên nhiều người sợ nó, nên nó được gọi tâng là sng. sng Cọp, ông Hùm, ông Hồ... Một vài địa phương ở Lào ngày xưa, mỗi khi có hổ vào bắt lợn, người ta kêu ầm lên: "Mú chấp sứa! Mú chấp sứa!", nghĩa là: "Lợn bắt hổ! Lợn bắt hổ!", vì kiêng sợ mà cũng vừa để lấy lòng nó. Còn bao nhiêu chuyện tiểu lâm chế giễu tính hung hăng mà ngu xuẩn của con cọp. Nếu kể mỗi đêm một chuyện thì e rằng phải kể hết cả một năm Giáp Dần này! Hà Nội, Tết 1974 - Hè 1978

Bổ sung

* *Cọp ở Núi Sam (Châu Đốc)* Bây giờ, nói ở Núi Ạm có cọp chắc không ai tin, nhưng ngày xưa thì vẫn có, tuy không nhiều. Đêm đêm, dân làng ở quanh chân núi (thuở đó nhà cửa rất thưa

thót) thường nghe tiếng cộp gầm vang dội trên núi. Người đi núi làm rẫy thường thấy dấu chân cộp giẫm đầy bên các vũng nước suối. Bà Hai K. chuyên nghề bán cá, sáng nào cũng gánh cá qua chợ Cầu ắt bán. Một hôm qua khúc vắng Đường Tháp bất ngờ bà gặp một con cộp to lớn, mình mẩy vằn vện, ngời choãi chân giữa đường, mặt quay về hướng đồng. Bà hoảng hốt liệng gánh cá chạy thục mạng về nhà. Cũng như heo rừng, vào mùa khô cộp thường lãng vãng xuống đồng bắt chồn, bắt cá kiếm ăn. Cách nay khoảng 60 năm, ở đây có ông Chín H. chuyên nghề xom rùa, xom rắn... Một hôm, ông xách chĩa đi đến Búng Hồ (địa danh cũ : một hồ rộng nằm gần ngã ba Dầu Bờ) tình cờ nhìn vô đám sậy, ông thấy một con vật gì ngời thu lu bên trong, cặp mắt sáng ngời. Tưởng là gặp được con chồn lớn, ông giương mũi chĩa, dùng hai tay đâm mạnh vào mặt nó, nhưng con vật lanh lẹ né qua rồi nhanh như chớp nó phóng mình lên cao, giương hai chân chụp xuống đầu ông. Bị bất ngờ, nhưng vốn người giỏi võ, ông uốn mình né ngang, tuy nhiên vẫn bị vướng một vuốt nhọn sườn qua da ọt. Bấy giờ ông mới biết là cộp! Cộp xuống núi là cộp đói, đang đói nó bị tấn công càng hung bạo. ầu một tiếng gầm vang dội, con cộp lại phóng mình lên. Với mũi chĩa trên tay, ông Chín dùng tất cả các miếng võ gia truyền đánh quyết liệt với con cộp. Dân làng nghe tiếng người, tiếng cộp gầm thét, xách dao xách mác chạy đến hiệp lực với ông

Chín vây đánh chết con cộp, sau đó họ lấy xe trâu kéo xác cộp về. Bọn hội tề nghe tin dân làng đánh chết được con cộp lớn, chúng vội đến chở xác cộp ra Châu Đốc nộp cho thành Tây Tỉnh trưởng để tâng công. Thành Tây thưởng cho bọn hội tề được 2 đồng! Nguyễn kim đoàn 75 tuổi (Văn nghệ Châu Đốc - Xuân 1984)

TÊ GIÁC TRONG NGÀN XANH

- Ông ơi, ngày xưa thằng Tàu ác lắm phải không ông? Nó bắt dân mình xuống biển mò ngọc trai, lên rừng sâu tìm ngà voi, tê giác... người chết không biết bao nhiêu mà kể, phải không ông? - Một hôm, bé Trúc Quỳnh cháu gái đầu lòng của tôi, ngày chủ nhật nó về chơi, bỗng đến lay hỏi tôi, trong lúc tôi đang nằm đọc báo. - ờ... ờ... Bây giờ nó cũng ác không kém ngày xưa. Còn hơn ngày xưa! - Tôi đáp qua loa cho xong chuyện. - Thế... sng ời! - Gì nữa đây? - Thế... thế... ngọc trai, ngà voi... thì cháu biết rồi. Còn tê giác là con gì hử ông? - Tê giác là tê giác chứ gì mà hỏi mãi... - Chán ông quá! Biết vậy cháu không thèm hỏi ông. ừ ông đi! Tôi vội vàng buông tờ báo nhồm dấy. Nó là con bé mới học xong lớp một, nhưng hết sức thông minh, được tôi cưng chiều bực nhất. Gì nó cũng hỏi, cũng muốn tìm biết. Nhiều khi tôi điên đầu vì những câu hỏi gần như liên miên bất tận của nó. Thấy nó phụng phịu, vẻ hờn dỗi, tôi liền tươi cười, đầu dụ: - Thế... Ai bảo Trúc Quỳnh chuyện ngà voi, tê giác? - Cô Hà chứ còn ai! - ạo cháu không hỏi cô Hà? - ừ hỏi... - ạo lại ừ hỏi? - Lúc đầu cháu cũng có hỏi, cô bảo nó to như con voi, lùn hơn voi, nó không có cái vòi, không có cặp ngà như voi mà trên mũi nó có một cái sừng. - Đúng quá rồi! - Cô Hà bảo nó không ăn thịt người như con hổ, con sư tử... nó chỉ ăn lá cây thôi, thế sao người ta lại tìm giết nó hử ông? - ...ờ... để người ta lấy cái sừng, làm thuốc. - Thuốc gì hử ông? "Cứ để con bé dặt dấy những câu hỏi thế này, không khéo mình bị sa lầy mất". Tôi nghĩ bụng vậy, và lập tức xoay ý nghĩ nó về hướng khác: - Gì mà chả làm thuốc được. Nhưng điều này mới quý cơ! Ngày xưa... ờ... theo như các truyện cổ tích ngày xưa, hễ ai cầm được chiếc sừng tê giác trong tay thì có thể đi được dưới nước dễ dàng như đi trên cạn ! - Hoan hô ông! sng kể tiếp đi ông!

- Có chàng dũng sĩ nọ giết được một con tê giác đã thành tinh, chặt lấy sừng. Ban đêm chiếc sừng cứ lấp lánh lấp lánh, tỏa hào quang xanh lè. Anh có người yêu là một cô gái xinh đẹp bị vua thủy tề bắt xuống Long cung, ép buộc làm vợ. Cô gái không thuận. Mỗi lần vua thủy tề nổi giận vì không bắt ép được cô gái, thì ba

đào chuyển động, mặt biển sôi sùng sục, sấm chớp nổi ùng ùng. Nỗi khổ đau của người bị giam hãm chốn Thủy cung làm cho mặt nước cũng phải chau mày! Còn người trên trần giới thì xót xa vì bất lực, ngày đêm biếng ngủ quên ăn... Từ khi nắm được vật báu trong tay, chàng quyết tâm đi cứu người yêu, cùng Long vương sống chết một phen. Tay cầm đinh ba, tay cầm chiếc sừng tê, dũng sĩ lao mình xuống nước. Mặt nước lập tức rẽ ra làm đôi, mở đường cho anh xuống tận Long cung, đánh nhau với vua thủy tề... Cứ thế tôi kể tới tới mãi, khi thì anh sắp thua rồi lại thắng, khi thì anh sắp thắng rồi lại thua, tùy hứng mà tùy nghi thêm thắt nhiều chi tiết hấp dẫn về tài ba của mọi giống loài "tướng cá binh tôm". Con bé mãi mê theo dõi câu chuyện hồi hộp ly kỳ, quên mất việc cật vấn ông nó. Tuy nhiên, rồi một hôm nào đó nó lại tất sẽ khảo tôi về con tê giác, chắc chắn như vậy. Nhiều đêm, tôi thức lục mớ tư liệu quá đỗi hiếm hoi trong tủ sách gia đình và ôn lại những kiến thức lôm bôm của mình về con vật này, chuẩn bị giải đáp cho cháu Trúc Quỳnh của tôi. Bà nhà tôi đã nhiều phen cự tôi: "Mặc kệ nó, ông cứ chiều làm con bé hư đi!". Đâu phải cho một mình nó, còn cho các bạn lớn tuổi hơn nó nữa chứ! Bà ấy nói vậy chứ nếu tôi thôi, tôi bỏ đi ngủ là bà ấy không vui đâu. Tôi nghiệm mười phần đúng tám, là bà hay nói ngược lại những điều trong bụng mình ưa thích! Tôi lại càng cố gắng tích cực, để tỏ vẻ! Buồn thay, tôi chỉ là một nhà văn sơ thiển, giá tôi được một phần nhỏ kiến thức của Đào Văn Tiến nhà động vật học lỗi lạc đầu tiên ở Đông Dương, từ thời Pháp thuộc - thì ắt con bé sẽ mê và phục ông nó phải biết!

** Con thú trên đường tuyệt diệt* Trong một cuốn sách nói về lâm sản tỉnh Khánh Hòa (Phú Khánh hiện giờ) ngoài các sản phẩm do thảo mộc sinh, có viết: "những sản phẩm do thú vật cung cấp khá nhiều như: mật ong, sáp ong, nhung nai, gạc nai, ngà voi, thỉnh thoảng có cả tê giác tức sừng tây ngưu". Và trong quyển "Đi thăm đất nước" của cụ Hoàng Đạo Thúy (Nhà xuất bản Văn hóa 1978) ở mục kể về tài nguyên đất nước, phần lâm sản thì các tỉnh sau đây: Nghệ Tĩnh, Bình Trị Thiên, Nghĩa Bình, Phú Khánh, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Thuận Hải, Tây Ninh và An Giang đều có tê giác. Và theo cụ, ở Tây Ninh loài thú này còn ít, riêng An Giang còn có cả da tê và sừng tê (có thể từ Cam-pu-chia, Thái Lan đưa sang bán chẳng?) Như vậy là hiện nay con tê giác còn khá nhiều ở Việt Nam ta chẳng? Trước cách mạng Tháng 8, những quyển sách của các tác giả Pháp viết về săn bắn và thú rừng Đông dương (Chasses et faune d' Indochine - Henri de Monestrol v.v...) tôi thấy có ảnh con

tê giác ở vùng rừng cao Trường sơn nhất là mạn Lào, riêng Cam-pu-chia còn có con Dít (Dyth) một loại tê giác cổ rất hung dữ hiếm thấy trên các châu lục khác. Theo Nguyễn Quốc Thắng và Võ An Hà (trong bài Theo dấu chân tê giác) thì năm 1904 có một thợ săn người Pháp trông thấy con tê giác 2 sừng ở dãy núi Tam Xương gần Cẩm Ranh (Nghệ Tĩnh) con vật này về sau bị một nhóm thợ săn Lào bắn chết (?) Năm 1934, có tin một con tê giác lọt vào rừng sơn La. Và cách đây trên 40 năm, một nhà săn bắn châu âu đã bắn được con tê giác một sừng ở khu rừng lá trên đường đi từ Xuân Lộc ra Phan Thiết. Năm 1960, đồng bào ở vùng Tam Đảo có cho biết: "Hiện giờ ở trong rừng sâu chưa có người đi săn còn có con bò tót một sừng". Theo tài liệu gần đây (1981-82) của các đoàn điều tra động vật thì cũng chỉ nghe đồng bào vùng Nghệ Tĩnh nói có thấy tê giác qua lại khu vực địa phương. Qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ vừa rồi, có thể nói không thâm sơn cùng cốc nào mà không có dấu chân bộ đội và cán bộ ta. Thế nhưng chẳng có mấy người gặp được tê giác. Trường hợp dưới đây, cũng chỉ là may mắn tình cờ. Theo lời anh Bảy Thương - phụ trách văn công Quân đội B - kể với anh Tế Hanh thì: "ở vùng cực Nam (Ninh Thuận cũ) đồng bào hay nói, đêm tỉnh thoảng họ thấy có vệt sáng trong rừng. Bấy giờ (?) đoàn văn công đi công tác qua đó. Một anh trong đoàn xuống suối lấy nước, nghe ù... ù.... trong lùm, ngỡ là trâu rừng, liền xả một loạt đạn A.K vào. Chốc sau, nghe im mò vào thì thấy con tê giác chết nằm lù lù một đống. Đồng bào ở các xóm gần, kéo đến xem. Các ông lão nói: "Loại tê giác này thường ở vùng cao, ẩm ướt, ưa nằm lầy. Nó thích ăn cây có gai, càng chảy máu mồm càng thích. Nghe nói nó lội xuống chỗ nào thì nước chỗ ấy trong..." Tiếng đồn tới chợ. Hoa Kiều dưới chợ nghe tin, lên mua giá đất để về làm thuốc. Tất cả đều dùng làm thuốc, kể cả phân. Anh em chỉ để lại một phần lớn da, cắt chia đều kể cả bà con đến xem - cho mỗi người một miếng vuông bằng ngón chân cái". Anh Bảy Thương còn cho biết thêm: "Bộ đội B1, thường trung đội nào cũng có miếng da bằng ngón tay cái, cứng như da trâu khô, do y tá giữ, để cứu chữa anh em bị rắn độc cắn. Cán bộ cũng thường thủ một miếng trong ba lô. Còn dùng để làm công tác dân vận: Trẻ con sốt, mài cho uống, giảm sốt ngay!". Như vậy thì ngày xưa - theo Việt sử lược và Đại việt sử ký toàn thư - xứ ta vốn có nhiều tê giác. Còn hiện nay còn được bao nhiêu ? Chuyện này còn phải chờ giải đáp cụ thể của các nhà điều tra, quy hoạch về các loài giống thú vật rừng. Cách đây bốn mươi năm, vườn Bách thú Sài Gòn có một

con tê giác. Chuồng nó đặt cạnh chuồng hai con đà điểu bên này bờ sông Thị Nghè, gần chuồng nai và chuột túi (Kan- gourou) bấy giờ. Năm 1957, tôi có xem kỹ con tê giác một sừng ở vườn Bách thú Mát-xơ-va - giống hệt con ở ạiai Gòn dạo trước - thấy biển cái là "tê giác á châu" vậy thôi, không rõ đưa về tự xứ nào. Tê giác nói chung, phân bố ở các vùng rừng và hoang mạc các xứ nhiệt đới hiện nay. Nơi còn tập trung nhiều nhất là châu Phi, khoảng 15.000 con, riêng xứ Kê-ny-a (Đông Phi) theo sơ bộ thống kê năm 1978 người ta đếm được 1.500 con. Tê giác châu Phi có hai sừng, tê giác châu Á chỉ một sừng. Ta gọi nó là: tây ngu, con tê, con dinh, con trâu nước (sừng con trâu nước, Nam Bộ còn gọi con hà mã (Hippopotame) là trâu nước, có lẽ hai danh từ này nên bỏ đi) và ngày xưa có thời kỳ ta còn gọi nó là "kỳ lân". Trong bang giao Lý Tống, theo sử ta và sử Tống thì năm 1.034 đời Lý Thái Tông, và năm 1.057 đời Lý Thánh Tông, ta đều có cống kỳ lân cho Trung Quốc. Lý do: Kết Hiếu! Nhân đây, xin nhắc qua về sự "thông minh" của bọn bành trướng ngày xưa, chơi chút cho vui. Theo Việt sử lược thì năm 1.057, sứ ta là Mai Nguyên Thanh đưa hai "kỳ lân" sang Quảng Châu định cống cho vua Tống. Nói đến kỳ lân, thuở xưa ở á Đông là việc rất quan hệ trọng đại. Người Tàu chỉ tin rằng khi nào có thánh nhân ra đời và gặp vận, thì kỳ lân mới xuất hiện. Đến như "Tổ sư Bồ Đề" của họ là Khổng Tử ra đời, không gặp vận kỳ lân có hiện ra cũng chỉ là kỳ lân què ! Vì lẽ ấy, các quan Tống cãi nhau sôi nổi về việc kỳ lân của Giao Chỉ cống. ách "Tục tư trị thông giám trường biên" của Lý Đào (Tống) còn chép rõ hình dáng con vật ấy: "Hình nó như trâu, mình phủ da dày từng mảng như giáp, đầu mũi có sừng, hay ăn cỏ, quả dưa. Cho ăn thì phải lấy gậy đánh nó mới ăn". Triều đình Tống bàn nhau mãi, sau Tư Mã Quang phải lấp lửng nói nửa vời rằng: "Giả sử đó là kỳ lân thật, thì hiện không gặp thời, đó là điềm dở. Mà nếu đó không phải là lân mà ta nhận, thì các nước phương xa sẽ cười ta (Tốc thủy kỷ văn - Tư Mã Quang). Vua Tống bèn bảo gọi con vật ấy là "thú lạ" và để ở Quảng Châu.

* *Ngược dòng thời gian* Theo các nhà cổ sinh vật học thì ở ranh giới giữa kỷ Bạch phấn và Đệ tam, các dạng quái vật "tiền hồng thủy" kỳ dị đều biến khỏi vũ đài của đời sống trên trái đất. Vào đầu kỷ Đệ tam, một trong những nhóm động vật có vú nguyên thủy cổ nhất đã khai sinh cho những bộ có vú ngày nay. Con tê giác xuất hiện vào thời kỳ này. Nhưng lũ con cháu giờ đây khác hẳn tổ tiên của chúng ngày xưa, về căn bản. Đó là giống tê giác In-

đri-cô-tê-ri (In- dricothreium) to lớn, không sừng. Bộ xương còn nguyên vẹn của nó tìm thấy ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Ca-dắc-stăng. Hiện giờ bộ xương nó được trưng bày trong Viện bảo tàng cổ sinh thuộc Viện hàn lâm khoa học Liên Xô. In-đri-cô-tê-ri lớn hơn voi nhiều. Không phải vô cơ mà người ta gọi nó là thú in-đri là "mẹ của tất cả thú vật". ọ của con vật khổng lồ ở rừng và đã bị tiêu diệt này lớn hơn một mét, tuy vậy đầu nó còn là nhỏ, bé so với thân: vai cao 5,5 mét, cổ như cổ hươu cao, hai chân trước dài hơn hai chân sau nhiều, nom dáng điệu hơi giống chân con voi. Tê giác kỷ Đệ tứ còn vượt xa tê giác hiện nay. Nó có bộ lông dày để chịu đựng với cái giá lạnh khá dữ dội ở những vùng băng vừa mới rút đi trong thời kỳ băng hà, cho nên còn gọi nó là tê giác có lông. Trên mũi nó có hai sừng, sừng trước to chừng 0,5 mét, sừng sau bé hơn và cũng ngắn hơn một tí. Năm 1832, tiến hành cuộc khai quật trong một hang động gần Li-é-giơ (Anh) người ta phát hiện một số vũ khí thô sơ đeo bằng đá vụn về bên cạnh một số người, giữa những vụn xương đã hóa thạch của một con tê giác, một con gấu, một con linh cẩu và một con ngựa. Tranh hang động thế giới - vẽ bằng đất hoàng thổ - chỉ có hình con ma mút và con tê giác. Đó là những con thú lông xôm, to lớn nặng nề, nguồn cung cấp thịt hậu hĩnh cho người tiền sử. Nhiều nơi, không phải chỉ tìm thấy mảnh xương, mà còn cả xác chúng nguyên vẹn. Hình vẽ con ma-mút và tê giác còn thấy cả trên những xương mà loài người dùng để làm các đồ vật bấy giờ. Các bạn hãy hình dung bộ mặt tự hào đến như thế nào của tổ tiên chúng ta, những con người nguyên thủy bé nhỏ thiên tài, mình mẩy đầy lông, với ý chí chiến đấu kiên quyết dữ dội, chỉ với những vũ khí bằng đá thô sơ, trong tiếng reo hò man rợ ở giờ phút thắng lợi của nỗ lực cuối cùng, lao vào đâm gục những con ma-mút, tê giác khổng lồ. Và ánh lửa cháy bừng trong đôi mắt họ, khi họ soi đuốc lên vách hang động ngắm nhìn tác phẩm đầu tiên, mô tả những con vật mình vừa chiến thắng, cho dầu là con vật vụn về.

* *Tê giác châu Phi* Các bạn biết đấy, tê giác là con thú hiếm hoi sống sót trên địa cầu giờ đây. Cùng giống với nó là ngựa, ngựa vằn và con mạch (tapir). Tuy nhiên, trong số ít ỏi tồn tại, nơi còn tập trung nhiều nhất vẫn là châu Phi xưa nay. ở Liên Xô và nhiều nước trên thế giới, người ta quy hoạch nhiều khu rừng cấm rộng lớn gọi là lâm viên quốc gia để bảo vệ những muông thú hiếm hoi. ở châu Phi, tê giác được tập trung sống có vùng, được canh gác nghiêm ngặt để tránh cho chúng khỏi bị tiêu diệt. Con tê giác châu

Phi thật hết sức vụng về, có thể thế, nhưng nó lại được trang bị đặc biệt bằng hai chiếc sừng nhọn như hai cây dao rất lợi hại trên mũi, hơi quót quót, chiếc trước dài hơn chiếc sau, cùng chìa tới sẵn sàng húc phanh bụng một cách dễ dàng bất cứ một kẻ thù nào thiếu khôn ngoan, thận trọng. ở vùng lùm bụi này giữa mùa khô, tất cả các giống vật đều phơi ra bộ lông nhuộm đỏ của màu đất đá tổ ong trong khu vực. Những con ngựa vằn đều đỏ, những con đà điểu đều đỏ... tất cả những con thuộc các loài bò, bay, máy, cựa... gì sống ở đây cũng đều đỏ. Vùng đất hoang vu, bụi lùm gai góc thường là nơi cư trú của nó. Nó chẳng vốn thích ăn cây cỏ có gai mà lỵ! Giữa toàn cảnh sắc trời nhuộm trong sắc đỏ, có một khối đen đang chuyển động. Chính nó đấy! - Đừng sợ nó! Đừng sợ nó! Các bạn hãy nghe tiếp lời của một tay săn thú rừng lão luyện người âu, mà tôi xin phép được dịch sau đây: "Đừng sợ nó ! Miễn là sống chết chớ để cho một cơn gió xoay chiều mang hơi người của chúng ta đưa vào mũi đối thủ. Con tê giác có cặp mắt ti hí đáng ghét, đôi tai hết sức tầm thường nhưng mũi lại thính tuyệt vời. Nó lao vào địch thủ không phải nhờ mắt thấy, mà bằng mũi và quật húc các mùi đôi khi nó chưa nhận rõ. Trời nóng như đổ lửa. Nó xoay vòng để tìm một bóng râm. Đó là giờ nó ngủ trưa. Một cái cây có thể đủ bảo vệ chúng tôi trong trường hợp bị tấn công. Đó là một cây bao-báp rườm rà đã trụi hết lá, chỉ cách chỗ bụi nhỏ dường như con tê giác đã quyết định chọn làm nơi nghỉ, không quá 50 mét. Gió trở chiều và cuốn thành xoáy lốc trên dải đất nóng hầm hập này. Chốc chốc người dắt đường lại lấy chân cào đất xem hướng bụi bay để kịp ra hiệu cho chúng tôi dừng lại hoặc bảo chúng tôi tức khắc dừng nhúc nhích. Con tê giác quay đầu về tất cả mọi hướng. Nó cảm thấy có động rồi. Bèn nhảy lên một cái, hít hít không khí về phía chúng tôi, vừa xáp gần lại vừa âm ỉ học lên. Cứ thế nó từ từ tiến đến... Nó đây rồi trong dáng đứng đồ sộ về sức mạnh, thảm hại vì xấu xí với bộ da dày lâu năm sần sùi và dãn dúm, cặp mắt ti hí nhỏ xíu, hai chiếc sừng mọc thẳng đứng, mũi phì phì gần như bốc khói. Anh bạn du lịch và săn chơi tài tử súng đã lên vai ngắm nó rồi, còn đưa mắt nhìn tôi. Khẩu súng sẵn trong tay tôi vẫn chúc nòng xuống đất. Tôi có thói quen, hễ nâng súng lên là tức khắc nổ ngay. Bỗng nó quay ngoắt đầu lại vì nghe tiếng động to hơn của một chiếc ô tô, xa xa hướng sau lưng. Nó xoay cả thân hình đồ sộ đuổi theo. Không chạy thẳng về phía trước, như một cầu thủ bóng bầu dục (Ru-bi) bị đuổi, nó chạy khoảng 30 mét và bằng cách cong oằn mình của vận động hai chi sau, nó ngoắt 45 độ, lại bắt đầu chạy,

lấy bộ phóng tới một hiệp nữa, lao theo góc 90 độ... Và cứ thế nó tiếp tục đuổi...". Nặng hơn một tấn, cao đến vai 1 mét 65, từ mõm đến chót đuôi dài 3 mét 60, với hình dáng lạ lùng như đã kể trên, con tê giác châu Phi xuất hiện giữa rừng rậm và sa mạc của "Lục địa Đen" như một quái vật thời tiền sử. Nó có thể sống hàng tháng ở những vùng khô cằn, thiếu nước bằng những chồi lá, mà không cần uống. Trong lớp da dày, như bộ áo giáp, nó có thể an nhiên sống giữa những vùng nóng bỏng như sa mạc ả-ha-ra hay gần trên những núi cao trên dưới 1.200 mét, lạnh buốt như đỉnh Ki-li-man gia rô. Trông dáng vẻ lãnh đạm, chậm chạp nặng nề thế đấy, nhưng gặp địch thủ thì nó hết sức hung tợn và cực kỳ nhanh nhẹn. Dù đang nằm sấp, chỉ nháy mắt nó có thể đứng phắt dậy, xông tới như một đầu xe lửa lao hết tốc lực. Dưới nước, nó bơi cũng rất nhanh, lặn 3 phút mới ngoi lên thở, con nào trằm lâu nhất thì được đến 5 phút. Nó có thể chạy trung bình 30 km giờ và leo lên những sườn đá dựng dễ dàng như con dê núi, con nai. suốt ngày nó tìm nơi râm mát để nghỉ. Thường nằm sấp xuống đất ngủ, đôi khi thiêu thiêu ngủ đứng, đầu thông xuống. Khi hoàng hôn xuống, nó đi tới những vùng đầm quên thuộc có khi cách nơi nó ở mười ki-lô-mét - sung sướng được ngâm mình trong nước lâu lâu. Rồi nó tung tăng lặn lội trên bùn lầy ven bờ và tự "tắm quất" cho mình bằng cách hích vai, đập mông, cọ lưng vào cây cối và đá. (Các bạn xem lại đoạn trên Lý Đào (Tống) chép rằng: "Cho ăn thì phải lấy gậy đánh nó mới ăn", thì có phải chính cống, đích thị "kỳ lân" Giao Chỉ là con tê giác không chứ? Gậy đánh đối với nó chỉ mới như gãi da, chỉ tổ ngứa lưng thêm, sao bằng nó tự "tắm quất" lấy!) Mát mẻ, khỏe khoắn rồi, nó cảm thấy bắt đầu đói bụng, thèm ăn, bèn hồi hả trở về "nhà". Màn đêm bắt đầu buông xuống. Tựa như một chiếc xe ủi đất, nó xông vào rừng rậm và bứt... bứt... rào... rào, nó dùng môi để giật lá và búp cây, ngấu nghiến liên tục ăn đều đều như một cái máy. Cả gai nhọn nó cũng ăn một cách ngon lành. Mãi đến khi trời hửng sáng nó mới trở ra cánh đồng, tìm một chỗ nghỉ ngơi yên tĩnh, để có thể dễ dàng quan sát chung quanh, phòng tránh mọi tấn công bất ngờ.

* *Con thú quý trong các sở sưu tập* Kỷ nguyên thám hiểm - cho dù tất cả những thu thập được ở Tân thế giới - không còn tí chút gì là một thời đại "của châu Mỹ". Mất người châu Âu không còn chú mục ở phương Tây, mà là phương Đông. Cuộc viễn chinh vòng quanh châu Phi, con đường hàng hải hướng về Ấn Độ mang lại nhiều kết quả tức khắc phong phú hơn con đường vượt Đại Tây

Dương. ở Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha v.v...nói chung người ta thích những chiếm hữu mới từ châu Phi và phương Đông hơn là Braxin. Đầu thế kỷ thứ XVIII, Xéc-văng-tétx còn mô tả Lít-sbon trong quyển du ký "Péc-xin và Xi-gít-xmông" (Persile et aigismonde) như một thành phố lớn nhất và phồn thịnh nhất châu âu, bằng lời giảng giải: "Nơi đây đổ về các kho báu phương Đông, và cũng chính nơi đây những của báu ấy tung ra toàn cõi địa cầu". Vàng, hương liệu và gia vị, gấm lụa, gốm sứ... cự phú nào cũng có thể có được. Kẻ nào muốn khoe tài sản của mình thì cứ phô trương các con vật lạ nước ngoài mang về từ châu Phi và châu á. Các động vật của Tân thế giới dường như không còn mới mẻ, không còn làm vui ai. Chúng không thể hài hòa với cái đẹp lý tưởng của cuộc văn nghệ Phục hưng (tại châu âu về thế kỷ XV và XVI) đang nhằm phục vụ quý tộc, thế lực uy quyền và khinh bỉ những gì là thú vị mặm mà (le pittoresque). Các ông hoàng ít còn quan tâm đến những con vật da phủ vẩy sừng hay là gai nhọn mà các tay hàng hải mang về cho họ; và không một nhà danh họa nào không khinh bỉ, miệt thị đặt chúng vào chỗ góc trong bố cục toàn bộ của bức tranh mình. Chỉ còn vài con chim lông màu sắc sỡ bắt được từ bên kia đại dương là còn được miễn thứ dưới mắt họ. Hiển nhiên là không có gì, hay hầu như không có gì thay đổi, trong sự tôn vinh những con thú lạ ở các sở sưu tập (Ménagerie). Tất cả như xưa kia, sư tử, hổ và lê-ô-pa (một giống báo ở Nam Mỹ) voi, tê giác và đà điểu là những con vật được tuyển nhiệm trong các trò vui. ở vài thành phố nước ý, một con ngựa vằn hoặc một con hươu cao cổ được xem là động vật thu hút hiếu kỳ. Nhưng con thú này cũng đâu phải mới lạ hoàn toàn: 300 năm trước, hoàng đế Prê-đê-ric II (Frédéric II de Hohenstaufen) đã đưa về châu âu con hươu cao cổ đầu tiên.

Những con mẫu đẹp nhất đều là tặng phẩm của các ông hoàng phương Đông, tuy nhiên vẫn có thị trường bán buôn các con thú lạ thường xuyên. Những nhà tài tử mua chúng bằng các giá khổng lồ không thể tưởng. Một trong những sở sưu tập thú lạ phong phú nhất bấy giờ, hiện diện ở Rô-ma - Giáo hoàng Lê-ông X - thuộc dòng họ Mê-đi-xít - quan tâm đến điều này không kém gì sự phát triển nền mỹ thuật. Đó là truyền thống của gia tộc họ từ xưa. Nhà hào sản Cốt-xmơ-đờ Mê-đi-xít (1389-1464) thương nhân và chủ ngân hàng kiêm thủ lĩnh chính trị ở Phơ-lô- răng-xơ người góp phần xây dựng cho Phơ-lô- răng-xơ thành một trong những đô thị phồn thịnh nhất đã dựng lên một quang cảnh xứng đáng với

Nê-rông, để nghênh tiếp giáo hoàng Pie II: trên quảng trường của lãnh địa, người ta tập hợp nhiều con sư tử, bò tót, heo rừng, chó và một con hươu cao cổ hy vọng sẽ dẫn đến cuộc chiến đấu buồn cười, nhưng mọi sự thể diễn ra không như chương trình dự định. Những con sư tử còn ôn hòa hơn người, không muốn động chạm gì đến những con vật khác. Dưới thời Lô-răng-prơ-mi-ê đờ Mê-đi-xít (Laurent ler médicis dit le magnifique 1449- 1492) - thương nhân, chủ ngân hàng, nhà triết học, thi sĩ và là ông hoàng xứ Phơ-lô-răng-xơ, còn là nhà chính trị ngoại giao lỗi lạc, cháu nội Cốt-xmơ-đờ Mê-đi-xít (Cosme de Médicis) - ở Phơ-lô-răng-xơ, những con sư tử có một tính khí hung hăng hơn: con to đẹp nhất trong bầy đã bị những "người anh em" của nó xé tan xác nhưng con hươu cao cổ của vua Thổ Nhĩ Kỳ gửi tặng "ạư Bồ đề Phơ-lô-răng-xơ" thì được chữa ra, vô sự. Con trai của Lô-răng gia tăng cho Rô-ma thêm vẻ tráng lệ bằng một ả sư tập thú lạ cao kỳ: Các ông hoàng tranh nhau cung hiến để bổ sung đầy đủ các con vật trong sưu tập thuộc về Giáo hoàng, nhưng ở đó những con mẫu mới châu Mỹ vẫn còn thiếu hụt. Khi vua -ma-nuy-en của Bồ Đào Nha muốn tỏ lòng tôn kính với Giáo hoàng, cũng đồng thời làm lấp lánh dưới mắt ngài những kho báu của vương quốc mình, đã gửi dâng những con thú không phải ở thuộc địa Nam Mỹ của ông ta, mà là một con voi khổng lồ, hai con lê-ô-pa biệt hạng và một con báo đã thuần hóa nằm ôm lưng một con ngựa Ba Tư. Người ta còn dự tính hơn thế nữa: "Một con tê giác!". Con thú mong đợi của tất cả mọi người châu âu khao khát hiếu kỳ. Nhưng than ôi! Chiếc tàu chở nó đến nước ý đã chìm trong một cơn bão, mang theo con vật quý báu xuống đáy biển mất tăm. Cho dù không có bộ phận hấp dẫn then chốt này, cuộc diễu hành qua các đường phố Rô-ma là một trong những quang cảnh hiếu kỳ bậc nhất, không bao giờ còn có thể diễn ra trong thành phố vĩnh cửu này.

Trước lâu đài Saint Ange, giữa các Hồng y giáo chủ bao quanh, Lê-ông X hân hoan tiếp nhận những đại diện dị thường của vương quốc Bồ Đào Nha. Con voi kính cẩn nhúng vòi vào một bồn nước pha nước hoa và vẩy ba lần lên Giáo hoàng và công chúng, trong khi các khẩu đại bác bắn âm âm nhiều loạt và chuông các nhà thờ thả cánh đồ liên hồi. Cho dù có vẻ khôi hài như thế đó, quang cảnh này báo hiệu một tư tưởng mới. Thậm chí trong các buổi lễ công cộng của quần chúng mà mục đích cuối cùng là thỏa mãn tính hiếu kỳ, người ta cũng không còn bằng lòng tung ra những bản năng nguyên thủy của súc vật bằng cách dạy tập, sự

chiến thắng của con người trên con vật nhờ trí thông minh thượng đẳng, cho tới bây giờ vẫn là mục đích ta tự đề xuất và xiết bao rạn vỡ tự hào mỗi khi đạt đến. Điều này vốn là di sản của thời kỳ Phục hưng. Các loài thú nhiều giống cực khỏe, vô cùng lợi hại, tất nhiên về mặt này con người phải vượt xa hơn chúng. Và càng ít sử dụng tới vũ khí, cố gắng đạt được kết quả mong muốn bởi ý chí và thông minh duy nhất thì chiến công càng oanh liệt.

* *Dũng sĩ cô đơn* "Ngưỡng thị bách điều phi Đại tiểu tất song tường!" "Ngửa mắt trông trăm con chim bay! Con lớn con nhỏ gì cũng đều có đôi có bạn rõ ràng!". Đó là hai câu mở đầu của một nhà thơ cỡ bự, nước Tàu xưa, trong bài thơ than buồn về số phận hẩm hiu loi lẻ của mình! Muôn loài đều sống có bạn có đôi! Chỉ riêng con tê giác cứ lang thang một mình, từ khi còn trẻ trắng cho đến tuổi già tàn hết cuộc đời... ở rừng có nhiều con cũng sống một mình, mà chỉ lúc về già. Như con heo rừng, thợ rừng thường gọi là heo độc chiếc. Hay bởi lúc về già, nó sinh lắm cảm khó tính, không muốn sống chung với bầy đồng loại? Heo độc chiếc rất dữ và nguy hiểm hơn bất cứ một con heo đầu đàn nào. Như con voi độc, là voi đực già yếu bị voi khác lớn lên đánh đuổi, loại ra khỏi đàn, hoặc cũng là voi cái không đẻ, người Thái gọi là "Trạng so lo". ở biển có con chim én sống trên các hòn đảo, con về già cũng ở một mình, dân "ăn yến" thường gọi nó là yến độc. Trong hang, nó tìm chỗ ở riêng, sống riêng chẳng phiền ai (hẳn là nó rất tự trọng). ácn độc cũng còn để chỉ một con trống hoặc mái đương xuân, vì lý do nào đó bạn đời mất đi, nó ở vậy đến hai ba năm mới ghép đôi với "bạn mới". Tính ràng buộc tự tôn, thủ nghĩa ba năm mới tái giá hết kiểu phong kiến Tàu của con yến này cũng rất lạ. Hay ngày xưa Khổng Tử đã từng quan sát, hoặc nghe dân biển kể rồi học, bắt chước con chim này mà đặt ra vấn đề thủ tiết, để bắt con người phải tự làm khổ mình chơi! Nói vòng vo vậy, cũng chỉ vì chưa hiểu tại sao con tê giác từ muôn xưa vẫn cứ sống cô độc, lang thang chỉ một mình giữa ngàn xanh lạng lẽ. Mở mắt chào đời, tê giác hài nhi đã to, nặng trên dưới 60 ki lô gam. Chú bé vẫn bú tí mẹ cho đến khi hai tuổi. ấu mạnh - từ khi bắt đầu cho tới một lúc nào đó không còn cuộc sống trên quả đất này - bao giờ cũng vẫn là quy luật của rú rậm hoang bạo thời nguyên thủy. Không khỏe, không đủ sức tự vệ thì bị hủy diệt. Thế nên con tê giác con thôi bú rồi vẫn sống bên mẹ cho đến lúc lên năm, bảy tuổi. Đủ sức chống chọi với cuộc đời rồi, chàng tê giác vị thành niên mới từ biệt mẹ, ra đi. Chọn một khoảng rừng, một góc sa mạc nào làm nơi cư trú. Giữa

biệt tịch cây rừng đá núi, cát, đồi hoang vu, gã đầu phải là Chúa muôn loài. Chúa tể của những vương quốc này, là ại tử, là Hồ kia. Thế nhưng ại tử và Hồ cũng sống có đôi, có bạn, vẫn tập hợp từng bầy để tăng cường uy lực và bảo vệ giống loài. Gã vẫn cứ sống một mình, cô đơn. Hay đó là mặc cảm của "một trang nam tử" tự biết mình xấu xí, vô duyên, chẳng muốn đánh bạn với ai. Và nỗi buồn cô độc ngàn xưa đã kết thành đặc tính lạnh xa và hận thù tất cả? Nếu hai con tê giác lạ gặp nhau, chúng có thể đánh nhau cho đến khi một trong hai con, hoặc cả hai con cùng chết mới thôi. Trong quyển "Con sư tử" của Két-xen, có mô tả cảnh một con tê giác và một con voi đi ngược chiều, đụng đầu nhau trên lối hẹp giữa hai cánh rừng. Không con nào nhường lối cho con nào. Vì tính kiêu ngạo tự phụ, cuộc huyết chiến diễn ra vô cùng ác liệt. Con voi gào rống, nghiêng vai hích, huơ vòi vật ngã con tê giác, dùng bốn chân to như cột đình xéo, chà đối thủ. Con tê giác thấp lùn hơn, dùng sừng húc ngược lên bụng con voi đến banh ruột. Hơn một giờ sau, cả hai con cùng kiệt sức bên vũng máu của mình, giữa đám cây gãy rạp vương đầy bùn và máu. Con tê giác bị chà chết. Còn con voi ngất ngư. Bơ-lít tay sấn kiệt hiệt đã kết thúc sự đau đớn cho con voi bằng một phát súng tối hậu. Đối với người cũng vậy, thấy người nó tức khắc xông tới như một đầu xe lửa mở hết tốc lực. Thường thì đối với người nó hay nổi giận, phát khùng. Nó có thể húc tan tanh một chiếc ô tô, đôi khi tiến công cả đoàn xe lửa! Đờ dẫn lang thang, mặc cho mưa dầm nắng cháy, mặc cho các loài vật chung quanh kêu nhơ gọi bầy, chàng dũng sĩ cô đơn chỉ có một bạn bé nhỏ duy nhất là con chim bọ chó đoàn giễu. Các con vật trên rừng dưới biển theo đậu trên lưng. Thấy động là nó bay lên kêu ánh ỏi. Anh bạn quý này là ân nhân, cũng đồng thời là kẻ đưa tai họa đến cho chàng. Những người thợ săn phát hiện được ngay con tê giác ẩn trú chỗ nào giữa mịt mù cây lá, nhờ có con chim này! Tạo hóa vốn đã phú cho muôn loài có bốn phận duy trì nòi giống. Chàng tê giác cô đơn, cứ mỗi năm lại sức nhớ đến trách nhiệm của mình. Những con tê giác cái kiêu hãnh đến điên cuồng húc con đực đến đổ máu, và tất nhiên là nếu chàng không toi mạng thì sự giao phối mới bắt đầu. Rồi lại mỗi kẻ mỗi nơi. Con cái ôm bầu nặng nề đặng đặng một năm rưỡi (18 tháng), bà mẹ cũng cô đơn kia - mới sinh hạ ra chú tê giác con. Cha nào con nấy! Chú bé tê giác kia lớn lên lại sống y cuộc đời lang thang và cô đơn của bố. Và cứ thế! Ngày xưa con tê giác phân bố trên toàn cõi địa cầu, từ xứ sở của giá lạnh đến các miền nóng, ấm. Giờ thì chỉ còn sống rải rác ở

những vùng nhiệt đới. Nó đang đi trên con đường tuyệt diệt. Theo tôi, do bởi nó sinh đẻ ít, thời kỳ thai nghén kéo dài mà mỗi lần đẻ chỉ một con, và hơn nữa nó không biết sống thành đàn để tạo nên sức mạnh bảo vệ. Và điều nghiêm trọng hơn cả là nó bị những cuộc săn đuổi, tìm diệt ráo riết của con người. Bởi cặp sừng tê giác châu Phi là thuốc kích thích rất mạnh. Đó là một trong những sản phẩm loài vật quý giá nhất thế giới. Khoảng năm 1969-1971, trung bình một sừng tê giác ở Môn-ba-sa (châu Phi) hay một cặp sừng nào đó ở ấn Độ Dương giá 100 đô la, còn ở thị trường á châu thì lên đến trên nghìn đô la. Sừng tê giác châu á, nhiều người nói cũng quý, nhưng rẻ hơn mặc dù nó còn có thể chữa người bị ngộ độc, bị rắn độc cắn v.v... Da nó cũng là một vị thuốc quý. Tôi chưa có trong tay tài liệu nào chính xác, khẳng định về tác dụng Đông y này, chẳng biết hiệu quả có đúng thế không? Như lời anh Bảy Thương kể với anh Tế Hanh, thì da nó chữa được bệnh sốt và người bị rắn độc cắn. Trường hợp bị rắn độc cắn, anh Hoài Vũ (tác giả bài thơ Vàm Cỏ Đông) thuật lại với tôi rằng: "Hồi những năm đầu chống Mỹ, có lần anh dẫn một đoàn cán bộ Trung Quốc vào B.2. Lúc chạng vạng anh bị một con rắn chàm quạp (chàp oạp?) cắn. Chàm quạp là một loại rắn rất độc, màu nâu đen, con to nhất chỉ bằng ngón tay cái, đầu nhọn, bé nhưng mép rộng nên nó há họng được rất to. Trời mưa, đêm tối nó hay nằm bên các vũng nước cạnh đường đi, để bắt mồi.

Chàm quạp lửa, da mun đen, nổi hạt cườm đỏ như ớt chín từ đầu tới giữa sống lưng (có lẽ rắn già) rất đẹp. Lính Mỹ gọi nó là "sng ba bước". Bởi chúng càn rừng, thấy phong lan, trái mây, v.v... thích lắm, thấy ông đẹp, bắt cầm lên tay đem về chơi, nó ngoặt một cái, đi ba bước ngã xuống chết ngay. Anh em cán bộ, bộ đội ta chết vì loài rắn độc này cũng nhiều. Anh Hoài Vũ bị nó cắn, bên ngoài lán cơ quan lúc sẩm tối. Anh nói: "Tôi nghe như có cục lửa bằng quả trứng gà từ dưới chân lên dần tới háng, hoảng quá. Bỗng sực nhớ có miếng da tê giác tùy thân - xin của bà con Tây Nguyên - để trong ba lô bèn chạy vào lán lấy ra, rửa nước nóng, đặt lên vết cắn. Vừa áp sát miếng da tê giác vào, tức khắc tôi có cảm giác thấy cục lửa bên trong háng dần dần đi xuống... Dường như cục lửa ấy bị miếng da hút xuống hết..." Tôi quên hỏi sau đó anh có uống thêm thuốc gì không. Chắc không. Vì nếu có thì Hoài Vũ đã nói luôn rồi. Duy chỉ có điều là anh cười cười - các "ông bạn quý" thấy vậy, cứ hỏi xin miếng da đó, anh bèn cho luôn, đối ngoại mà! Chưa thấy có đoàn xiếc nào tập cho con tê giác làm trò biểu diễn. Mặc

dầu cụt cần, hung tợn vậy, nhưng nó là con thú rừng dễ dạy nhất ở châu Phi. Nhốt trong trại, nó nhanh chóng trở thành con vật dễ thương, đến mức có thể cầm lá cho nó ăn ngay trong tay được. Khi chủ gọi, nó ngoan ngoãn đến kề để chủ lau tai cho và thích thú lăn đi lăn lại dưới đất để được chủ gãi bụng. Kết-xen (Joseph Kessel, gốc người Nga, sinh năm 1898 ở ác-hen-ti-na) viết về rừng rậm châu Phi, nổi tiếng cỡ Ruy-đa Kíp-pling có khẳng định là: "Con vật nào ta dưỡng nuôi, chăm chút thương yêu từ bé cũng đều một lòng một dạ theo ta, sống chết với ta dù đó loài thú rừng hung hãn, dữ tợn nhất" và "Tâm hồn trong sáng, tính ngây thơ con trẻ dễ gần gũi và chinh phục được thú rừng nhất". Tê giác ở xứ ta còn ít hay nhiều, còn được bao nhiêu? Đó là câu hỏi vẫn hằng ám ảnh tôi mỗi khi nghĩ về các loại thú rừng Đông Dương. Nhất là qua cuộc chiến tranh can thiệp của đế quốc Mỹ, bom rải thảm B.52 và hóa chất độc làm trụi lá rừng của chúng ta ngày đêm tuôn rải mịt trời, hết năm này sang năm khác, liệu giờ đây nó còn sống sót được mấy con? Hà Nội, tháng 6-78 (Có sửa chữa lại 10-85)

Bổ sung: K' Pá - Bí thư Đảng ủy xã Đồng Nai Thượng, trước là chính trị viên huyện đội, phục viên năm 1975, anh còn là một tay thợ săn lão luyện, kể: "Đã có 2 lần tôi bắn được tê giác" - Hồi đó, chưa có lệnh cấm. Lần đầu trên đường đi công tác về, tôi gặp nó đang đầm mình dưới vũng bùn. Con tê giác đó nặng tới hai tấn rưỡi là ít. Tôi kêu anh em bộ đội tới. Phần tôi chỉ lấy vài ký thịt và khối u trên đầu nó. Khối u rất kỳ, đặt cọng cỏ tranh lên tróc, lá cỏ tự quay y như chong chóng trực thăng. Mỗi tháng phải đổ vào đó một ký gạo, nó tiêu đâu bằng hết. "Lần thứ hai tôi đang ngồi hút thuốc thì một con tê giác xộc tới, đôi hàm răng nó ngầu bọt. Tôi bắt buộc phải nổ súng. Loại thú này rất lạ. Hễ động thấy mùi khói là nó xông đến. Người ta bảo tê giác rất thù lửa. Ậu này tôi còn gặp một vài con khác ở bãi Cát Tiên, ở rừng chim. Muốn coi tê giác con, phải chờ mùa khô mới đi được...". (Trích Bát Ngát Đồng Nai Thượng)

RỒNG HAY LÀ RẮN BIỂN

* *Từ những huyền thoại* Nước ta vốn có nhiều chuyện cổ tích, huyền thoại, truyền thuyết về con Rồng. Như chuyện "Lạc Long Quân lấy bà âu Cơ, đẻ ra trăm trứng, nở trăm người con. Năm mươi người con theo cha lên núi, năm mươi người con theo mẹ xuống biển..." được xem như một biểu tượng chứng minh quần thể cộng đồng người Việt cư trú trên lưu vực sông Hồng từ xa xưa, vốn cùng "trong một bọc sinh ra" cùng "chung nòi giống Tiên Rồng". Có thể từ xa xưa, sống trên vùng đất thường xuyên bị ngập nước, và càng về sau càng mở cõi dọc ven biển về phương Nam, hình ảnh "Rồng" là con vật oai hùng nhất giữa phong ba mà các cụ thường bắt gặp trên biển cả? Cho dù tổ tiên chúng ta từ cổ sơ không có tục "bái vật" nhưng mặc nhiên con "Rồng" trong truyền thuyết vẫn được xem như "Vật tổ". (Một số dân tộc miền núi nước ta như người Thái xưa có tục thờ ông Cuốn

- thần Rắn - Cuốn là biến âm của Luông - Long tức con Rồng). Như sự tích chùa cổ Thiên Lộc Tự (thời Cảnh Hưng 1740-1786) còn ở Phú Khánh hiện nay. Truyền rằng: Ngày xưa trong thôn có người quả phụ, tục gọi là Bà ấu. Đêm thu nọ trời trong trăng sáng, có bốn người đàn ông lực lưỡng vào xin tá túc qua đêm. Thấy nhà không sẵn giường, chiếu, khách bèn mượn 4 chiếc nong đem ra sân lót nằm. Gần sáng. Bà ấu thức dậy bước xuống sân, toan ra giếng múc nước rửa mặt. Eo ôi! Trong mỗi chiếc nong đều có một con rắn lớn tày cột nhà nằm khoanh tròn, vẩy lấp lánh sáng ngời dưới ánh trăng sắp lặn. Bà kinh hoàng hét lên một tiếng ngã lăn ra bất tỉnh ! Khi bà tỉnh dậy, thấy bốn người khách ngồi chung quanh giường. Một người nói: - Bà đừng sợ. Chúng tôi là Long thần ở Thủy cung, vâng lệnh Long vương lên núi lấy gỗ. Được bà chiếu cố, chúng tôi đâu dám quên ơn. Đoạn, họ từ già lên đường. Tháng sau, trời bỗng mưa tầm tã hai ngày hai đêm, nước sông cuộn cuộn dâng lên tràn ngập cả xóm làng. Nhà Bà ấu ở trên gò cao nhưng nước cũng vào sân mấp mé đến thềm. Ai nấy đều lo, vì mức nước cứ mãi dâng lên. Đêm, Bà ấu buồn rầu chong đèn ngồi nhìn nước lụt, chợt thấy bốn người đàn ông nọ bước vào

nhà. Một người nói: - Chúng tôi chở gỗ về Thủy phủ. Nhân qua ngang ghé thăm bà. Bà chớ lo. Nước sẽ xuống trong đêm nay. Nói xong liền từ biệt. Quả nhiên sau đó nước rút dần, và đến sáng hôm sau thì nước rút xuống hết. Trời đổ một trận mưa "xối bùn" rồi mây tan, nắng hừng. Và trước thềm nhà Bà ấu, một bè gỗ danh mộc nằm ngay ngắn như có người xếp và không dính tí bùn... Bà biết rằng đó là của Long Thần đã tặng bà. Nghĩ mình góa bụa, không con cái, một túp lều nhỏ cũng đủ che mưa nắng... bà bèn đem bè gỗ cúng dường cho nhà sư đang che một thảo am tu hành bên cạnh. Nhà sư mới dùng bè gỗ ấy dựng nên chùa và lấy tên Thiên Lộc Tự ngụ ý Chùa này là lộc của trời cho.

* ... *Đến tên đất tên sông và các món ăn* Con Rồng như ta vẫn hình dung hay bắt gặp trong tranh cổ, tượng đá, trên hình khắc chạm cột kèo ở các đình chùa là không có. Tuy nhiên, có một loài bò sát, vừa sống được dưới nước vừa bay được trên không mà các nhà động vật học và giới khoa học tây phương vẫn gọi nó là rồng, ngày nay đã tuyệt diệt, chỉ còn lại những vật mẫu xương đã hóa thạch. Thậm chí một vài người mê tín ở phương Tây còn cho rằng nó sống được trong lửa nữa kia bởi bọn họ đã có người từng trông thấy (!) Đó là con Xa-la-măng-đơ. Năm 1963, một tờ báo xuất bản ở Bắc Kinh có nói đến một loài xương thú cổ xưa, tìm được ở Hoa Nam. Theo báo này thì khoảng 1.500 mẫu xương thời xưa của Viện động vật Vân Nam đã sưu tầm được, trong đó có "nhiều loại bò sát vừa lội dưới nước vừa biết bay, nhiều loại ếch nhái có cánh, nhiều loại quạ có sừng và nhiều loại cá nước ngọt có hình thù kỳ dị v.v..." Có thể khẳng định Rồng (có râu sừng, vây, chân móng) chỉ là sản phẩm tưởng tượng của các nghệ sĩ phương Đông, qua hình ảnh những con Rắn biển mà thỉnh thoảng các nhà hàng hải vẫn gặp trên các đại dương.

* *Bí ẩn của loài rắn biển* Chuyện con vật phổ biến nhứt - trong các loài thủy quái - tồn tại mãi đến giờ đây là con rắn biển. Cho dù nó đã được lưu truyền từ xưa, nhưng tuyệt đỉnh vinh quang của con rắn biển là ở vào thời đại thám hiểm - Một trong những nhà động vật học lừng lẫy nhứt - s-lớt Ma-nhuýt, phát ngôn nhân có uy tín tối cao bấy giờ về các loài vật cực Bắc - đã mô tả rắn biển năm 1550 "dài đến 200 mét, chỉ bằng khúc thân mình phía trước nó có thể quán trọn một chiếc thuyền buồm lớn". ở các mô tả khác, thì nó chỉ dài 30 mét, không thái quá lắm so với những loài cá to hoặc động vật có vú khác ở biển. Ngày 11 tháng 10 năm

1876, tại eo biển Ma-lắc-ca. Chiếc tàu thủy chạy hơi nước Nết-xto của Anh đang nhằm trực chỉ Thượng Hải thì viên thuyền trưởng bỗng trông thấy một con vật quái lạ nổi lên từ dưới nước. Ông ta nhớ rõ đó là một con ọa-la-mang-đơ khổng lồ có đầu to và đuôi dài, mình vạch sọc vàng sọc đen, lớp da nhờn kiên cố của nó dường như cấu tạo bằng chất keo. Bề dài của nó ước lượng có đến 60 mét. Ngày 7 tháng 12 năm 1905, ngoài khơi Bra-xin, hai nhà động vật học lỗi lạc, đi trên chiếc du thuyền Van-ha-la đã dùng ống nhòm quan sát một con vật lạ lùng, cổ dài hơn 2 mét vượt chéo lên khỏi các ngọn sóng, đầu nó tương tự đầu rùa và vây lưng nó co giãn như cao su dài đến 1 mét 80 còn khúc mình chìm dưới nước dài bao nhiêu thì không rõ. Ngày 30 tháng 12 năm 1947, ngoài khơi Bắc Ca lô lai na, chiếc tàu thủy ọăng-ta Cơ-la-ra chạy xuống phía Nam, bỗng vấp phải một con vật dạng rắn, và chân vịt tàu chạt nó đứt đôi. Con quái này da trơn láng, có thân hình ống dài, và chiếc tàu đã bỏ nó lại phía sau trong một vùng nước đỏ ngầu vì máu...

Người ta có thể nhân lên nhiều thí dụ. Từ những thời kỳ rất xa xưa, nhiều nhân chứng quả quyết rằng họ đã trông thấy những con vật biển khổng lồ vô danh. Bởi những con vật "do Tạo hóa sinh ra" này nói chung đều có thân hình dài, nên người ta mệnh danh chúng là Rắn biển. Lần bắt gặp đầu tiên trước một con quái như vậy, dường như đánh dấu từ thế kỷ thứ VIII trước Công nguyên: Xác-gong đệ nhị hoàng đế Assyrie trên đường dong buồm đến đảo Aíp đã thấy nó trồi lên giữa biển.

* *Rắn biển có thật hay không?* Từ xưa, những con rắn biển khổng lồ thường xuất hiện dưới mắt những người đi biển, mà không bao giờ người ta tìm cách bắt sống cho được một con. Cho nên thiên hạ có thể dần dần nghĩ nó là "hình ảnh thất tín của một phương ngôn", nó thuộc những con vật hoang đường mà giới báo chí tung ra cho độc giả háu đói chuyện giật gân trong những tháng hè phẳng lặng, mà họ không còn những món ăn bổ dưỡng tinh thần nào khác để đưa ra thết đãi. Tuy nhiên, trong vấn đề này cũng có khía cạnh nghiêm túc của nó. Từ nhiều thế kỷ trước cho đến thời đại chúng ta, câu hỏi làm bận tâm các nhà chuyên môn là những con rắn khổng lồ ở dưới nước có thật hay không? Cuối thế kỷ vừa qua, vấn đề này lại làm nổ ra một cuộc tranh luận dữ dội giữa các nhà bác học Hà Lan và Anh (Gát-đơ - Những con vật bí ẩn khổng lồ 1886 - Gíp-xơn Những quái vật biển 1887 - sn- đơ-men-xoe Con rắn biển khổng lồ 1892). Và trong những năm 20 của

thế kỷ chúng ta đang sống, người ta tin rằng đã trông thấy trong một hồ lớn ở -cốt-xơ, một con quái giống những con Mô-xô-ri-en tiền sử một cách lạ lùng - mà người ta đã tìm thấy vật mẫu xương hóa thạch đầu tiên năm 1780 và dựng lại nguyên hình được gọi tên là "những con thần lằn sông Mơi-zơ". Thế là những cuộc bút chiến, tranh luận lại tiếp tục, trở nên càng ác liệt đến nỗi người ta không thể đi đến kết luận bằng một tiếng "có" hay "không" !

* *Đã tiếp cận con rắn biển* Ngày 17 tháng 11-1970 một đài phát thanh phương Tây đưa tin: "Một con hải vật, chết nổi lên, trôi vào bang Ma-xa-su-xét, nặng ước lượng từ 30 đến 50 tấn, giống như con lạc đà, không chân, đầu rất bé. Đó là một loài rắn biển, có lẽ sống trong hang hốc dưới đáy đại dương rất sâu. Mỹ đã mời các nhà sinh vật học và hải dương học các nơi đến nghiên cứu". Cuối dòng tin có buông lửng một câu hỏi: "Có thể con rắn biển này chết vì những cuộc thí nghiệm nguyên tử ngầm dưới nước chăng?"

Trước đó, tác giả Rô-be Lơ-xe-rơ trong quyển "Năm năm vòng quanh thế giới trên một chiếc tàu đánh cá thu" có mô tả đầy đủ, kỹ lưỡng về một con rắn biển mà ông ta tình cờ bắt gặp ở vùng biển san hô vì phải tấp vào sửa chữa chiếc tàu bị hỏng. Con rắn biển này dài 22 mét (có in cả ảnh). Ông ta đã liêu lĩnh lặn xuống thu hết can đảm đến thật gần để chụp ảnh, quay phim màu. Dường như nó bị chân vịt một chiếc tàu lớn nào đó chém bị thương lê lét bơi vào ẩn trong một vùng biển nước lặn trong suốt, không sâu mấy. Nó lơ dờ ngợp ngợp hòng há ra đỏ như máu, sống lưng đen xanh, có vảy lấp lánh ngũ sắc... Theo ông ta thì có lẽ con rồng phương Đông là hình ảnh cách điệu hóa của loại rắn biển này. Vì nó bơi sống lưng cuộn đứng chứ không nằm ngang như các loại rắn thông thường ta vẫn gặp.

* *Còn những gì chúng ta chưa biết?* Trở lại chuyện con quái ở hồ Lốc-nết-xơ xứ -cốt-xơ. Đó là một hồ lớn sâu 225 mét, nằm giữa một vùng núi. Nhiều người quả quyết đã trông thấy nó. Vậy phải tìm cách đánh bắt cho kỳ được. Những phương cách tính đến và đã dùng tới rất độc đáo xưa nay chưa từng áp dụng để chọc thủng bức màn bí ẩn của hồ Lốc-nết-xơ, nước sâu đen kịt này là : Những chiếc tàu ngầm tí hon có đèn pha cực sáng. Một chiếc cộ lớn có răng cào sát đáy, gắn máy chụp ảnh tự động bừa khắp đáy hồ, hy vọng bừa đi cào lại có thể xúc được một bộ xương của loài giống này. Và những thức ăn người ta nghĩ là nó ưa thích được đặt nhử dưới hồ, trên bãi đều biến mất. Vậy mà vẫn không thấy nó đâu.

Người ta đồn rằng con quái đang ẩn mình trong các hang hốc sâu nào đó dưới đáy chưa dò được. Giờ đây thì không còn ai lo tính mạng Nết xi (mệnh danh con quái hồ Lốc-nết-xơ) bị xâm phạm nữa. Nó đã được pháp luật bảo vệ. Từ năm 1968, các nhà động vật học đã có những bằng chứng trong tay, tin chắc sự hiện hữu của Rắn biển rồi. Đó là năm chiếc răng nhọn, hình cong dài 12 xăng ti mét, phát hiện cắm sâu vào da dày của một con cá mập đánh bắt được ngoài khơi Bồ Đào Nha. Những chiếc răng này không thuộc bất cứ răng loài vật nào mà con người được biết từ trước đến nay trên hành tinh chúng ta. Còn nó hình thù ra sao, bao lớn thì không ai rõ, chỉ biết là Rắn biển vậy thôi!

** Có bao nhiêu loài rắn biển?* Rắn biển đích thực, thuộc giống rắn độc (Hydrophadae) mà người ta tìm thấy 500 loài ở các vùng biển nhiệt đới giữa Đông Phi và Pa-na-ma, thường rất ít khi dài quá 2 mét. Loại nhỏ này, ven biển nước ta vùng nào cũng có, như con đặng, con rắn râu v.v... Còn những con thuộc họ rắn nhưng không có nọc độc như lươn biển, chình (Murène Congre) có thể to, dài hơn nhiều thì vô khối. sử ta có ghi Lê Ngọa Triều (1005-1009) là một tên vua bạo ác, thường dùng nhiều nhục hình ghê gớm đối với tử tù hoặc kẻ phạm tội để mua vui. Như "Nghe Ninh Giang có nhiều rắn độc, Long Đĩnh bắt người trôi vào thuyền rồi cho thuyền bơi qua bơi lại để rắn cắn chết..."! Mùa hè năm 1944, tôi ra chơi ở "nhà mát" thuộc biển Gò Công. Bãi biển sớm chiều đều có nhiều người đi vớt dầu, vớt "của" của những tàu Nhật bị đánh chìm ngoài khơi dạt vào. Một chiếc ghe vớt được quả thủy lôi to (để cưa đôi dùng làm chảo luộc tôm) cặp bãi, người trên ghe sợ sệt trở ra biển: "Nó đó. Nó còn ngoài đó!" Ai nấy hỏi: "Cái gì? Tàu lặn hả? " Bởi mọi người đều thấy một vệt đen dài nổi trên đầu sóng nhấp nhô, ngoài xa. - Tàu lặn đâu mà tàu lặn ! Con hải xà, đen thui, dài hơn chiếc ghe... Không biết trúng bom trúng thủy lôi gì ở đâu chết hồi nào mà sinh chương, trôi vào thúi không chịu nổi. Có nhiều người hiếu kỳ chèo ghe ra coi. Tôi góm không đi. Bây giờ tiếc mấy cũng muộn rồi. Không biết đến hết đời còn có dịp được một lần gặp như thế nữa không? Các bạn còn trẻ, chắc sẽ còn nhiều cơ hội may mắn hơn tôi.

VÀI NÉT VỀ CÁ SẤU

Ngày xưa, nước ta là một xứ có rất nhiều cá sấu. Hiện giờ cũng còn ở các tỉnh phía Nam, nhưng nói chung không nhiều. Các bạn có thể đến xem con ở vườn Bách thảo Hà Nội, dưới biển cái đê là "Cá sấu sông Dương Tử". Con này là cá sấu con chỉ bé bằng con kỳ đà. Trong Thảo cầm viên thành phố Hồ Chí Minh hiện nay có 12 con, to nhất là 80 kg, dài 3 mét; nhỏ nhất là 5 kg, dài 0,60 mét. Cá sấu ở đây thuộc loại *Crocodylus Palustris*. Từ trước đến nay, thời gian nuôi nhiều nhất lên đến 30 con. Năm 1972, Thảo cầm viên có nhập về một con dài 8 mét, nặng 200 kg. Con này bắt được ở vùng Bạc Liêu - Cà Mau. Thức ăn mỗi tháng cho 12 con là 150 kg thịt. Gồm có thịt bò, thịt trâu và vịt sống. Trước ngày giải phóng, người ta còn cho chúng ăn cả thịt chó (chặt miếng). Chi phí tiền thịt cho 12 con độ 1.000 đồng trong một tháng, chưa kể nhân công và các chi phí khác. Giống *Crocodylus Palustris* sinh hoạt ở đồng lầy và ở cả theo sông, mình xanh đen, vân cẩm thạch vàng, bụng màu sáng hơn. Cạnh vẩy ở lưng gò cao, cạnh vẩy đuôi hợp thành hai dãy mào dài theo đuôi. Loại này thường cỡ nhỏ. Nói là cá sấu đồng lầy, nhưng cũng có khi nó dám qua biển để di chuyển từ con sông này qua con sông khác. Như từ cửa sông Cửu Long sang tận Mã Lai chẳng hạn. Bằng cứ là người ta đã gỡ chúng ra khỏi lưới đánh cá ở ngoài biển mà chúng đã vướng và làm hư hại nhiều. Hồi thế kỷ thứ XIV, XV đời Lê Thánh Tông đem quân đánh Chăm, tới sông Pan Đua Rang, gọi sông này là ụ tử ngư giang (sông cá sấu). Chính sử (Đại Việt sử ký toàn thư) cũng ghi: Lý Thường Kiệt đem quân đánh Chăm, cá sấu nhiều quá không qua sông được. Đời Trần Thái Tông, cá sấu nổi lên và tác quái ở sông Lô (tên lúc bấy giờ của sông Nhị) quan Hàn lâm Nguyễn Thuyên làm bài văn tế cá sấu bằng chữ Nôm, đứng đầu thuyền đọc và thả xuống nước. Cá sấu lặn xuống đi mất. Vua khen ngợi ban cho Nguyễn Thuyên họ Hàn - Hàn Thuyên - ví với Hàn Dũ đời Đường bên Tàu đã từng làm bài văn tế cá sấu thả xuống sông Tiền Đường... Đây là huyền thoại và thấy sử có ghi như thế, nên cũng lược dẫn ra đây tham khảo). Trên một lưới qua (búa) cổ và trên trống đồng Đông Sơn thấy có hình cá sấu (hân hoi đúng như cá sấu bây giờ) Hiện đang

còn bày ở Bảo tàng lịch sử Hà Nội. ải Gòn xưa còn gọi là Bến Nghé. Bến Nghé của tiền tan bọt nước Đồng Nai tranh ngói nhuộm màu mây (Đồ Chiểu) Tên sách xưa gọi sông ải Gòn là sông Ngư Chũ "Tương truyền sông này trước nhiều cá sấu từng đàn đuổi nhau, rống lên như trâu rống cho nên gọi tên như thế..." (Đại Nam nhất thống chí) sông Tiên Thủy nay thuộc tỉnh Bến Tre, xưa cũng là một con sông lắm cá sấu. sử trên ghi rõ... "nước ngon ngọt, dùng để pha trà mùi thơm ngào ngạt, dùng để tắm rửa da dẻ trơn tru nên gọi là sông Tiên Thủy, tục gọi là ảc ải. ảc này ngoài cửa ảc có nhiều cá sấu, có con lớn bằng cái thuyền rất dữ tợn. Trước kia, người địa phương thường dựng cột gỗ ở ngoài cửa ảc đề phòng; nay giống cá sấu dữ cũng không tác quái nữa..." Cá sấu nói chung sống tập trung ở các xứ nhiệt đới hoặc gần vùng nhiệt đới. Theo Tha- naka - người Nhật, khi đồng minh đến Đông Dương giải giới Nhật, Thanaka theo ta, sau 1945 trong kháng chiến chống Pháp công tác ở báo Tiếng súng kháng địch, Quân khu 9 - thì vào lúc sắp cuối đại chiến thế giới thứ 2, quân Nhật chiếm Mã Lai. Trên bộ, quân bọc hậu đã tới. Cánh quân từ biển đổ vào, sắp tới bờ gặp đá dựng tàu không vào được, quân lính phải nhảy xuống bơi vào. Thanaka cũng có trong đám đó. Cá sấu biển rất nhiều. Hàng trăm, hàng ngàn con phóng bay trên đầu người bơi, tấp và nuốt chửng. Máu trào đỏ nước, 70/100 cánh quân này bị cá sấu ăn thịt. Ai bị ăn thịt mặc kệ. Người nào còn sống cứ bơi vào. Đây là loại cá sấu biển. Thêm một thí dụ hơi xa: Ngày 30 tháng 7 năm 1915, trên vùng Bắc Đại Tây Dương chiếc tàu ngầm Đức U.28 phóng một quả ngư lôi vào chiếc tàu buôn Ai-bê-ri-an (Ibèrian) của Anh. Tiếng nổ dữ dội bất thành linh ném tung lên không những mảnh vỡ vụn của chiếc tàu buôn này... Bọn thủy thủ Đức há hốc mồm, trông theo một con cá sấu biển khổng lồ, đầu nhọn, chân xòe màng da như chân vịt, vọt lên cao đến 30 mét rồi lại nhào trở xuống nước giữa mảnh vỡ vụn rơi lả tả của chiếc tàu bị trúng ngư lôi. Có lẽ nó đang bơi gần tàu, giật mình vì tiếng nổ và bị sức chấn động quá mạnh. Trong kháng chiến chống Pháp 9 năm, và kháng chiến chống Mỹ 20 năm ở Nam Bộ, anh em chiến sĩ đặc công ta chuyên đánh tàu địch, từng gặp nhiều khó khăn nguy hiểm vì cá sấu nhất là ở vùng sông Lòng Tàu (qua rừng ảt đổ ra Vũng Tàu) và Năm Căn - Cà Mau. Có dịp trong một bài khác tôi sẽ dẫn chứng một vài trường hợp cụ thể.

* *Từ đâu có danh từ cá sấu* Cá sấu thuộc loài bò sát lưỡng cư, có thể sống dưới nước và trên cạn, nhưng chủ yếu là sống dưới

nước. Từ nước ta đi ra nước ngoài, rồi từ nước ngoài trở về nước ta, giống như con cá sấu "từ dưới nước bò lên bờ rồi từ trên bờ bò xuống nước", đó cũng là chuyện lạ và đáng buồn cười của danh từ cá sấu. Theo sự nghiên cứu của giáo sư Đinh Gia Khánh và ông đã kể cho tôi nghe thì xuất xứ thế này: Từ rất xa xưa, tiếng Việt cổ gọi cá sấu là con thuồng luồng. Hãy ngược thời gian tìm xem nguồn gốc của tiếng thuồng luồng do đâu? Các dân tộc hệ Nam - á (Austro Asia- tique) đều có âm gọi giống nhau để chỉ một dòng sông: ălong Klong. Thí dụ như ăa-luel là tên một con sông ở Miến Điện, Mê Kông (Cửu Long Giang) chảy qua Nam Bộ nước ta - Mê: mẹ, Kông: nguồn, gốc từ tiếng cổ Ba-li Koin Ker, Long - Rông đều do ălong, Luông gọi trại ra. Dân tộc Thái - Không riêng Thái ở xứ ta - có tục thờ ông Cuốn. Cuốn là rắn. Rất nhiều dân tộc hệ Nam á thờ rắn. Cuốn cũng từ Long, Luông gọi nên. Thuồng luồng là một thứ cá sấu nói chung; từ khi chưa có danh từ cá sấu. ăau, đến một lúc nào đó, ta - nói chung người phương Nam kể cả từ Mã Lai - gọi nó là ău, ăua, ăấu. Trung Quốc phiên âm là con ăư. ăư là lớn (sư đoàn, kinh sư) thêm chữ gốc khuyển chỉ một con vật có vú vào bên cạnh. Tử là con. Tử là một đơn vị (unité) Tử: con, con sư: con sấu. Gặp con thuồng luồng ta, Trung Quốc gọi là con sư tử ngư, đó là một thứ ngư dữ hơn cả. Từ mạn trên sông Dương Tử, Trung Quốc gọi cá sấu có chữ khác: Ngạc. Từ sông Dương Tử trở xuống, họ mới gọi là ăư tử ngư. Các nhà nho ta dịch lại là cá sấu (Ngư: cá. ăư: sấu). Như trên tôi đã nhắc, hồi thế kỷ XIV, XV, đời Lê Thánh Tông đem quân đánh Chăm, tới sông Pan Đua Rang, gọi sông này là ăư tử ngư giang. Pan Đua Rang ta gọi trại ra thành Phan Rang. Rang cũng từ ălang - Klong gọi nên. Các dân tộc hệ Nam á thường có tiếng nói dính lại, riu rít như tiếng chim. (Pan Đua Rang - Phan Rang). Khi thực dân Pháp xâm chiếm xứ ta, chúng cũng gọi sông này là sông Cá ăấu (Rivière des crocodiles).

* *Đặc điểm của Cá sấu* Cá sấu thuộc loài bò sát lưỡng cư, giống ăn thịt dữ tợn, xuất hiện vào Nguyên đại trung sinh, cách nay 221 triệu năm. Đó là thời kỳ loài bò sát đặc biệt thống trị trên mặt đất (cá sấu, rùa và thằn lằn còn gọi là khủng long). Cá sấu được coi như là một trong những con vật thiêng liêng, thời Ai Cập cổ. Hình tượng con cá sấu đặt trên các đài kỷ niệm xem như biểu tượng của sự bất diệt trong thời gian. Tôi đã được xem xác ướp một con cá sấu con của người Ai Cập, cách đây hơn 2.000 năm, bày ở bảo tàng Ec-mít-ta-giơ của Liên Xô, tại Lê-nin-gơ-rát. Chứng tỏ người Ai Cập xưa chẳng những rất quý trọng mà họ còn tôn thờ cá

sấu. ... (Nhất cổ nhi Kinh khoa ngạc đoạn, Tái cổ nhi điều tán khuân kinh... (Đánh một trận sạch không Kinh ngạc Đánh hai trận tan tác chim nuông). Trong "Bình Ngô đại cáo" xưa, Nguyễn Trãi cũng đưa hình tượng cá sấu dữ bị ta tiêu diệt ngay tiếng trống trận đầu để biểu dương chiến thắng lấy lòng của quân đội ta quét tan xâm lược bấy giờ. Đủ biết cá sấu là con vật dữ. Quê ngoại tôi, vùng xưa sông Rạch Gầm, Tiên Thủy - là một vùng rất nhiều cá sấu.

Theo bà tôi và các bậc kỳ lão kể thì những con cá sấu dữ, sống lâu năm, lỗ mũi (còn gọi là bừu đóng trên chót mõm) đều hóa thành màu đỏ. Tôi chưa tận mắt thấy lần nào, nên không dám cả quyết. Trên cạn, cá sấu bò chậm chạp lúc nằm phơi nắng, há mõm cứng đờ như một khúc gỗ chết. (ở vườn Bách thú, trẻ con ném đá, vất sỏi vào miệng nó cũng nằm in không động đậy). Nhưng khi xuống nước nó là con vật nhanh nhẹn, cực kỳ hung hãn. Da của nó là một bộ giáp chống nổi đạn, bởi da ấy hình thành bằng một lớp vảy sừng, càng lâu năm càng dày càng cứng. Vũ khí lợi hại nhất của cá sấu là cái đuôi đẹp, hình đứng, chơm chớm như gai. Vừa chuyên dùng bơi lặn vừa dùng để quật ngã kẻ thù. Cá sấu bị cắt gân đuôi, coi như hoàn toàn tê liệt. Đầu dài răng nhọn. Hàm trên 38 chiếc, hàm dưới 30 chiếc. Răng cá sấu cũng như răng mọi loài bò sát nói chung là để giữ mồi hoặc cắn đứt trước khi nuốt chửng chứ không biết nhai. Cá sấu chân trước năm ngón, chân sau bốn ngón, có vuốt nhọn ở đầu ngón, và bốn ngón chân sau dính liền bởi một màng da như kiểu chân vịt dùng để bơi. Đó là điểm phân biệt giữa cá sấu và các loài bò sát khác sống trên cạn. Nhiều họa sĩ vẽ chân sau cá sấu năm ngón là không đúng. Nó đánh hơi mồi chủ yếu bằng nghe tiếng chấn động. Chấn động trong nước, chấn động trên đất gần bờ. Thường dùng đuôi quật ngã người ngồi trên cầu nước, hoặc lặn chúc đầu xuống, chống đuôi lên quét người chèo, người ngồi trên thuyền. Cá sấu cũng giỡn mồi như hổ, như mèo. Bắt mồi xong, thả ra giữa sông, hất tung lên, há họng đớp hoặc thả cho con mồi bơi ngoi ngóp, nó "chạy" ra xa, quay đầu lại phóng ầm ầm nổi sóng như ca nô lao tới tấp phập một cái rồi lại nhả ra. Giỡn chán mới ăn. Có khi nó nổi lờ đờ cạnh bờ như một thân cây mục, mình bám đầy rêu và vỏ hà, vô phúc cho người và con vật nào lợi xuống gần đó. ở những vùng đồng cỏ Châu Phi khi gặp nạn cháy đồng, cá sấu thường tập trung gần bờ nước đón những con thú chạy chết, gặp nước vục mõm xuống toan uống cho đỡ khát. Cá sấu ở các tỉnh phía Nam nước ta, nhiều con cũng rất lớn. Nhưng có

lẽ không lớn bằng cá sấu Châu Phi, Châu Mỹ, có nhiều con dài từ 6 đến 8 mét. Một con cá sấu dài 4 mét phải sống trên 100 năm. Tuổi thọ thông thường của cá sấu là 200 năm. To thì to đến bằng chiếc thuyền độc mộc. Nhưng bé thì cũng bé bằng con kỳ đà. Đó là loại cá sấu ở Hồ Lắc (có người còn gọi hồ này là cái chiêng bạc của vùng cao nguyên Đắc Lắc) Tây Nguyên. Con to và nặng nhất chỉ hơn 10 kg, ít dữ tợn hơn cá sấu ở các nơi khác. Hiện nay loại cá sấu bé ở hồ này cũng còn khá nhiều. Cá sấu đẻ vào khoảng tháng 6, tháng 7 dương lịch. Mỗi lứa đẻ từ 30 đến 60 trứng, rất đều nhau, cỡ trứng vịt, không trứng nào bé hơn hoặc lớn hơn 7 centi-mét. Cá sấu dùng hai chân trước gom lau sậy làm tổ, đắp bùn lên, đẻ trứng trên đó và phủ lên một lớp đất ẩm. Trong thời kỳ giữ tổ, cá sấu mẹ cực kỳ hung hãn. Không ai hay con vật nào có thể đến gần. Cho đến khi con đầu tiên chui đất bò ra, cá sấu mẹ mới bỏ đi. (Trừ giống A-li-ga-to, sẽ nói kỹ ở phần sau). Đẻ nhiều như thế thì sông ngòi lênh ngẩn cá sấu, ai dám bơi dám lội xuống? Các bạn chớ lo. Tất cả đều có luật thừa trừ của tạo hóa. Loài bò sát nói chung, không có mối liên hệ với thế hệ con cái. Trứng do con vật đẻ ra, tự nở con hay ung đi. Hơn nữa, số lượng trứng bò sát đẻ ra nói chung không nhiều. Những con nở ra, ngay từ bước đầu đã phải tự sinh sống, kiếm ăn và tự vệ chống kẻ thù. Cho nên số con sống sót còn lại chẳng bao nhiêu. Các nhà động vật học cho biết, trong tình trạng thiếu lương thực phải chịu đói, cá sấu có thể sống kéo dài 700 ngày, rùa 500 ngày, ếch 400 ngày, cá diếc 150 ngày. Cá sấu là một trong những động vật "tuyệt thực" giỏi nhất. Các bạn đều biết, tất cả các loài chim ăn hạt đều hay nuốt đá. Có nhiều con, trong mề có tới một phần ba là đá, đến hàng nghìn viên. Đó là những chiếc "răng giả" nằm trong mề giúp cho sự tiêu hóa được dễ dàng. Cá sấu có hai hàm răng chom chồm, khủng khiếp như vậy, thế mà cũng nuốt đá. Theo I-a-ki-mu-sơ-kin (Liên Xô) tác giả "ảnh vật học lý thú" thì ngoài tác dụng giảm nhẹ công việc của dạ dày, cá sấu nuốt đá còn để làm dụng cụ thăng bằng nữa. Loại cá sấu U-gan-đa (Châu Phi) rất hay nuốt đá. Những con sống ở vùng sông mà đáy nước chỉ có cát và bùn, thường bơi đi rất xa để tìm đá nuốt. Trên mười năm gần đây, một nhà khoa học Anh đã khám phá ra điều đó. Và ông ta nhận định rằng những hòn đá mà cá sấu nuốt vào có tác dụng làm tiêu tan các thức ăn cứng như xương và vỏ sò, hơn thế nữa trọng lượng đá trong dạ dày chúng bao giờ cũng chiếm một phần trăm trọng lượng toàn thân chúng. Càng lớn càng nuốt nhiều đá, nhưng tỉ lệ đá vẫn không hề thay đổi. Đó là tác

dụng về "tính lực học" mà thiên nhiên đã ban cho loài vật chuyên sống dưới đáy nước này tìm thấy. Vì không có những hòn đá này, khi bơi con cá sấu rất khó giữ được thăng bằng, và phải dùng những chân bơi đập nước rất khỏe mới mong khỏi bị lật ngửa lên. Hơn nữa, những hòn đá này có thể giúp cho cá sấu nằm im hoặc đi lại dưới đáy nước, thậm chí những dòng sông chảy xiết cũng không thể đẩy lùi được chúng. Phần lớn các loại cá sấu ở Châu Phi và Châu Mỹ đều có mùi xạ hương xông lên đặc biệt, mà cá sấu xứ ta không có.

* *Cá sấu cũng di cư (Akinuskin - Động vật di cư)* Điều đáng ngạc nhiên là cá sấu cũng có thể di cư. Sau đây là những nhân chứng của sự kiện loại này xảy ra ở ấn Độ kể lại: Cá sấu bắt đầu hành trình về đêm. Người ta không biết là có những con đầu đàn hay không, nhưng hình như chúng chưa có kinh nghiệm và không biết đường vì đã tiến thẳng qua những cánh đồng và rừng rậm để rồi lạc lối vào các đường ngang ngõ tắt của một thôn nhỏ ở đây. Vào lúc rạng đông, khi người dân thức dậy, "điều bất ngờ lý thú" chờ đón họ. Các con bò sát ở khắp nơi: ngoài phố, trong sân, bên giếng nước. Rất nhiều con rúc vào bụi rậm, một số khác đột nhập vào các chuồng gà, há mồm dọa nạt khi người ta đến gần, hình như muốn gán trách nhiệm về tai họa của chúng cho những người dân đã ngủ yên lành trong cái đêm bi thảm này đối với cá sấu... Cá sấu đã buộc rời khỏi nơi ở vì lẽ tương tự đã xua đuổi cá rô ra khỏi môi trường của chúng: vũng đầm quen thuộc bị khô cạn. (Chuyện ngược lại về con cá sấu ở vườn Bách thảo Hà Nội biết tìm đường ra Hồ Tây).

* *Cá sấu Tiền Giang, Hậu Giang* Các tỉnh phía Nam nói chung, sông rạch nào ngày xưa cũng có cá sấu, không ít thì nhiều. Ngày nay còn nhiều sông rạch, ngã ba sông thuộc miền Tây Nam Bộ mang tên Đầu ấu, Lung ấu, Bàu ấu, Đuôi ấu... Rạch Cà-bơ-he, xưa là chỗ cá sấu lội nhiều, người Miên sợ không dám đi qua nên mới đặt tên như vậy. Lúc tôi còn bé, chiều nào tắm sông trời sắp chạng vạng, bà tôi cũng gọi tôi phải lên ngay. Đó là lúc cá sấu thường đi bắt mồi. Một cặp sấu hoa cà - sấu bé chưa dám tấn công người - tối nào cũng nổi lên mé sông cạnh nhà rình bắt vịt, đôi khi tôi trông thấy toan xách chĩa đâm thì chúng liền lặn mất. Thịt cá sấu trắng, giòn thơm, có vị tổng hợp của cá và gà. ở mạn Hậu Giang, trước kia nhà có đám cưới, đám giỗ người ta thường mua nguyên con làm thịt, nấu ca-ri, ra-gu, khoai đậu ve, xé phay

rất ngon. ở ải Gòn ngày xưa - năm 1860 - giữa khoảng ải Thương Chánh (Port de Commerce) có một con rạch tục danh "Rạch Cầu ấu" vì nơi đây có một hầm nuôi cá sấu để xẻ thịt bán như ta thấy ải Gòn bán thịt heo rừng, thịt nai hiện giờ. Loài cá sấu khỏe và sống rất dai. ở Cần Thơ, xưa cũng có "Rạch Cầu ấu" chuyên bán thịt sấu như ở ải Gòn. Chợ tỉnh Mỹ Tho, trước 1945, thường có bè cá sấu chở hàng trăm con từ Nam Vang đem xuống bán, mỗ cân từng khúc như cân thịt lợn. Cá sấu bị trói khuỷu hai chân trước, xâu luôn qua một cây tre dài, con này nối đuôi con kia, ngâm cả xâu hai bên thuyền, để cá sấu dưới nước làm bè thả từ sông Cái Nam Vang về Cần Thơ, về Mỹ Tho, bán lần hồi cho đến hết sạch mà không chết con nào. Trong sách "Thối thực kỷ văn" ông Trương Quốc Dụng thuật rằng làm thịt sấu, cứ để vậy, trước cắt đuôi ăn dần lên, miễn đừng chạm đến tạng ruột thì dù để cả tuần lễ cá sấu vẫn không chết. Hồi kháng chiến chống Pháp, ở ngọn Cái Chanh (xóm nhà thưa) tỉnh Rạch Giá cũ, cán bộ chèo xuống đi công tác ban đêm, đều ớn. Có lần chúng tôi qua đó giữa trưa, thấy trên cây bần dựa bờ có đóng tấm bảng đề: "ở đây có sấu". Nước sông xanh lè, lâu lâu nghe ục ục thấy bọt nổi, rồi sịn (rong rêu và bùn đáy) từng búng quợn quợn dâng lên, trông rất dễ sợ. Tại ngã ba Cây Trung còn gọi là (ngã ba Bà Lớn) xưa có một con sấu đỏ mũi to và dài bằng một chiếc ghe lườn (thuyền độc mộc cỡ lớn), hồi kháng chiến 9 năm, nghe thỉnh thoảng nó vẫn nổi lên, ai qua lại trên sông đó ban đêm cũng đều lo ngại. Chuyện về cá sấu rất nhiều, dưới đây chỉ xin cung cấp mẫu nhỏ để các bạn tham khảo.

* *Tóc và bông cẩm thạch trong bụng cá sấu Cà Mau* - Sông Bó Đuốc, xã Tam Giang, quận Đầm Dơi gần đây có xuất hiện một con cá sấu to, đón rượt ghe xuống khiến bà con rất khiếp sợ. sng Trương Thế Hùng 72 tuổi nghe tin, tới câu. Lúc mắc câu, sấu kéo xuống ông chạy gần 300 thước rồi mới chịu phép. Phải dùng móc phân thây mới trục con sấu lên nổi. Mỗ bao tử ra (theo lệ, bao tử thuộc về phần người câu) người ta thấy có nuôi tóc vừa đen, vừa bạc và một đôi bông cẩm thạch). Con sấu cân nặng 327 kí-lô. (Báo Trung Lập ngày 4-2-1964). sng Cụt - Tại Vàm Kênh xáng Thọ Mai đổ ra đầm 3 Thị Trường (Đầm Bà Trường) nay thuộc tỉnh Minh Hải, trước cách mạng tháng 8 có một con sấu dữ, người qua lại rất sợ, cho là "binh gia của bà". Một ông già nọ và người con trai đi ghe qua đó. sng lão tên Trần Văn Thìn 75 tuổi (người con trai không rõ tên). Ghe đậu lại nghỉ. Bà con khuyên ông nên đi đi và nói rõ đặc tính lợi hại của con sấu tại đây: Nó chuyên thò đuôi lên cao

khỏi mặt nước, cong lại và dùng đuôi quét người trên thuyền rơi xuống nước. sng lão cảm ơn, hứa đi nhưng không đi. Bèn lấy dây buộc chân mình vào cọc chèo - cả con trai cũng vậy, để phòng bị nó quét khỏi rơi xuống sông. Hai cha con mỗi người thủ một cái móc ngồi chờ. Lại nhấp nhóm bò tới bò lui trên sạp thuyền. Chạng vạng, cá sấu mò đi bắt mồi. Con sấu dữ thấy mồi ngon, khoái quá, trườn lên sát thuyền rồi bất thành linh ngụp xuống, chống đuôi lên quét ngang sạp thuyền. Cha con ông lão vung móc chặt chém lia lia, rung một khúc đuôi. Con sấu đau quá, quẫy nước âm âm, chạy mất. Từ đó, nó mang tên sng Cụt. Vì khi nổi lên, thiên hạ đều thấy cái đuôi cụt. Nó càng trở nên hung dữ hơn, nhưng ngắt cái đuôi cụt - xem như vũ khí bị tước mất - không quét được ai. Một thời gian nó bỏ đi. Không biết đi đâu.

* *Sấu nổi*: Những vùng rừng cao thường có chuyện ma cạp, thần hổ... Những vùng rừng ngập cận biển và các vùng sông lớn thường có chuyện cá sấu thần, ma cá sấu, chuyện cù dầy... óc mê tín thời xưa và sự bất lực của con người trước thiên nhiên chưa chinh phục nổi đã tạo ra không hiếm chuyện hoang đường quái đản... Cũng có khi nó là những hiện tượng nửa thực nửa hư, nó kích thích óc tìm tòi khám phá cho ra nhẽ thì ít, mà gieo cho con người sự hoang mang sợ hãi thì nhiều. Xin kể vài thí dụ: Mùa khô năm 1937, ba con sấu to nổi lên ở vùng s Môn, xã Thới An, Cần Thơ - nay là tỉnh Hậu Giang - đập đuôi đùng đùng rồi bơi sâu vào sông s Môn. ầu đó ít lâu, Hương cả đương niên và một cự Hương cả làng Thới An không đau bệnh gì, bỗng nhiên lăn đùng ra chết. Và mái đình làng Thới An cũng bỗng nhiên tụt cả ngói xuống. Cho là điềm bất thường báo trước nhiều tai họa sẽ diễn ra, làng phải lập đàn cúng bái, rước hát bội về hát thí ba ngày đêm.

* *"Cù dầy"* "Cù dầy" là danh từ phổ biến ở vùng đồng bằng sông Cửu Long để chỉ một con cá sấu tu lâu năm hóa rồng bay lên (!) Đêm nằm nghe mưa to gió lớn, sấm sét dữ dội bất thường, người các vùng sông lớn thường nói: "Không khéo cù dầy!" Như ở Cù Lao Rồng Mỹ Tho - nay là tỉnh Tiền Giang - thời Pháp thuộc Tây bắt những người cù (hủ) tập trung thành làng ở đầu Cù Lao, những người mê tin cho rằng Tây cũng sợ cù dầy, thành phố tỉnh lỵ sẽ sụp lở, nên đem "nhơ ướ" đặt đầy trần cho cá sấu nằm dưới đó khỏi bay lên! Thấy tạp chí Bách Khoa (à! Gòn tạm chiếm số 331 ngày 15 tháng 10 năm 1970) có bài Hiện tượng kỳ lạ "Cù dầy" ở miền Nam của Lê Văn Hương (trang 45 đến trang 48) có nói về

chuyện này. Chắc chắn là các bạn cũng như tôi đều chẳng ai tin. Nhưng cũng xin tóm lược dưới đây, xem như tài liệu tham khảo về những huyền thoại có dính dáng đến cá sấu. a) Cây mọc trên lưng sấu. Vùng Cống Cây Dương (Rạch Giá). Cá sấu nằm. Đất bồi, rồi cây mọc um tùm ở trên. Năm 1920, cù lao lở, sụp ngay chỗ cá sấu nằm. aấu chưa hóa thành cù, ngoi ra, bời lặn, cây vẫn mọc trên lưng. b) Đào đất gặp sấu. Năm 1922, đào kênh từ Núi aập qua Rạch Giá. Đào sâu xuống hơn 1 mét 50 thấy một con sấu dài 5 tấc (50cm), mình to bằng cái bát, màu trắng đục, vẩy thô phỉ phỉ. Toàn thân mềm như bún, thẳng như tấm ván. Người đào được đem ăn thịt (xào với nước dừa, tương ớt) thân sấu toàn là mỡ thịt, mềm như sụn, không xương. n xong cả 6 người ăn đều chết. c) Đào cát được thịt sấu. Năm 1950. Một nghiệp chủ ở huyện Kế aách (aóc Trăng) sai bạn chèo ghe qua cồn Quốc Gia, ngang sông Kế aách (Trà Vinh) để lấy cát xây nhà. sng Tư ồm - người đi lấy cát - đào cát, xấn phải thịt sấu, có lẽ một con sấu to lắm nằm dưới đó, ông không biết là thịt gì, không máu, màu trắng, rất mềm. Tư ồm mang về ăn. Chết. c) Cù dầy ở Rạch Cầm Sơn và Rạch Sấu. Cuối năm 1945, quân Pháp đánh lan ra aóc Trăng. Dân ở Kế aách bỏ chạy qua sông Bát-xắc, vào xã Ninh Thới quận Tiểu Cần (Trà Vinh) ở bên bờ Rạch Cầm aon, trong đất của ông Trương Hoàng Lâu, tục gọi ông Hàm Lâu. Qua năm 1946. Đến năm 1947, một hôm tháng 6 trời mưa dầm, vào khoảng 4 giờ sáng bỗng nghe tiếng nổ âm âm. Mọi người cứ tưởng Tây ném bom. aau mới biết là tiếng động ở dưới đất, kéo dài hàng giờ. sng Hàm Lâu bảo dân chúng hãy hãy rình xem chỗ có tiếng nổ, ở bãi ven sông. Đến 5 giờ, thành lình đất chuyển mạnh, dừa, ổi, xoài tróc gốc đổ nhào. Mặt đất mở ra, một vật đen to bằng chiếc ghe dài 30 mét bay vụt lên cao, biến trong mây. Ra đo chỗ đất: lỗ sâu hơn 3 mét, ngang 2 mét, dài khoảng 30 mét. Đó là Cù dầy.

Rạch sấu xã Nhơn Mỹ, quận Kế Sách (Sóc Trăng) cách tỉnh lỵ 25 km. Tháng 7 năm 1969, 3 giờ sáng, trời mưa. Nhiều người nghe có tiếng nổ, cứ tưởng bom Mỹ. Nhưng lại nghe động ở dưới đất. 5 giờ 30 sáng, đất chuyển mạnh rồi thấy một vật đen thui từ dưới đất bay lên, hướng về Bãi Giá Rạch Gòi mà bay ra biển. Xem đất: thấy hố sâu ở sau khu vườn dài 80 công đất. ở Mương aìn hai căn nhà bay tung, tại Rạch Giá một căn nhà sập, một căn nhà lợp tôn bị tróc mái vì gió mà "cù" gây ra. Từ Rạch aấu đến Phụng Tường, nhà cửa xiêu vẹo, ở aông Hậu, sông cuốn một ghe chìm, 2 người chết đuối. Tổng cộng thiệt hại trên một vệt dài 8km vườn

tượng cây cối gãy đổ, nhà cửa hư sập do "cù dầy" rất lớn. Xem lại cái hố thì sâu 3 mét, rộng hơn 2 mét, dài khoảng 30 mét. Dân địa phương khẳng định vệt đen từ đất vùng lên, bay đi ấy là "Cù dầy" sau khi đã tu thành công. Năm 1970 khi tác giả ấy viết bài này, cái hố đó vẫn chưa lấp (!).

* *Ma cá sấu.* Ma không ai thấy bao giờ, cho nên chuyện về ma cũng biến ảo khôn lường. Chỉ xin kể vài nét chính của hai mẩu chuyện xem như tiêu biểu về ma cá sấu của hai vùng sông lớn Nam Bộ. Tiền Giang (khu 8). Đêm tối trời, mặt sông yên tĩnh, không một hơi gió thoảng, không một làn sóng gợn. Mấy chiếc ghe thương hồ đang chèo dọc bờ thấy từ xa lờ lờ tiến đến vào khoảng giữa sông, một chiếc thuyền to đèn thấp sáng trưng. Lại nghe vang tiếng đàn ca nhã nhạc... Ai cũng đoán là ghe hát bội. Bèn chèo lại gần xem. Đến gần thấy trong ghe cũng đào, cũng kép, đội mào mang hia đang nói cười vui vẻ. Bất thành linh chiếc ghe ấy chìm xuống, hiện nguyên hình con cá sấu lớn, đập đuôi nhận chìm chiếc ghe đến gần nhất, và ăn thịt tất cả những người trên đó. Những chiếc ghe kia chèo chạy tán loạn. Đó là con sấu đã từng "nuốt" cả một ghe hát bội. Hồn oan hiện lên bắt người khác nộp mạng thay mình để đi đầu thai. Hậu Giang (khu 9). Nhà nọ sắp làm đám cưới. Ngày nhóm họ, cô dâu cổ và tay chân đeo đầy vàng (Xưa còn đeo kiềng cằng) đang ngồi trên cầu nước nhỏ lông vịt. Cá sấu trườn lên, quật cô rơi xuống nước và tha chạy ra sông lớn. Người nhà chỉ còn kịp nghe tiếng cô dâu kêu: "Cha mẹ hãy báo thù cho con". Thông gia bên trai bên gái đau lòng vì mất người, mất của. Bèn họp lại quyết bắt cho được con sấu. Rước thầy chùa lập trai đàn trong ngọn rạch cùng, hát cúng ba ngày ba đêm có đủ các trò chơi múa lân, đá gà, cờ bạc... vui như hội. Và tất cả chờ con cá sấu vào. Ngày thứ nhất, tới vàm rạch nó lui ra. Ngày thứ hai vào đến nửa rạch, nó ngần ngừ rồi nó lui ra. Ngày thứ hai vào đến nửa rạch, nó ngần ngừ rồi lặn xuống, bơi trở ra. Đêm thứ ba, là đêm xô giàn, đốt vàng mã, thí gạo muối... Bỗng nghe tiếng nhiều người nói: "Chèo ghe vô coi hát, kiếm ít tiền bạc gạo muối về xài. Chúng ta sợ cái gì?" Thế là con cá sấu bơi vào tận cùng ngọn rạch. Khuya, cúng và xô giàn thí tế xong. Nghe tiếng nói: "Đẩy ghe ra mau, nước ròng rồi. Không khéo mắc cạn thì chết". Nhưng phía ngoài, người ta đã hạ bần ngã xuống, dùng đăng, song hồng, chặt tre làm một hàng rào chắn ngang. Cá sấu càng vùng vẫy, lao trên bờ càng tới tấp phóng xuống. Thế là hai gia đình kia đã giết được con sấu dữ, báo thù cho cô gái và lấy lại được nguyên vẹn số vàng đã mất.

* *Cá sấu thần*. Đây là chuyện nước ngoài. Ở Gô-na-vơ thuộc quần đảo Hai-ti, có kho vàng chôn trong lòng núi, gần một ngọn thác vùng Za-bờ-ri-cô. Đó là kho vàng của nữ vương Anh-điêng Ana-ca-na đã bị người Tây Ban Nha treo cổ khi đất này bị họ xâm chiếm trước tiên. Năm 1932, những tay săn vàng ở Mỹ đã thành lập một nghiệp đoàn ở Port au Prinien, tìm kiếm kho vàng này nhưng cho đến nay kho vàng ấy vẫn chưa ai khám phá ra được. Một con sấu thần đã trấn giữ kho vàng này, không biết từ bao giờ. Viên thiếu úy cảnh sát trưởng người Mỹ Uyết-cốt gốc Pen-zy-va-ni-a cai quản đảo này trong thời gian 1920-1932 đã có lần rình theo hai người Anh-điêng cỡi lừa mò tới hồ thiêng chở những bao tải nặng, xem họ làm gì? Thì ra họ mang những xúc thịt tươi, những mẩu thịt lợn và một con chó đã bị cắt tiết đến dâng cho cá sấu thần để làm dịu sự phá phách của "ngài". Vì cá sấu thần đói, mấy hôm trước đó đã lên bờ xơi mất một con bê và mấy chú lợn của người Anh-điêng thả rông.

* *Đánh bắt Cá sấu thế nào?* Bất cứ con vật gì ở dưới nước thì việc đánh bắt cũng dùng câu kéo, lưới chài là chính. Cá sấu cũng vậy. Chủ yếu là câu, bởi không lưới, không chài nào bắt được nó. Đôi khi người ta dùng súng bắn. Nhưng bắn thì nó chìm, khó vớt, vớt được thì tấm da bị thủng nát không còn giá trị kinh tế. Cũng có nơi chỉ chuyên dùng lao nhọn phóng bắt như ở Châu Phi (khoảng 50 năm về trước).

Các tỉnh phía Nam nước ta, từ xưa vẫn câu là chính. Có vài cách câu. Như móc mỗi vệt sống, buộc một chùm bốn lưới câu vào chân vịt, người câu ngồi trên xuống, thả cho vịt bơi giữa sông. Cá sấu tấp mỗi, mắc câu, lôi xuống chạy. Bao giờ nó đuối sức, người ta mới lôi lần vào bờ. Đó là loại cá sấu dưới trung bình, không nguy hiểm lắm. Gặp cá sấu dữ, lâu năm thì phải làm bè. Trên bè tre dựng hai cây thang buộc gác vào nhau phòng khi cá sấu lôi chìm bè thì người câu trèo lên thang. Lại đặt chuồng nhốt chó và heo. Theo tục mê tín xưa, người ta làm lễ tế cô hồn chộc tiết con heo, và càng nguyên con heo ấy móc vào chùm câu nhiều lưới thả xuống nước. Bè cứ thả trôi theo nước triều lên xuống, vùng có cá sấu hoạt động. Có khi đôi ba ngày nó mới chịu đớp mỗi. Những khi ấy thời phải chộc cho heo và chó trong chuồng kêu lên, gợi sự thèm khát để nó mau đến. Mắc câu rồi, bao giờ cá sấu cũng lôi bè chạy, và bè thường bị chìm. Người câu ngồi trên thang đánh mõ lên, để trên bờ khua mâm thau, nôi đồng, đánh trống, đánh mõ hỗ trợ. Cá sấu

một nổi lên, dùng lao sắt phóng. Cho đến khi nó đuối sức, chịu phép mới cho thuyền từ bờ ra kéo bè vào. Điều nguy hiểm nhất là sợ sấu cặp. Thường một con mắc câu, bao giờ con còn lại cũng đến tấn công người trên bè để giải cứu cho con kia. Nhà văn Ạm Nam có miêu tả rõ cách săn bắt cá sấu này trong bài "ạông Gành Hào" (quyển Hương rừng Cà Mau) rất sinh động, hồi hộp và nhiều ý nghĩa. Các bạn có thể tìm đọc tham khảo. Xưa, vùng sông Tiền Giang còn có lối câu đèn ban đêm. Người săn đeo phao, trằm mình xuống nước, thả trôi trước mặt chiếc bè nhỏ, được giữ cỡ vừa tầm tay phóng bằng một sợi dây. Trên bè thắp cháy một đĩa đèn bằng mỡ người, do thói tục mê tín. Và một khoanh dây ước lượng gấp đôi chiều sâu đáy sông buộc chắc vào bè, một đầu dây buộc vào cán lao bằng gỗ mun. Cá sấu đánh hơi mùi mỡ cháy, trườn lên, há họng liếm mỡ trong đĩa đèn. Người săn lập tức phóng lao vào giữa họng nó và để mặc cho nó lòi phao chạy đi. Cá sấu lặn trằm xuống vịnh, sáng hôm sau người ta tìm chiếc phao lặn xuống cắt gân đuôi, trói hai chân sau lại và buộc đôi kéo lên. Con vật hoàn toàn tê liệt sau khi bị mũi mun đâm vào họng, không dám cựa quậy, vì mỗi khi nhúc nhích cây lao gỗ mun càng hít sâu vào thịt. Nghe nói gỗ mun kỵ thịt cá sấu, không biết có đúng vậy không? Lối săn này rất nguy hiểm, đòi hỏi người săn phải gan dạ, trằm tĩnh dày dặn kinh nghiệm. Tôi có viết qua cho các em thiếu niên trong quyển "Đất rừng Phương Nam" về cách săn bắt này. đoàn giới Các con vật trên rừng dưới biển

Còn nhiều cách đánh bắt khác, tùy tập quán. Như ở vùng U Minh hạ cá sấu thường sống tập trung trong những vùng nước nông giữa rừng. Đồng bào gọi là Ao sấu. Dùng thuổng đào một đường nhỏ từ mé ao lên rừng càng xa bờ càng cạn dần, chừng mười thước. Thả bổi (sậy, đế, cành lá khô) kín mặt ao, châm lửa đốt. Cá sấu bị ngột thở, nước nóng, cay mắt theo đường đào sẵn bò lên rừng... Thấy người, chúng há họng ra toan đớp. Người săn dứt vô họng cá sấu một khúc gỗ mốp dài chừng 3 tấc. Cá sấu táp, hai hàm răng dính chặt lại như ngậm cục kẹo mạch nha, không há ra được. Dùng móc xấn trên sống lưng chỗ giáp chân sau, để cắt gân đuôi. Cái đuôi, vũ khí lợi hại nhất của nó chỉ còn có thể đập qua đập lại nhè nhẹ. Trói thúc ké hai chân sau lên lưng, để hai chân trước cho nó tự do bơi, người săn có thể dùng dây đưa theo sông một bè cá sấu năm mười con về đến nhà, không khó khăn gì. Như ở Cam-pu-chia, vùng biển hồ đến mùa nước xuống, người săn đốt đèn đốt đuốc, lấy tre đập mặt nước ao hồ khiến cho cá sấu sợ bò

lên. Họ theo sau, lừa díp nắm hai chân trước lật khuỷu trối lại bắt rất dễ dàng. Đến khi bắt được nhiều, xâu vào một cây tre rồi lấy dùi sắt chích thịt con sau cùng. Con này đau trườn tới trước, đẩy lẫn nhau, muốn đưa đi đâu tùy mình. (Lưu ý: Cam-pu-chia trối cá sấu hai chân trước - Nam Bộ trối cá sấu hai chân sau). Như ở Nam Mỹ, cá sấu đặc biệt thích ăn thịt chó. Nó mê thịt chó đến nỗi những người thợ săn nhử mồi dụ nó đến bằng cách buộc con chó vào một cái cọc gần các hồ, hoặc giả làm tiếng chó sủa, để nó bò lên.

** Nguồn lợi kinh tế được chăng ?* Các bạn biết đấy, xưa ta xưa rất nhiều cá sấu. Nay cũng còn, nhưng hiếm. Bởi săn bắt thì nhiều, mà chẳng mấy ai nghĩ đến việc chăn nuôi làm nguồn lợi kinh doanh, khai thác lâu dài. ở Lào và Cam-pu-chia dọc dài theo sông lớn từ Kra-chi-ê, ạtung-treng, Bắc- tam-băng, người ta hay nuôi cá sấu. Họ lượm trứng trong rừng (trứng lòng đỏ to, lòng trắng mỏng, luộc chín trong như trứng cò). Trứng vỏ mềm: dẻo như hòn tủy, voi đập trượt lăn đi chứ không bể. Rang cát ấm trên 30 độ, mỗi ngày đổ vào giỏ đựng trứng. Khi cá sấu con nở ra, cho ăn cá hoặc xác thú chết. Mỗi nhà thường nuôi khoảng bốn năm chục con. ở Phờ-lo-rít (Bắc Mỹ) ngày xưa cũng đầy rẫy cá sấu. Năm 1890 khi một nhà kỹ nghệ phát minh cách thuộc da cá sấu dùng danh dùng làm ví đầm, hộp đựng thuốc lá, đóng bìa sách v.v... thì "mốt" dùng da cá sấu được tung ra, và phong trào săn bắt cá sấu lan rộng kinh khủng chưa từng thấy

Năm 1902, "ủy ban Ngư nghiệp" Bắc Mỹ báo động rằng từ năm 1890 đến năm 1900, 3 triệu cá sấu đã bị hạ sát. Và họ đặt ra nhiều quy định để hạn chế việc săn bắt. Người ta bắt đầu nuôi cá sấu. Phải rất kiên trì. Bởi nuôi một con bốn mét phải trên 100 năm. Cầm-phen là người đầu tiên có sáng kiến lập nên những trại nuôi cá sấu, mà người ta còn gọi là "làng". Trong mỗi "làng" có nhiều hồ nuôi cả mấy trăm con trên 3 mét. ở làng nọ, có con nặng trên 1 tấn (150 tuổi), lưng xám trở hoa, người ta đánh bẫy bắt được trong vùng Phờ-lo-rít. Theo bản tin khoa học của một đài phát thanh phương Tây, phát đi ngày 3 tháng 11 năm 1977, thì nghề nuôi cá sấu hiện nay đang phát triển mạnh ở Xanh-ga-po, Ma-lai- xi-a, In-đô-nê-xi-a, và Pam-pu-a Niu-gi-nê. Đây là một ngành công nghiệp mới được Liên nông Liên hiệp quốc bảo trợ. Da cá sấu săn được thường hư hao hoặc rách. Nuôi, sẽ có được một bộ da lành lặn, đúng kích thước. Một phần tư mẫu đất dùng làm trại

nuôi cá sấu, lợi tức khá hơn làm nghề cạo giấy ở các xứ đó. Chỉ có vấn đề: giống, nuôi ăn và lột da. ở Thái Lan - ngoại ô Băng Cốc - hiện nay có một trại nuôi cá sấu 20.000 con. Cá sấu được nuôi trong những chuồng từng ngăn lớn nhỏ khác nhau tương tự chuồng heo, xây cao, có nước. Chúng nằm ngổn ngang như những đồng củi mỗi con bốn tắc. Hàng ngày, có những em nhỏ xách nước tưới cho da cá sấu luôn luôn ẩm ướt, và ném cá cho ăn. Họ còn dùng đồ thừa của kỹ nghệ đông lạnh, các chất phế thải làm thức ăn nuôi cá sấu. Không cho ăn hàng tháng, chúng vẫn sống. Đến tuổi bán được cá sấu khoảng trên dưới 10 năm, giá năm 1974 mỗi con là 300 đô-la. Người Thái Lan nuôi cá sấu như nuôi gà. Những con chết, họ dồn gòn để bán cho du khách... Cá sấu ở Thảo cầm viên thành phố Hồ Chí Minh, những con chết, nhỏ cũng nhồi bông, lớn thì thuộc da bán để làm thắt lưng. Hiện nay giá 60 đồng một thắt lưng da cá sấu tại Sài Gòn. Nghe nói hiện giờ ta có vài nhà nuôi cá sấu ở vùng rừng rậm, mạn gần Vũng Tàu. Rất tiếc là tôi chưa có dịp đến tại chỗ xem tường tận. Hà Nội 26-11-1976 - 5-11-77 Bổ sung. Đầu mùa mưa năm 1980, tôi có đi cùng anh Nguyễn Văn Bổng, Nguyễn Ngọc và một số anh em đến xem chỗ nuôi cá sấu của bọn của bọn Pôn-pốt Iêng-xary ở Xiêm Rệp (Cam-puchia). Tôi nói chỗ vì gọi hồ không đúng mà gọi chuồng cũng không đúng. Địa điểm không xa thành phố lắm. Một khoảng đất rộng, rào sắt bao quanh, cao quá đầu người. Có vài cây bóng mát - to khoảng vòng tay ôm - che nắng cho những con cá sấu bò nằm trên cạn. Hai bồn nước to xây xi măng, sâu trên 1 mét, để cá sấu xuống trắm mình. Bên trên, có sàn gỗ rộng, lên đó bằng một chiếc cầu cao, tất cả đều bao lan can sắt. Đó là nơi bọn Ang-ka, và sĩ quan ngồi uống rượu, xem cá sấu ăn thịt trẻ con. Theo lời người đưa đường, thì: "Trẻ em bị chặt ra từng khúc, vất xuống cho cá sấu tranh nhau đớp. Đôi khi chúng thả một em bé sống vào đó, cho cá sấu đuổi bắt. Và chúng ngồi uống rượu, cười ha hả giữa tiếng thét kinh hoàng, tiếng kêu khóc của các em bé, tiếng phậm phạp của hàm răng cá sấu táp người... Khoảng trên dưới 100 cá sấu to, bé đủ cỡ thấy còn tại đó. Đầu tháng 3-1982 anh Hoàng Ngọc Hiến đi Tây Nguyên về, kể cho tôi nghe: "Xã Đồng Nai Thượng huyện Đa Hoai (Lâm Đồng) có hai bầu cá sấu, một ở bên này sông một ở bên kia sông Đồng Nai. Bầu cá sấu dưới chân núi Bốt Dạ Môn ban đêm lia đèn pin, mắt cá sấu bắt đèn nom như một trời sao mọc trên mặt nước. Bầu này rộng khoảng 15 héc-ta, có những cá sấu mẹ nặng hàng tạ nằm im lìm đâu đó dưới đáy sâu. Mặt bầu nổi đen những

bầy sấu con, xương xẩu như những con kỳ nhông nằm gác đầu lên nhau, bất động... ở đây, người ta đánh bắt được cá sấu cỡ 50 kg là thường".

NGỰA THẦN

Nhà thơ Tố Hữu viết: "Ta như thuở xưa Phù Đổng - Vụt đứng lên đánh đuổi giặc OEn - ấu nhân dân khỏe như ngựa sắt - Chí căm thù rèn thép làm roi - Lửa chiến đấu ta phun vào mặt - Lũ sát nhân cướp nước hại nòi...". Con ngựa sắt thần kỳ, đời vua Hùng thứ 6, chúng ta đã nghe ông bà kể, từ khi chúng ta chưa cấp sách đến trường. Tôi cũng chịu khó đọc sách, tỉ mẩn tra cứu, mà Đông Tây kim cổ chưa hề thấy có con ngựa nào - Tất nhiên là ngựa thần thoại - "Ngon" như con ngựa Gióng (cũng có người gọi là Dóng) của ta. ... Vó ngựa phi như bay Ngựa hí rung cành lá Gió cát nổi mù trời Núi giật mình rạn đá Kiếm vung lòe chớp sấm ánh trong tay tướng thần Một nước phi ba dặm Đánh toi bời giặc OEn. Như vậy là nhà thơ Huy Cận đã nói hết về con ngựa này rồi, và các bạn cũng đã biết rồi, nên tôi xin phép chẳng cần phải tán thêm. Đây là ngựa sắt ở ta. Phương Đông còn có ngựa đất ở Tàu. Truyện Tàu kể, đời Nam Tống (1127-1279) thái tử Triệu Cấu, con thứ 9 của vua Huy Tông bị rợ Kim bắt đem về Phiên Quốc, nhưng trốn được về Nam, bay ngựa qua sông Dương Tử (Huyền thoại để truyền thuở ấy, rằng ông có bá linh phù trợ) Nên mới có tích "Nê mã độ khương vương". Con ngựa ông cưỡi bay qua sông Hoàng Hà, qua rồi thì rã rọt rơi thành đất cục vì là ngựa đắp bằng đất sét thờ trong miếu, nhờ phép linh biến ra thần mã độ ông qua sông lớn... Phương Tây, lừng danh là con Pê-ga-zơ (Pegase) của Hy Lạp. Con này xuất ra từ đầu của Mê-đuy-zơ (Meduse) (tựa như rồng xanh xuất ra từ đầu Cáp Tô Văn, cạp trắng xuất ra từ đầu Tiết Nhân Quý, nhưng trường hợp này ngựa không phải là tướng tinh) Pê ga-zơ trước khi kết giao với Thi thần (Muse) và nâng tâm hồn các thi nhân lên đỉnh cao tưởng tượng, là một con ngựa hung hăng. Trong thần phả Hê-zi-ốt (Hésiode) chính nó là kẻ trao ánh chớp cho thần Zốt (Zeus)... Đối với người Hy Lạp xưa, ngựa là con vật sủng ái của thánh thần và người. Họ có vô số huyền thoại về ngựa. Dù tưởng tượng của họ có nhiều kiểu khác nhau, nhưng tất cả đều đồng nhất một quan điểm. Con ngựa là biểu tượng của sự chuyển động tuyệt vời. Họ coi đó là một yếu tố âm nhạc. Còn là nguồn gốc thần linh, con của hai vị thần lớn Pô-zê-i-đông

(Poséidon) và Đê-mê-tê (Démété). Con ngựa đầu tiên là A-ri-ông (Arion) (về sau một nhạc sĩ đã mang tên đó). Hình ảnh ngựa còn dành riêng cho Thần Biển. Trong thần thoại Hy Lạp, ngựa là biểu tượng của sóng bạc đầu, của những làn sóng luôn luôn chuyển động. Theo tinh thần người Hy Lạp, ngựa không phải chỉ sống ở dương gian, mà chúng còn là con vật của cõi hư vô. Chúng kéo chiếc xe của Pê-zê-i đông vượt các đại dương quạt cánh bay lên không trung như người anh em của chúng là Pê-ga-zơ... Từ Hô-me-rơ (Homère) đại thi hào thời Hy Lạp cổ (mất 850 năm trước công nguyên), ngựa được gắn liền với những trang võ tướng anh hùng. Những con "anh chị bụi" trong bọn chúng, không phải là ngựa thường, mà là những con vật linh diệu được các thần ban. Thường thường là ngựa có cánh, đôi khi nói được tiếng người.

* *Lộ trình của ngựa* Mười hai kiểu xương hóa thạch xếp theo niên đại cho ta cảm giác rõ ràng về hình dáng liên hệ của sự phát triển từ thô sơ đến hoàn chỉnh. Tuy nhiên, vẫn chưa tìm được hình dáng của con ngựa nguyên cổ đầu tiên. Người ta giả định rằng tổ tiên của loài ngựa đều có 5 ngón ở mỗi chân, cũng như ông bà các loài có vú khác. Đời con cháu là -ô-hip-put (éo-hippus) - dịch từ tiếng cổ Hy Lạp có nghĩa là "bình minh của loài ngựa" hay "giống khởi đầu của loài ngựa" hình vóc không lớn hơn con chó nhà bao nhiêu, hãy còn 4 ngón ở hai chân trước và 3 ngón ở hai chân sau - dấu hiệu của sự tiến hóa, bởi vì loài ngựa phát triển và cao dần lên, trong khi đó các ngón chân choắt lại. Một loại ngựa nữa lớn hơn, tức là giống s-rô-hip-pút (Orohippus) nghĩa là "ranh giới loài ngựa" hay "gần như ngựa". Trong thời kỳ s-li-gô xên có giống Mê-dô-hip-pút (Mésorhippus) nghĩa là ngựa trung gian, nói khác đi là "dạng trung gian của ngựa" to bằng con chó béc-giê hiện nay. Giống Mê-ri-hip-pút (Merryhippus) nghĩa là ngựa đã hình thành, giống như con ngựa to hiện nay. Con ngựa giờ đây, mỗi chân đều chỉ có một ngón, tiêu biểu cao nhất cho quá trình tiến hóa đó. Bởi khi chạy, nó tựa vào ngón giữa, riêng chỉ có ngón đó còn lại, chúng ta quen gọi ngón đó là "móng" ngựa. Quá trình đó, đạt được phải trải qua 50-52 triệu năm, đã hình thành những đặc điểm về cấu tạo cơ thể, kích thước tăng dần và do sự biến đổi dần dần từ 5 ngón đến 1 ngón chân nên con vật chạy càng nhanh hơn. Người ta cũng đồng ý trên điểm này, là ngựa vốn xuất xứ từ châu Mỹ. Hóa thạch họ ngựa cổ nhất đã tìm thấy ở vùng Tây - Bắc lục địa này, trong những nghĩa địa thiên nhiên vào thế -ô-xên. Sau đó ít lâu, dường như trên vùng đất phía châu Âu cũng có rất nhiều con giống

như ngựa. ở Pháp, ở Anh (đã tìm thấy vô số xương, thuộc họ ngựa, phần nhiều là chân có 3 ngón. Con Pa lê ô tê rum (Paléotérum) "thú cổ" (Pa-lê-ô: cổ, Tê-rum: thú) tìm thấy ở Paris trong mỏ thạch cao khu Mông-mác (Montmartre) thân hình cao lớn như một con tê giác. Nhưng những cuộc đảo lộn về địa lý đã dẫn đến kết thúc thê thảm cho tổ tiên con ngựa châu âu: đầu s-li-gô xen thời kỳ thứ hai của kỷ Đệ tam toàn thể đều tuyệt diệu trên vùng lục địa châu âu hiện thời. Trên quê hương châu Mỹ, những con họ ngựa còn một giống tồn tại. Thân hình tốt đẹp hơn, số răng tăng lên, đối với loài có vú, đây là dấu hiệu của sự tiến hóa. Chúng nô rôn từng đàn lớn trên những đồng cỏ Bắc Mỹ và đến khi đất trời lên nổi liên lục địa Nam Mỹ, chúng tràn xuống khắp lục địa phương Nam. Những đàn khác vượt qua lưỡi đất, bây giờ là biển Bê-rinh (Bhering) từ A-lát-xka (Alaska) tiến về Xi-bê-ri. Chúng dong ruổi khắp châu á, và một lần nữa lại đến châu âu vào sơ kỳ đại băng hà Pơ-lê-i-xtô-xen (Pléistocène). Viễn trình xuyên các thảo nguyên mênh mông phương Bắc đã rèn chúng trở nên dày dạn, đương nổi mọi khí hậu khắc nghiệt, tạo nên một giống ngựa thích nghi với đất trời giá lạnh nhất. ở châu Mỹ, ngược lại, ngựa đã lâm vào bước suy tàn. ở phương Bắc cũng như phương Nam lục địa Tây bán cầu này, ngựa đã hoàn toàn biến mất (vì một nạn dịch lớn bí ẩn, mà ngày nay khoa học còn chưa tìm ra do vi khuẩn nào) và hồi ức về chúng cũng bị hoàn toàn xóa sạch, cho đến khi châu Mỹ được khám phá, con người ở đây mới biết con ngựa là con gì.

* *Điểm qua tính chất lợi hại của một vài giống ngựa Xưa nay*, trên thế giới đứng vào hàng "anh chị" phải kể ngựa Hung-nô, ngựa ả-rập, ngựa Mông Cổ và ngựa "Bắc Thảo" của bọn hiệp sĩ châu âu. Nhưng gì thì gì, đối với người phương Đông chúng ta "Bạch mã" là con ngựa lúc nào cũng được coi trọng. Nói sơ về con này trước đã.

* *Bạch Mã Bạch mã - ngựa trắng - ngựa kim*. Cũng là nó cả, tùy nơi gọi. Có lẽ màu trắng được coi là màu thanh khiết biểu hiện của sự trắng trong, cao quý nhất chăng? Xưa ở ta, thí sinh đỗ trạng xong, được vua ban áo mào và cho cỡi ngựa xem hoa vườn thượng uyển trước khi bái tổ vinh quy. Bao giờ Trạng cũng cỡi ngựa trắng. Cho nên về sau người ta gọi ngựa trắng là Mã Trạng nguyên (Phong tục Việt). Đền Bạch Mã ở phố Hàng Buồm hiện nay, thờ thần Tô Lịch là thành hoàng của Hà Nội, tức là thành hoàng của kinh đô, thành hoàng cả nước. Tương truyền đền xây

xong, có một ngựa trắng đẹp hiện lên đi xung quanh rồi biến mất. Theo vết vó ngựa, thấy xuống sông Tô Lịch. Hình ảnh đẹp đẽ và hào hùng nhất của người chiến sĩ xông pha chiến trường thời xưa, cũng được mô tả với một con ngựa trắng. áo chàng đỏ tựa ráng pha Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in. (Chinh phụ ngâm) ở châu âu, Na-pô-lê-ông, vị hoàng đế lừng danh một thuở, bao giờ cũng xuất hiện trên lưng ngựa trắng. Đời Tam quốc bên Tàu, tích "Đào viên kết nghĩa": Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi cũng "aát bạch mã tế thiên - Tru hắc ngư tể địa" giết ngựa trắng cúng trời, diệt trâu đen cúng đất... Ngược lên xa nữa, vào thời Đường, Trần Huyền Trang đi từ Đông Độ sang Tây Phương (ấn Độ) thỉnh kinh, truyện Tây du diễn nghĩa của Ngô Thừa OEn kể là "Thầy đã cưỡi một con ngựa trắng". Tác giả còn thần thoại hóa là con ngựa đó là "Con Tiểu Long, dưới tuổi oeng aầu nhảy lên ăn mất ngựa của Đường Tăng, Tôn Hành Giả vác thiết báng truy nã, thì ra Tiểu Long vốn là thái tử con Long Vương Ngao Thuận phạm tội bị đày, đang chờ Đường Tăng đến để biến thành ngựa báu chở người đi Thiên Trúc". Truyện Tàu còn kể lúc Nhạc Phi ở nhà bố vợ, nghe tiếng ngựa hí ngoài chuồng đã biết đó là con ngựa giỏi. Con này dữ không ai trị nổi, chỉ có Nhạc Phi mới "khiến" được nó. Đó là một con ngựa: Từ đầu chí đuôi toàn một màu trắng và từ móng cẳng đến lưng mỗi mỗi đều không chê được. Đầu nhỏ như đầu thỏ, tai bé, móng tròn, đuôi thanh, hông rộng, mắt tròn như lục lạc, nhất là vẻ lạnh lợi thông minh thì không ngựa nào bì kịp". Như vậy, theo người Tàu xưa, một con ngựa giỏi và quý phải có đầy đủ các chuẩn như trên, mà còn phải toàn màu trắng nữa thì mới tuyệt hảo. Nhân nói ngựa khôn, ngựa thông minh, cũng xin nhắc qua ba con mà tôi cho là đáng lưu ý: 1- Con "Nhật Nguyệt Tiêu aương Mã" trong tích "Hoa Lưu Hương Bắc". Đó là con ngựa quý của Đại Khánh Lương Vương bên Tiêu Bang bị Mạnh Lương trộm về Đại Tống. Tiêu aương nhớ nước cũ, cứ ngó về phương Bắc mà hí hoài, bỏ ăn bỏ uống, nhịn đói 7 ngày rồi chết.

Do đó có câu "Hô mã tê Bắc phong - Việt điệu sào Nam chi" mà ta hay nói "Chim Việt cành Nam, ngựa Hô gió Bắc". Nó là con ngựa này. 2- Con "Xích Thố" của Quan Vân Trường. Nhờ nó mà Quan một ngày ruổi dong nghìn dặm vượt năm ải chém đầu sáu tướng như trở tay... Trảm Nhan Lương, tru Văn Xú hai chiến công bất hủ cũng nhờ có con ngựa này. Khi ở cùng Tào, Tào muốn mua chuộc, cấp mỹ nữ, bạc vàng gì Quan cũng không màng. Tào ban Xích Thố. Quan sụp lạy: "Từ đây chuyện thiên lý tầm huynh

không khó nữa". Tào ăn năn thì sự đã rồi. Về sau, Quan "quy thần" - chết trận rồi - con Xích Thố bỏ cỏ, chết theo chủ. 3- Con "s Chùy" của Nguyễn Hữu Cầu. Cầu có tiếng là Hạng Võ Việt Nam, một thủ lĩnh nông dân thời Lê - Trịnh. Chùy theo Cầu từ lúc mới nổi quân và đã đi khắp các vùng Đông Triều, Chí Linh, Hải Dương, Thái Bình, Nghệ An. sử ta có ghi: "Khi Cầu chết ở Thăng Long, ngựa nhin ăn chết theo chủ". Ngày xưa, ai có một con ngựa giỏi - đạt tốc độ nhanh nhất kể như kẻ đố gác kèo, nắm chắc phần thắng trên mọi lĩnh vực. Gặp nguy biến, chuồn nhanh nhất. Nghe chỗ nào có "mồi", có mặt trước nhất. Chính con ngựa là nguyên cơ đã làm cho đế quốc La Mã sụp đổ. Trong quân đội họ, kỵ binh chưa bao giờ được đóng một vai trò chủ yếu. Trong 15 hoặc 20 lính bộ binh, họ chỉ quen để một người cưỡi ngựa. Trong danh sách các tướng lĩnh La Mã dài dằng dặc, chỉ thực sự có một tướng kỵ binh: Mắc- ngtoan (Marc Antoine). ại khinh rẻ kỵ binh ấy, cuối cùng dẫn đến hậu quả không sao tránh thoát: Những đạo quân kỵ binh của các dân tộc bán khai đã tàn sát ráo các quân đoàn La Mã.

* *Ngựa Hung-nô*. Cũng chính nhờ ngựa mà người Hung-nô, chỉ trong một thời gian ngắn đã thiết lập một vương quốc mênh mông. Đó là những con vật giơ xương, mình dài và thấp, lưng xệ phía sau, đầu bé, chân ngắn và khỏe, cực kỳ linh động, nhưng đồng thời cũng đương nổi mọi gian lao tồi tệ nhất, giỏi chịu khát, dù trong sa mạc chúng vẫn vượt hơn trăm cây số một ngày như không.

* *Ngựa ả Rập*: Bọn người Hung-nô cưỡi ngựa đã chiến thắng và lưu lại châu âu cả ngàn năm. Nhưng rồi cũng phải nhường bước cho một dân tộc cưỡi ngựa khác từ châu Phi đến. Đó là người ả Rập. Người ả Rập rất tự hào về ngựa của họ: to lớn, mảnh dẻ, thân hình đẹp, tính khí hùng dũng và đặc biệt phi nhanh.

* *Ngựa Mông Cổ*: Ngựa Mông Cổ về đặc điểm cũng như ngựa Hung-nô, nhưng gầy và nhẹ, nhỏ con hơn. Nhiều bạn hay nhầm người Hung-nô với Mông Cổ. Người Hung-nô (Huns) thiết lập vương quốc dọc dài sông Đa-nuýp (Danube) trên đất Hung-ga-ri ngày nay, vua là át-ti-la (Attila) khét tiếng bạo tàn, biệt danh là "Tai họa của trời"; thiên hạ thời ấy nói: "Ngựa ông ta đi qua nơi nào, nơi đó cỏ không thể mọc lại..." Thành Cát Tư Hãn (Gengis Khan) vua Mông Cổ, tên ấy có nghĩa là "Vua hoàn cầu" năm thế kỷ về sau lại xâm chiến châu âu. á chang (hệt như) Hung-nô và ả Rập nhưng đặc biệt tổ chức giỏi hơn và kỵ binh xung phong cũng

tài hơn. Nhờ ngựa giỏi mà ông ta đã thiết lập một dịch vụ bưu chính xuyên lục địa á châu để bảo vệ quyền bá chủ trên các lãnh thổ đã chinh phục được. Theo Mác cô Pô-lô (Marco Polo) một thương nhân và là nhà hàng hải lừng danh người ý hồi đó ước đoán thì dịch vụ bưu chính đó, được đảm bảo bằng 300.000 ngựa chạy tiếp sức và 10.000 trạm. Mùa xuân năm 1958, tôi đến thăm một nông trường nuôi ngựa Mông Cổ có hàng nghìn con. Giống như đã tả trên, nhưng đặc biệt khỏe và béo mập hơn ngựa thời xưa. Một buổi sáng trên đồi Ta-zắc-cơ (Tasake) nhìn xuống thung lũng U-lăng - Ba-to, thấy con ngựa trắng, lông dài, bờm và đuôi rất dài, chồm trên mồm đồi lộng gió hí ran, đang co chân trước đập vỡ băng để bới gặm cỏ khô, giữa bình minh tuyết trắng nhuộm hồng đẹp tuyệt vời và kỳ vĩ sao. Lòng bỗng nhớ những bức tranh mực nho, tranh thuốc nước của Từ Bi Hồng, một danh họa Trung Quốc chuyên vẽ ngựa. Trước Cách mạng Tháng Mười Nga, Mông Cổ có thể nói là một dân tộc sống trên mình ngựa. Uống sữa ngựa, rượu cũng cất bằng sữa ngựa, những bài hát về con ngựa, chiếc đàn đầu ngựa và... quốc huy giờ đây cũng nổi bật hình một hiệp sĩ cưỡi ngựa cầm thương lao qua ánh mặt trời mới mọc.

** Ngựa của hiệp sĩ châu âu :* Thời xưa ở châu âu, không cần thuộc dòng dõi quý tộc, không cần lập chiến công trận mạc gì, miễn sắm được một bộ binh giáp (armure) và một con ngựa, tự nguyện phụng sự một tôn chúa nào đó, là được mang danh hiệp sĩ. Có tính chất truyền tử lưu tôn, miễn anh ta trang bị được cho con cái một kiểu cách y chang như mình. Dù anh ta có phung phí hết tài sản và tự mình dấn vào cuộc đời lang bạt kỳ hồ của phường thảo khấu lục lâm, hay của những kẻ đấu thương, chừng nào anh ta còn một binh giáp và một con ngựa, chừng đó anh ta vẫn cứ còn là một ông hoàng. Binh giáp của hiệp sĩ nặng nề và đắt tiền - di sản của thời La Mã - đã làm trở ngại và mất tính chất trọng yếu của quân kỵ binh ở những xứ phương Tây. Hơn nữa "mã thuật" (thuật cưỡi ngựa) vẫn là đặc hữu của một giai cấp, một uy quyền của một thiểu số nhỏ nhoi. Bởi binh giáp nặng, nên dưới mắt họ, những con ngựa gầy và nhẹ của Mông Cổ, những con ngựa chiến mảnh khảnh của Ả Rập dường như vô dụng. (Gần đây, người ta vừa ghi nhận được một con ngựa nặng nhất thế giới. Đó là con ngựa cái Bỉ Uyn-mơ, Duy-bốt của bà Vợ-gi A-đin ở Rê-nô bang Nevada, Hoa Kỳ. Con ngựa này ra đời ngày 15-7-1966, nặng 1.451kg khi nó có mang vào tháng 4-1973. Các tay hiệp sĩ châu âu ngày xưa được con ngựa này thì họ mê phải biết!). Từ thời a-cơ-lơ-ma-

nhơ (Charlemagne) họ lai tạo một giống ngựa mới gọi là ngựa "Bắc Thảo". Giống này dùng để kéo và chở nặng, sống lưng hơi lôm xướng, móng to khỏe, có thể chở một người hiệp sĩ võ trang và đảm đương những công việc đồng áng nặng nề nhất. Tuy nhiên, trong cuộc viễn chinh Thập tự, những con ngựa này chết hàng loạt vì không chịu nổi khí hậu quá nóng ở vùng Trung á. Viên tổng giám mục xứ Tia (Tyr) đã ghi vào ký sự những dòng ê ẩm như sau: "Người ta có thể khóc hay cười tùy ý, khi trông thấy chúng tôi phải ruỗi dong bằng cách chất hành lý lên lưng những con cừu, dê cái, lợn và những con chó, bởi khiếm khuyết súc vật chở nặng. Và còn được chứng kiến khối hiệp sĩ bắt buộc phải thượng lên lưng một con bò thay vì ngựa chiến!". Muốn gì thì gì, tôi vẫn cho đây là giống ngựa đẹp nhất. Một mùa đông đã xa, nhà văn Thanh Tịnh và tôi lang thang dưới trời tuyết phủ Lê-nin-gờ-rát. Thành phố rất nhiều cầu. Không nhớ phố gì có một chiếc cầu tuyệt đẹp, bốn trụ đầu và cuối cầu vươn lên hình bốn con tuần mã, tượng được đúc bằng đồng đen. Thật là đúng như câu "Ngựa vãi mồ hôi tuyết ngập bờm". Nhà văn Thanh Tịnh đã đặt tên cầu ấy là "Tứ Mã kiều". Mùa thu năm 1972, tôi lại có dịp tới thăm cầu ấy. Hình bốn con ngựa lưng linh đẫy nước trong xanh, chồm lên trong ánh tà huy của một chiều thu vàng rực rỡ xứ Nga, tưởng chẳng còn có tượng ngựa nào có thể đẹp hơn. Lòng bỗng băng khuâng nghĩ ngợi và háo hức đợi chờ tượng đài của con ngựa sắt phun ra lửa, dựng giữa thủ đô ta. Đó là biểu hiện sức mạnh của nhân dân ta, được tập trung trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ xâm lược ngày nay do Đảng ta lãnh đạo. Đâu phải ngẫu nhiên mà bọn giặc cỡi ngựa, cung lớn, giáo dài tua tua che kín trời tung hoành như chỗ không người từ á sang âu, và bọn cưỡi B.52 tên lửa trang bị tận răng, thiên hạ thời này đều khiếp đảm, tất cả đều đã bị đánh cho ngã quỵ, không còn mảnh giáp ngay trên đất nước của con cháu Thánh Gióng.

Tôi có sưu tầm một số khá về huyền thoại, mẩu chuyện lịch sử, ca dao, tục ngữ của ta dính dáng đến con ngựa, về tính chất bổ dưỡng của thịt ngựa, tác dụng của nó trong vị thuốc Đông y... Nhưng anh bạn họ Hà đến chơi liếc qua, bảo tán thế này là..."Ngựa phi hơi xa" rồi đấy! Đành ghim cương nơi đây. Có dịp khác, chúng ta lại thượng mã ruỗi dong lo gì. Hà Nội - Tết 1978

CON BẠCH TUỘC KHỔNG LỒ

Báo "Quân đội nhân dân" số 6068 ra ngày 28-3-1978 trong mục "Thế giới gần xa" có đăng mấy dòng ngắn ngủi sau đây, về một con mực khổng lồ: "Tại thành phố Ri-ô-xu trên đảo Xa-đô (Nhật Bản) những người đánh cá đã bắt được một con mực dài gần 4 mét, nặng hơn 200 kg. Họ đã phải dùng tời lớn để đưa con mực này từ tàu lên bờ". Chà! Con mực này mà thái ra, xào tươi... hay quét nhuyển cho trứng, tí bột mì, hành tỏi, thìa là, nêm tí nước mắm hạt tiêu làm chả, rán lên thì thơm ngon phải biết! Kể gọi nó là con Mực (aëiche), người thì gọi là mực ma, (Pieuvre monstrueuse) kẻ lại gọi là Bạch tuộc (Poulpe géant) v.v... Vậy nó là con gì? Cái con quái quỷ mềm nhũn, thịt thơm ngon nhưng hết sức nguy hiểm ấy?

* Bạch tuộc khổng lồ Kra ken và mực ma quái gở Chính tại vùng biển A-xo-rơ (Acore) hoàng thân An-be một nhà hải dương học lừng danh người Tây Ban Nha, cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 - đã thu lượm được chứng tích khoa học kỳ vĩ nhất. sng ta là một trong những người đầu tiên, trình bày trước các nhà bác học, trường hợp của một con vật bí ẩn đã hàng bao thế kỷ lẩn trốn trong thần thoại biển khơi, làm kinh hoàng khiếp đảm mọi ngư phủ, đó là con bạch tuộc khổng lồ. Trước kia, chưa từng có ai bắt được nó, chưa từng có phòng thí nghiệm nào nghiên cứu về nó, và những mẩu chuyện hiếm hoi do những thủy thủ bắt gặp nó giữa đại dương mô tả lại mỗi người một phách, làm cho người ta tự hỏi không biết con quái khổng lồ này có thật hay không? ít nhiều gì, trí tưởng tượng bình dân cũng chấp nhận hình tượng nó, do văn hào Vích-to Huy-gô đã phác họa trong tác phẩm "Dân nghề biển". "Một hình thù màu xám lắc lư trong nước, to như cánh tay, dài chừng nửa ôn (thước dài xưa, bằng 1 mét 18, tức khoảng 60 cm) hết miếng giẻ rách, nó giống như một chiếc ô xếp không có cán. Miếng giẻ ấy từ từ tiến gần anh. Thình lình nó xòe ra, tám nan hoa giương ra nhanh như chớp chung quanh một khuôn mặt có hai con mắt, đó là những nan hoa sống, ánh đỏ gợn gợn, một thứ bánh xe; căng ra có đến 4 hoặc 5 pi-ê (chân Anh, bằng 0 mét 3.048)

đường kính. Một sự nở bung ghê rợn. Vật quái đó lao vào anh. ... Con thủy tức xiên người. Nó bám lên con môi, ôm trùm kín và quấn chặt lại bằng những dải dài. Thân bên dưới nó màu vàng, bên trên màu đất; không làm sao có thể hiểu được cái sắc thái bụi bặm này; có thể nói đó là một con vật được hình thành bằng tro và nó ở trong nước. Nó giống con nhện về hình dáng, và con kỳ nhông (caméléon) về màu sắc. Kích thích giận dữ, nó biến ra màu tím. Điều rùng rợn là nó mềm nhũn. Những nút nó trói chặt: sự cọ xát làm con môi tê liệt. Nó có dáng vẻ của Xeo-bút (+) và uốn ván. Đó là các loại bệnh dẫn tới dị hình. Không thể nào gỡ nó ra. Nó bám dính vào con môi. Bằng cách gì? Bằng cái chân không. Tám vòi an-ten của nó, to rộng từ nách, thon mảnh dần và chấm dứt kiểu đầu nhọn hình mũi kim. Dưới mỗi vòi chạy song song hai hàng mụn, những mụn to gần đầu và bé dần cho đến cuối; mỗi hàng hăm nhăm, vị chi năm mươi mụn mỗi an-ten, và tất cả thân hình con quái có bốn trăm. Những mụn đó là những ống giác. Những ống giác đó bằng sụn hình tròn, hóa sừng, màu xám xanh. ở giống to hơn, những ống đó bề ngang bằng đồng 5 quan, giảm dần cho đến nhỏ như một thấu kính. Những đoạn ống ngắn ấy thò ra thụt vào. Các ống đó có thể ấn sâu vào con môi đến một pút-xơ (tức 0 mét 027).

"Thứ máy hút ấy có tất cả sự tinh vi của một cần bập bênh. Nó vươn ra và tức thời co lại, phục tùng ý muốn nhỏ nhút của con vật. Những nhạy cảm nhanh nhút không sánh bằng tính chất co rút của những ống giác này, lúc nào cũng tương xứng với chuyển động bên trong con vật và những trở ngại bên ngoài. Con rồng này là một thứ cây mắc cỡ. Thủy quái này chính là thứ mà dân biển gọi tên bạch tuộc, khoa học gọi là Xê-pha-lô-pốt (Céphalopode) và truyền thuyết gọi là Cơ-ra ken (Kraken). Bọn thủy thủ Anh gọi nó là Đơ-uy-n Phít-xơ, cá đuối hai mồm (Devil fish); con cá yêu quái. Họ cũng còn gọi nó là Bơ lút đơ Xắc cơ (Blood aucker), con vật hút máu. Trên những đảo ở biển Măng-sơ, người ta gọi nó là con mực ma...". Một tranh khắc của Xon ni ni (aonnini). Nhà xuất bản Buýp phong thể hiện quang cảnh một con bạch tuộc đang quấn một chiếc tàu buồm ngày xưa. Đen-ni Mông-pho (Dennis Montfort) cho rằng con bạch tuộc ở những vĩ độ gần cực bắc có đủ lực làm đắm một con tàu. Truyền thuyết về những quái vật biển cũng cổ xưa như đời sống con người. Năm 1555, s-lót Ma-nhuýt (Olaus Magnus), vị tổng giám mục cuối cùng của Giáo hội Thiên chúa Thụy Điển mô tả kỹ con Kra ken chiều dọc lẫn chiều ngang (Kra

ken danh từ Na uy gọi con Architeuthis hay là bạch tuộc) tuy nhiên con vật kinh khủng trên các bức vẽ của ông, giống một con tôm khổng lồ hơn là con mực ma. Và cũng chính ông Ma-nhuýt này đã mô tả những con cá voi có nhiều sừng quanh đầu và những con mắt phóng ra lửa, mà những người đi biển nhìn thấy từ xa, trong đêm tối. Nhưng người ta có thể nào phủ nhận sự hiện diện của Kra-ken, bởi nhiều người thề quyết rằng chính mắt họ đã trông thấy nó. Hai thế kỷ sau, -ric Pông-tô-pi đan (Eric Pontoppidan) giám mục ở xứ Béc-gien, trình bày Kra-ken như một con vật to lớn vô chừng và hung dữ, nhưng ông ta cũng nghĩ là mặc dù hình vóc to lớn như vậy, con bạch tuộc khổng lồ cũng chỉ thuộc họ hàng của những con mực ma, những con bạch tuộc thông thường mà mọi dân chài đều biết rõ. Pông tốp pi đan có dẫn trường hợp một dân chài đã bắt gặp con vật khổng lồ này trên mặt nước: "lưng nó dường như có bề hoành dài hơn 1 km" anh ta kể như vậy, và còn dè dặt nói thêm "vài người còn cho là to hơn thế, nhưng tôi chỉ nói cái tối thiểu, để đảm bảo thật chắc chắn"... Loại bằng chứng này gây biết bao nghi ngờ trong đầu óc nhà vạn vật học lớn Li-nê (Linné) ông ta đã xếp con Kra-ken trong "hệ thống vạn vật" (aysteme naturae) khi xuất bản lần đầu tiên với cái tên api-ami-crô-cốt muýt (apia mi crocosmus) và rồi ông ta cũng phải loại bỏ nó trong ấn bản cuối cùng.

Trong những câu chuyện về bạch tuộc khổng lồ thường ám ảnh giấc ngủ những người đi biển, những chuyện của Pi-e Đơ-ni-đờ Mông-pho (Pierre Denys de Montfort) biểu hiện sinh động nhất trong các chuyện ghê gớm về loài giống này. Con "Bạch tuộc khổng lồ" của ông ta viết trong quyển "Chuyện về những loài nhuyển thể" (Histoire des Mol-lusques) tấn công những chiếc tàu và lôi tàu xuống đáy các vực sâu. Một nhóm của bảy thủy quái khổng lồ này đã chìm mất mười chiếc tàu trong một đêm ! ở cương vị là nhà nghiên cứu của Viện khảo cứu vạn vật học Pa-ri, chuyện ông ta kể dù sao cũng được đảm bảo ít nhiều tính xác thực. Tại các vùng sông lớn nước ta, đồng bào mê tin dị đoan vẫn hay nói quăng sông này, khúc vịnh nọ có "ma nam" hoặc "ma da" rút người. Nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long, ngày xưa đi quăng sông nào cũng nghe nói chuyện "ma da". Có thể chỗ đó là một vực sâu, có luồng nước xoáy, người bơi kém, đuối sức, bị lạnh đột ngột, bị vộp bẻ (chuột rút) v.v... thường xảy ra những vụ chết đuối: cũng có thể chỗ đó có con bạch tuộc quán lối người xuống đáy. Bởi có nhiều người đang bơi, bỗng chơi với đưa hai tay lên cầu cứu, khi được

kéo vớt lên, mình mẩy nhót nhót. Đồng bào cho đó là nhót "ma da". Họ còn tô vẽ thêm là những lò rèn cạnh bờ sông, đêm đêm "ma da" thường bò lên ngồi cạnh bể rèn hơ lửa cho ấm. Động có người, chúng phóng chòm... chòm... xuống nước, lặn mất. Năm 1952, tôi chèo xuống đi với anh Tám Đậu - liên lạc Chi hội Văn nghệ Nam Bộ - tại một con rạch không lớn lắm, vùng Đầm cùng (Cà Mau). Triều xuống, nước cạn còn khoảng một mét, lòng sông trong vắt nhìn thấu đáy. Bỗng thấy có con vật gì, to cỡ chiếc nia, đen sì, bơi phập phều; nghe động mái chèo nó rùng mình, co lại và phóng hút vào trong hang ngầm dưới một gốc cây mục. Chúng tôi chèo rần tới, còn thấy nước xoáy hình phễu, cuốn ột... ột... theo con vật vào dưới hang. Tám Đậu bảo đó là con "ma da". Chính thật nó là con bạch tuộc ! Còn con mực ma khổng lồ ác-si-tơ-tít (Ar-chiteuthis) là một sinh vật có thật, hay chỉ là tưởng tượng? Không một nhà bác học nào đã trông thấy nó, chỉ có lần độc nhất năm 1861, trung úy Bu-giơ (Bouyer) chỉ huy chiếc hải phòng hạm A-léc Tông của Pháp, đưa về được một bộ phận của con bạch tuộc khổng lồ. sng ta đã gặp nó giữa Ma-đe-rơ và Tê-nê-rip, và đã tung được một sợi dây thòng lọng quanh mình nó. Nhưng con bạch tuộc đã vùng giãy dụa để tháo chạy, đến nỗi chỉ còn một mảnh thịt 20 kg bứt ra, dính lại trong đầu dây thòng lọng. Thân mình nó, ước tính khoảng 5 mét, 8 cái vòi, mỗi vòi dài chừng 1,8 mét và trọng lượng tất cả độ 2 tấn. 89 90

Năm 1873, hai ngư phủ gặp một bất ngờ hiểm có ở Te-rơ Ne-vơ (Terre Neuve). Trông thấy một vật giạt nổi lênh bênh, họ đâm sào móc lôi lên, và diện đối diện với một sinh vật ghê gớm, đe dọa họ bằng cái mỏ to lớn, nó vươn những chiếc vòi dài ra ôm phủ lấy tàu. Hai ngư phủ đã cố dùng búa chặt những "cánh tay" ấy, và con bạch tuộc tháo chạy, phun ra những dòng mực đen cuộn cuộn. Họ vùi vĩa quay về đất liền và chưng ra một "cánh tay" bị chặt: nó đo dài gần 6 mét. Họ đánh giá chiều dài của con bạch tuộc có đến 18 mét. Hiện vật ấy thu hút nhà động vật học tài tử linh mục M.Hắc-vây (Révérend Père M. Harvey) khiến ông ta lao sâu nhiều năm vào việc nghiên cứu loài giống này. Mười con bạch tuộc khổng lồ được phát hiện mười năm liền sau đó. sng ta đã kiên tâm nghiên cứu mười trường hợp và lần nào cũng thu nhặt về những bộ phận khác nhau của thân mình nó. Khi sưu tập của ông ta tương đối đầy đủ các phần trọng yếu rồi, ông ta kêu gọi nhà động vật học kiệt xuất Châu Mỹ, bác sĩ A-đi-xơn E. Vơ-rai (Addison E. Verri) ở á. An-lơ giúp sức. Vơ-rai xem xét những phần còn lại và năm 1879

đã ấn hành một chuyên khảo nhan đề "Con bạch tuộc khổng lồ - Architeuthis" - aự hiện diện thiết thực của con vật rất hiếm thấy, đã cuối cùng, được chứng minh bằng khoa học. Tuy nhiên, các viện bảo tàng chỉ lưu giữ được từng phần từng khúc quá hư nát và gần như vô dụng cho công việc nghiên cứu.

* Chiến lợi phẩm quý giá của hoàng thân An-be, những chất nôn mửa của một con Ca-sa-lô (+) Phương cách mà vị hoàng thân Mô-na-cô cung cấp cho các viện nghiên cứu những tiêu bản mực ma hoặc bạch tuộc khổng lồ đầu tiên, vừa thật là bất ngờ và cũng thật là ghê tởm. Chuyện này xảy ra vào tháng 7 năm 1895, trong chuyến tuần du khoa học trên chiếc nữ hoàng A-lít-xơ ở vùng biển A-xo-rơ, một ngày nọ ông gặp hai tàu đánh cá voi của dân đảo vừa phóng bắt được một con Ca-sa-lô lớn. Cảnh tượng hấp hối của con vật khổng lồ đầm máu, làm ông ta và 50 thủy thủ đoàn xúc động mãnh liệt, họ sững sờ nhìn giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến đấu. Kinh ngư thuộc họ hàng cá voi, đã đem lại nhiều điều vô cùng bổ ích cho ông: Tổ chức cơ thể của những con Ca-sa-lô bấy giờ ít được ai hiểu biết, và chính ông ta đã mang về trên chiếc "Chim én" năm 1887 và 1888 bộ óc đầu tiên chưa từng có một viện nghiên cứu nào kiếm được, và những tranh vẽ chính xác cái đầu nó cùng những gì chứa đựng trong bao tử nó. Những con Ca-sa-lô có răng nhọn hằn hoi chứ không phải loại răng sụn hình lược đoàn giòi Các con vật trên rừng dưới biển như cá voi và hiếm gặp hơn cá voi: Chúng có thể dài đến 25 mét nặng 100 tấn và phóng cao khỏi mặt nước 6 hoặc 7 mét. sng ta mô tả trường hợp chứng kiến như sau: "Cái đầu to tướng của nó nổi lên rất gần, sau tàu chúng tôi. Hàm dưới của nó há ra, vì các cơ bắp bị dẫn mết, lắc lư theo chiều sóng và tôi thấy miệng nó, như một cái hang mở rộng, nôn ra liên tiếp nhiều loại nhuyễn thể, mực ma hay là bạch tuộc khổng lồ thân hình to lớn. Con họ hàng cá voi này nộp cho chúng tôi kết quả của chuyến thâm nhập dưới các vực sâu thăm thẳm, một búng còn mới nguyên không thể nào nuốt qua cổ họng. "Tôi hiểu giá trị khoa học của những vật được đưa lên từ các vùng nước sâu, nơi mà nhiều loại sinh vật được bảo vệ cho đến giờ, chống lại mọi ý đồ toan tính tìm bắt của chúng ta, nhờ sức bơi cực khỏe; và sự phát hiện bất thần của chúng ta vẫn thường thường được coi như những chuyện hoang đường, bịa đặt". Thủy thủ đoàn của tàu "Chim én" thu nhặt ngay "những của quý nôn mửa" này, dưới những cặp mắt kinh ngạc của đám dân đánh cá voi nghèo vùng biển A-xo-rơ. Đó là một quang cảnh ghê tởm, nhưng ông ta không giấu được nỗi vui mừng

to lớn: "Năm con bạch tuộc và mực ma sẽ làm phong phú thêm cho viện nghiên cứu của tôi trong cơ hội bất ngờ này, sau khi tôi trở về đã được giáo sư M. Giu-bin của trường đại học Ren-nơ mô tả lại. Đó là những con vật mới lạ về chủng loại cũng như loài giống và hình dáng cơ thể chúng nếu như còn sống, hẳn là phải hết sức lạ lùng kỳ dị: một con trong đám đó, than ôi! đã cụt mất đầu trong lúc đánh nhau, trình bày một trường hợp duy nhất trong khoa học với một thân mình khoảng 2 mét giống như cái sừng, có vây bơi to lớn hình tròn, từng phần phủ vảy; một con bạch tuộc khác thì mất khúc mình, nhưng người ta đã thu hồi được bộ vòi hình đĩa, nghĩa là cái đầu có 8 tay mà mỗi tay cũng gần to như cánh tay người, mang một trăm ống giác, trang bị bằng những móng sắc rắn như thép và khỏe như vuốt mãnh thú lớn ăn thịt sống". Trở lại A-xo-rơ, hoàng thân An-be say mê lao vào các cuộc săn cá voi... Điều bổ ích nhất mà ông hy vọng tìm được là những con bạch tuộc khổng lồ, thu trong dạ dày Ca-sa-lô, nơi duy nhất mà khoa học có thể kiểm tầm những tiêu bản của con vật đáng lo ngại và bí ẩn này, hơn tất cả mọi động vật không xương sống cư ngụ trong các đại dương. Trong một quyển du ký của Vich-to Huy- gô đề ngày 8 tháng 6 năm 1859, tập hợp những chi tiết kỳ thú, sáu năm sau đã xếp thành bản hòa tấu như sau: "Thủy tức, cặp mắt đỏ máu, vòi nút vô số dưới mỗi chân, da nổi đầy nhọt mụn và quánh nhầy, không có miệng, những vòi hút nuôi nó, lật ngửa lưng thì đấy là một ngôi sao".

* *Những quái vật gọi nên truyền thuyết* Dưới đáy biển sâu có rất nhiều con vật kỳ quái, to lớn phi thường... Đây chỉ nói về đặc điểm của các con thuộc loài nhuyễn thể, những con đầu túc (Tête-pieds) - bạch tuộc, mực ma, can ma và cá mực - những con là nguồn gốc của biết bao nhiêu chuyện hoang đường, so với nhiều "cư dân" xấu xí khác dưới đó. Chúng gọi nên một sự ghê tởm, đến nỗi chính các nhà khoa học phải bình tĩnh lắm, mới tránh được sự bức mình khó chịu mỗi khi đề cập đến. Một nhà vạn vật học người Anh của đầu thế kỷ này Phơ-ren Bơ-lin (Frank Bullen) đã viết: "Cho dù khi còn bé, đáng vẽ con mực ma đã có những cái gì trông bất phải gớm ghê rồi. Màu nâu sẫm của thân hình, da nổi đầy mụn, những con mắt dường như chứa đựng cả một địa ngục thù hằn, cái lỗ phập phồng trên đầu thỉnh thoảng lại mở ra để lộ một cái mỏ vẹt, đấy là những nét xấu xí ghê tởm: nhưng tám cánh tay xoắn lấy, móc chặt lấy như tóc của Mê-đuy-zơ thu hút trí tưởng tượng... Tôi muốn nói - nếu điều đó có thể - một lời khải ái về con

mực ma, để giữ trung thành nguyên tắc công bằng của tôi với tất cả mọi sự. Nhưng tôi thấy thật khó quá. Tôi không hiểu tại sao lại có nó. Không ai có thể nói, dù thiện chí mấy, một đôi điều tốt đẹp về con vật này và họ hàng thân thuộc của nó. Tuy nhiên, như trường hợp cá sấu, muỗi và chấy rận, bởi Thượng đế đã xét rằng phải tạo ra chúng, thì con người không nên hỏi về đức độ nhân từ cao cả ấy làm gì". Khi kể về một con bạch tuộc lớn mà Uy li am Bi-bi (William Beebe) đã gặp, ông ta cũng không biết nó thuộc về vật khách quan gì. "Đối với tôi đó là một cảnh tượng đặc biệt của thế giới động vật. Khối phồng phình của cái đầu, cặp mắt tròn trồ trố, hoàn hảo và biểu lộ tâm trạng hẩn hoi như mắt loài có vú - và cái thu lu trọi đáng sợ của một loài động vật không có những bộ phận cơ thể nào khác, cùng cặp mắt như thế đó - ngoài tám cái vòi ghê gớm uốn éo như rắn mọc đầy ống hút, vươn tới trước, khoa khoa múa múa tất cả mọi hướng bỗng cụp lại phía sau, trong khi đó một hoặc hai vòi vẫn lắc lắc lay lay hươ về phía nghi ngờ là nguy hiểm, như một kiểu từ biệt thảm thê...". Bởi hình dạng đáng ghét của nó, nên loài nhuyễn thể này thường được mô tả bằng những lời lẽ xấu xa tồi tệ. Tuy nhiên, cho dù có những thù dật quá đáng, các nhà bác học vẫn có những lưu ý hay ho về chúng. Họ xác nhận rằng, thí dụ như con can-ma, hình dạng như điệu xì gà, là những con bơi nhanh nhất trong các loài động vật không xương sống. Chúng tự đẩy tới bằng phản lực, như những vòi phun (tia bắn ra) chúng nuốt nước và tống ra bằng lực mạnh vô cùng nhờ cách co các cơ bắp cực kỳ khỏe. Tốc độ nhanh đến nỗi chúng có thể phóng xa trên mặt nước như những con cá chuồn. To Hây-ơ-đan (Tho Heyerdahl) và đoàn đi trên bè Kon-ti-ki đã quan sát những con can-ma bay trong chuyến vượt bè lịch sử từ Pê-ru đến châu Đại dương năm 1947 (ạu đó năm 1948, các nhà bác học trong đoàn thám hiểm Pơ-kê-na (Pequena) cũng sốt, bởi tưởng những con họ bắt được trong vùng biển Cáp là cá chuồn, hóa ra chúng là con can-ma bay, dài 20 cm). Can-ma là con vật thông minh nhất trong loài không xương sống. Hệ thần kinh của chúng rất khác thường: bởi những gân của chúng có đường kính 50 lần lớn hơn phần đông các động vật, khiến chúng có một phản lực hai lần nhanh hơn. Những cơ quan dùng hít, hút là nét đáng kể nhất của loài Xê-pha-lô-pốt-đơ. Một con bạch tuộc thông thường, trung bình mỗi vòi có 240 ống giác, vị chi tất cả là nó có 1.920. Riêng những con can-ma, thường hay có vuốt, và người ta đã từng thấy nhiều cá

voi mang những vết sẹo dài ở mặt do các cuộc đánh nhau với kẻ thù truyền kiếp này.

** Mắt con can-ma, một kiệt tác làm cho các nhà bác học sửng sốt* Người ta cũng từng nêu nhiều chứng dẫn về những vết cắn của mực ma. Con can-ma thì nguy hiểm hơn, nhất là can-ma khổng lồ ở dòng hải lưu Ham bôn (Humboldt) ở Pê ru, dài 3 mét 60 và nặng đến 160 kg. Tia nước nó xịt ra có lực mạnh như vòi phun cứu hỏa và mỏ nó khỏe đến có thể cắn nát một chiếc cán chổi bằng gỗ. Nhưng con can-ma Pê-ru không to lớn đồ sộ bằng người anh em thúc bá của nó, ác-si-tơ-tít-xơ (bach tuộc khổng lồ) dài đến 15 mét, có thể còn hơn nữa. Người ta luôn luôn nghĩ rằng "mực" do những con mực ma, cá mực (aieiche) và can- ma phóng ra khi chúng hoảng sợ, có tác dụng như màn khói che giúp cho chúng trốn chạy khỏi kẻ thù. Giắc-y-vơ Cút-xtô (Jacques áves Cousteau) đã từng quan sát hàng mấy trăm con vật này trong những cuộc thám hiểm dưới đáy đại dương, đưa ra một giải thích khác. sng tin rằng sắc tố (Pigment) ấy không tản ra, mà nó hình thành một cụm mây nhỏ có hình dáng và kích thước như nó để đánh lừa đối tượng săn đuổi nó. Cơ quan khiến các nhà bác học kinh ngạc hơn cả là mắt những con Xa-pha-lô-pốt-đơ. Nó giống mắt loài có xương sống một cách lạ lùng, cho dù đó là kết quả của một quá trình tiến hóa hoàn toàn khác hẳn. Nhà sinh vật học Ca-na-đa N. J. Bơ-rin (Berrill) viết: "Nếu anh hỏi bất cứ nhà động vật học nào, chọn nét gì làm chúng ta ngạc nhiên nhất trong vương quốc của toàn thể động vật, hẳn có nhiều may mắn là họ không ghi nhận mắt người; mắt người bất cứ phương diện nào là một kỳ công tuyệt diệu không thể tưởng, cả mắt bạch tuộc và mắt can-ma, nhưng sự thật là hai kiểu mắt người và mắt can-ma đều giống nhau hầu như trong từng chi tiết". Và nếu như mắt can-ma kém hơn mắt người ở khả năng ghi nhận chính xác, nhiều nhà bác học nghĩ rằng mắt nó tốt hơn về phương diện phân bố các tế bào võng mô. Mắt Xê-pha-lô-pốt đơ đặc biệt to so với cái đầu. Mắt ác-si-tơ-tít-xơ, can-ma khổng lồ to đến 35cm đường kính. Nhưng không ai cho đến giờ có thể giải thích tại sao một số can-ma lại có một mắt bên này khác hẳn bên kia. Như thế đấy, con ít-xti-ô-tơ-tít-xơ (Histitheuthis) và con Ca-li-tơ-tít-xơ-rơ-véc-xa (Calliteuthis re- versa) mắt bé bên phải viền quanh những cơ quan phát sáng, và mắt to bên trái thì không có như thế. Nhưng can-ma và bạch tuộc ở những vùng cực sâu chậm chạp và yếu hơn những con sống ở tầng nước cao hơn. Các cơ bắp của chúng đều yếu và cấu tạo bằng chất keo, và thường thường những

con này đều mềm và yếu ớt mỏng mảnh như loài sứa. Cơ thể chúng có những bộ phận phát sáng, nhiều màu như đuốc sặc sỡ, nên chúng là con vật sáng nhất giữa các loài ở vùng cực sâu. Cũng như hầu hết các loài sống dưới cực sâu, những con can-ma ban đêm bơi lên gần mặt nước để tìm thức ăn như các loài giáp xác và cá nhỏ. Chúng chỉ là số ít trong những đại diện của thế giới lạ lùng dưới vực thẳm ở đó còn có cua và nhện biển, cá mập, các con vật quái gở, sao biển và các cổ sinh vật còn sống, các con vật to lớn méo mó dị dạng kỳ hình, hết sức lạ lùng từ con này đến con khác. Vì mục đích tìm hiểu thế giới bí ẩn dưới đáy sâu này, mà các con tàu khoa học nghiên cứu đại dương như Vi-chi-át, Lô-mô-nốt-xốp của Liên Xô, s-xê-a-nô-gơ-ra-phi của Mỹ, như An-ba-trốt-xơ, Vê-ma, Ga-la-tê-a, Giăng-xác-cốt, Ca-líp-xô ác-gô v.v... của các nước phương Tây ngày đêm không ngừng rạch ngang xẻ dọc biển cả, hiện nay.

* *Truy lý lịch và tìm hiểu sinh hoạt của "ác ôn"*. Loài nhuyễn thể lớp đầu túc, sống cách đây khoảng 200 triệu năm, tên nó là Tiền Thạch, vì nó giống như đầu mũi tên. sng tổ của bạch tuộc, mực ma, can-ma, cá mực... là Tiền Thạch, hình dáng của nó tựa tựa như con mực ống bây giờ. Bạch tuộc thông thường, con đực giương hết vòi ra 6 mét, thường gấp nhất là 2 mét, con cái không lớn quá 1 mét 50 hoặc 2 mét, Nếu con cái không làm môi cho các động vật khác, thì đều chết vì sinh sản. Bao giờ nó cũng tìm chỗ trú ngụ trong những cái hang, lớn gấp đôi thân hình nó. Cửa hang phải nhỏ hẹp, khi nó trườn vào rồi, nó cẩn thận kéo đá lấp kín để cho những con lươn biển háu đói không mò vào được. Con cái đẻ trứng trên những viên đá bên trong hang, trứng đóng chùm như chùm nho, bé như hạt gạo. Con mẹ dùng vòi phun nước liên tục vào chùm trứng để tiếp ô-xy, không đi đâu, hầu như không ăn uống gì, vì thế thân hình nó teo tóp lại chỉ còn một nửa. Thường thường trong tuần lễ đầu khi đưa con mỏng mảnh chào đời thì bà mẹ... nhắm mắt xuôi tay. Ba kẻ thù chính của bạch tuộc là lươn biển, cá thu và loài người. Nói lươn biển, các bạn chớ coi thường. Bởi bạn sẽ nghĩ ngay tới những con lươn thổ tả mà các bạn vẫn thấy các bà nông dân bày bán khắp các chợ. Lươn biển mình dẹp, to lớn đồ sộ, đốm hoa, xanh xám, khoang đen khoang trắng, răng sắc chom chồm. Trông nó, bạn sẽ "tản thần" ngay. Nhiều truyền thuyết còn in trong sách báo cổ, nói rằng người La-mã nuôi lươn biển trong những bồn sâu, ném sống tử tù hoặc những người nô lệ phạm tội xuống đấy, cho lươn biển ăn thịt! Mà con bạch tuộc là

món ăn ưa chuộng nhất của loài lươn biển. Lươn biển thích nhất những xúc tu (vòi) nâng nâng thịt. Chúng quán ghi vòi con bạch tuộc rồi co mình quật mạnh, bứt rời bộ phận đó ra khỏi mình con bạch tuộc, phăm phập cắn đứt khúc nào nuốt chừng khúc đó, bằng bộ răng sắc và rất khỏe. Đây là trường hợp "ác ôn" là nạn nhân của kẻ khác. Ngược lại, khi kẻ khác là nạn nhân của "ác ôn" thì sao? Món ăn chính của bạch tuộc, mực ma v.v... là các loài giáp xác. Chúng rất mê cua và nhện biển. Mà phải tọng biết bao nhiêu cho vừa cái dạ dày của những con vật phàm ăn này? Vài con tôm hùm to đủ thỏa mãn rồi, cho dù cuộc săn bắt con mồi này không phải là không nguy hiểm. Tôm hùm tự biết sức mạnh lợi hại của đôi càng sắc, rắn như thép của nó khi nó thử thách với những vòi bạch tuộc và kẹp lên vỏ cứng của loài nhuyễn thể này. Nó tấn công kẻ thù bằng cách kẹp vòi con bạch tuộc trong những gọng kềm nhọn, nhưng nó cảm thấy quá muộn rằng những cơ bắp dai khỏe của nó bỗng xuội lơ, không kẹp được nữa. Không gì nhân nhượng nó nữa rồi, ngoài sự biến đổi màu da của con bạch tuộc giúp cho nó hiểu kẻ thù đang cơn giận dữ hay đau đớn. Tôm hùm bây giờ tìm cách đâm thủng mình kẻ thù mềm nhũn lắc lư kia, nó lại kẹp, lại kẹp, nhưng đôi càng nó trĩu xuống, mất phương hướng: Túi mực của con quái quỷ đã phun ra một đám mây đen ngòm lấp mắt cả hai kẻ thù đang chiến đấu. Những nhát kẹp của nó uống không, giữa cái đêm đen ngạt thở này, trong khi đó con bạch tuộc tha hồ hươu vòi hoạt động, sức ghi chặt càng bó thít và khi cụm mây tan dần thì cuộc quyết chiến đã kết thúc. Hai chiếc kìm thép chẳng làm sao chống nổi 8 vòi bạch tuộc khi tôm hùm đã bị nó ôm trùm lên lưng và cầm tù nó trong tấm áo choàng nhờn nhầy. Dưới vòm vòi tua tua đó, mở ra một cái miệng khủng khiếp. Từ hàm dưới tựa mỏ hình chim vẹt, bạch tuộc cắm vào gáy chỗ khớp nối đầu và thân mình con mồi và phóng vào vết thương đó một nọc độc làm tê liệt toàn thân. Rồi chiếc lưỡi nhám xầy của nó, như một thứ giũa nạo cào vết không sót một tí thịt ở góc ngách nào. Và nó vừa nhấm nháp bữa ăn vừa đưa đôi mắt cảnh giác trông chừng xung quanh. Nếu nhiều may mắn và cẩn trọng khôn ngoan hơn, thì một chú tôm hùm không may như thế đấy, có thể thọ đến 50 năm. Nhưng nó vẫn là nạn nhân của những chiếc rọ thom mồi, của dân chài các vùng biển. Riêng ven Hen-gô-len-đơn (Helgoland) một năm tôm hùm đã bị bắt 60.000 con. Loài giáp xác này, sống lúc nhúc ở các vùng biển Bắc, càng ngày càng trở nên hiếm hoi ở Địa Trung Hải. ở đây, rọ chỉ đổ được tôm rồng (Langouste) và cả

những mực ma con chui vào cướp mồi. Cho dù chuyên ăn thịt mềm, thơm ngon của loài giáp xác, con mực ma già có thể chỉ cho ta một đĩa thịt dai nhách. Cho nên những dân chài châu âu càng ưa thích loại bạch tuộc, mực ma non hơn, đêm đêm họ vẫn rình dăm bằng chiếc chia ba với một ngọn đèn âm thầm. Theo I-a-ki-mu-sơ kin (tác giả ạinh vật học lý thú - Liên Xô) thì trên thế giới, chỉ riêng mực và bạch tuộc, mỗi năm người ta cũng đã đánh bắt gần triệu tấn. Người Nhật rất ưa thích mực ma. Tô ki ô là một thành phố mỗi ngày xơi 60.000 li vơ rơ thịt mực ma (livre : cân xưa của Pháp, cân Anh bây giờ, mỗi livre bằng 375 gam). Và mỗi ngày cũng từ thành phố này bán ra từ 20 đến 30 tấn mực ma, bạch tuộc. Họ dùng lồng thả xuống đáy, trong lồng (rọ) có đặt mồi, trên buộc phao nổi, ngày đêm kéo lên một lần, và cứ thế thường xuyên năm này qua năm khác như thế. Các vùng biển nước ta, ngư dân câu mực ban đêm đều thả đèn (đèn khí đá) mỗi câu có khi là một mảnh gương nhỏ lấp lánh, một mảnh sắt tây hoặc chiếc lông gà nổi luôn luôn động đậy, khi nó bám mồi, người câu lôi gần mặt nước thò vọt vọt lên.

* *Hòn đá thử vàng bằng con bạch tuộc* Nhiều sinh vật ở biển trong khi hút nước, đã nuốt rất nhiều kim loại khác nhau: loài thân mềm nuốt đồng, hải tiêu nuốt vanadi, trùng tia nuốt atronti, sứa nuốt kẽm, thiếc, chì, còn tảo nâu thì nuốt nhôm v.v... Trong nước biển có Rađi, Uran, Aegôn, Heli, Nêon. Thậm chí có cả vàng: ước tính: 10 tỷ tấn. Phơ-rít-xơ Ha-be người được giải thưởng Nô ben đã từng dày công "hút" vàng ở biển ra... đành bỏ dở ước vọng giữa chừng vì quá tốn kém và lỗ vốn... Muốn thu được 1 lạng vàng trong nước biển thì phải tiêu tốn 2 lạng vàng mặt! Khoảng thập niên 60, ông Ecnét Bao-ê ở trường đại học tổng hợp Tuy-bin-hen đã đưa ra được ước mơ của Phơ-rít-xơ Ha-be thành hiện thực. sng ta đã tìm ra phương pháp rất có lợi để "lấy" các kim loại quý ra khỏi biển. Phải mất ròng rã hơn mười năm dài. Trong khi chế tạo các chất nạp điện, giáo sư đã tìm ra được mô hình tốt nhất ở con bạch tuộc, ông rút ở máu nó - trong đó hàm lượng đồng nhiều hơn trong nước biển tới một nghìn lần - lấy ra một thứ màu rất kỳ lạ, gọi là xi-a-nít đỏ. Các phân tử của xi a nít đỏ tựa như bọt biển hiển vì đã "hút" vào mình tất cả các i-ôn đồng trong ống thí nghiệm. ậu đó ông đã tổng hợp được chất giống hệt như vậy, nhưng bền vững hơn. Chất đó "hút" cả đồng lẫn ... Uran, còn tốt hơn thế. Trong 100 lít nước biển khuấy với một chất nạp điện tổng hợp khuấy 12 giờ liền, ông đã lấy ra được tất cả là... 1,4 phần triệu

gam vàng. Từ trong ống nhỏ của phòng thí nghiệm tiến ra đại dương, cùng với những đồ án những đập nước, những con kênh dẫn nước biển vào đó, dự tính sẽ thực hiện... ắt phải còn một thời gian dài dài. Hà Nội - Đầu hè - 1978 Phụ chú: Đ ài phát thanh Hoa Kỳ đêm 13-1-78 trong mục tin khoa học, đưa tin về Bạch tuộc có nói rằng: Con thủy quái 8 vòi sống dưới đáy biển này thường bị mô tả bất công như kẻ thù của loài người... Chúng nhút nhát, hiền lành ít có phương tiện phòng vệ nên ít thấy ngoài khơi... Đôi khi chúng còn tung vòi quấn các chuyên viên lặn một cách thân thiết, nhìn vào mắt chúng, thấy có nhân tính v.v...Trước đó vài tuần, hãng thông tấn Nhật có đưa tin một người đàn ông Nhật tắm biển gần hòn đảo nọ, bị một con mực khổng lồ (Bạch tuộc) quấn lồi vào hang sâu dưới đảo, sau một lúc đã dùng dao găm chống cự một cách tuyệt vọng? Hai mẩu tin trái ngược này, nghe kể cũng lạ! (+) Xeo-bút :Chứng bệnh gây bởi thiếu Vi- tamin, biểu hiện lở loét và chảy máu lợi. (+) Ca-sa-lô (Cachalot): Loài có vú, họ cá voi, đặc biệt nhanh nhẹn và hung dữ. Chuyên ăn thịt chứ không phải loại chỉ ăn những con vật biển bé nhỏ. ở ta, không biết gọi là cá gì? Thấy từ điển Pháp - Việt gọi nó là cá nhà táng. Cá nhà táng theo dân nghề biển xứ ta, là cá mập. Nên tôi cứ gọi là ca-sa-lô, tạm thời. Can-ma (Calmar): Tên thông tục gọi chung những con thuộc họ hàng nhà mực, rất dữ tợn và lợi hại, hình dáng tựa như con mực ống ở ta.

CHUYỆN VỀ CON VOI

Vào trước cuối kỷ Đệ tam, hầu hết những dạng thú khổng lồ trên quả đất đều bị tiêu diệt. Có thể là chúng bị những bệnh do các vi sinh vật bám theo chúng gây nên, chứ không phải do những loại thú lớn ăn thịt tấn công. Voi là con vật chịu đựng bền dai nhất trong các loại thú khổng lồ. Chính nhờ bởi sinh lực và óc tinh khôn của nó, chứ không phải do cặp ngà. Thời kỳ cuối kỷ Đệ tam và bắt đầu bước sang kỷ Đệ tứ, voi có mặt khắp nơi trên quả đất, trừ châu úc mà nó không thể đi đến đó bằng đường bộ.

** Con vật gắn liền với chiến tích của các vị anh hùng dân tộc ta* Phong dao cổ ta có câu: "Muốn coi lên núi mà coi Cõi bà Quan tướng cỡi voi đánh công" Bà Quan tướng nói trên là "Nhụy Kiều tướng quân", Triệu Trinh Nương thúc voi đánh giặc. (Có người nói: "Cõi Bà Quân tướng cỡi voi đánh công" là không đúng). Tranh dân gian, tranh làng Hồ cũng đã vẽ Hai Bà "cỡi đầu voi dữ" mộc mạc thô sơ nhưng rất sinh động và đầy khí thế tiến công. Năm 40, khi phát cờ khởi nghĩa chống xâm lược, cả bốn quận: Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố nhất tề hưởng ứng. Hai bà đã dùng voi trận đánh chiếm 65 thành, giải phóng toàn bộ lãnh thổ trong một thời gian rất ngắn. "Vú dài ba thước dắt lưng Cỡi con bạch tượng trong rừng bước ra Kê vai gánh vác sơn hà"... Triệu Trinh Nương năm 240, lại nổi lên cỡi đầu voi dữ, lãnh đạo nghĩa quân giết tên thái thú tàn bạo, quét sạch quân đô hộ ở các huyện làm chấn động đất Giao Châu. Một lần nữa, voi trận lại xuất hiện dưới cờ một nữ anh hùng dân tộc, làm kinh tâm táng đởm bọn bành trướng phương Bắc. "Kìa Trưng Triệu, giáp vàng môi má thắm Thúc voi lông, gió thổi tóc mây bay..." (Thơ Minh Tuyên) Con voi đã được thuần phục trên đất Việt Nam từ lâu đời, ít ra là ở thời kỳ lịch sử vua Hùng. Khố tượng voi bằng đồng thau có kích thước không lớn lắm - cặp ngà buông thông xuống chằm đất, lưng voi đặt chiếc bành rộng trên có hai người ngồi quay mặt vào nhau, đẹp và rất sinh động - có niên đại cách đây khoảng 3 nghìn năm; cùng với một số tài liệu khác sau này, chứng minh rằng tổ tiên ta đã biết đưa con voi rừng về dạy tập thành voi nhà, voi trận biến nó thành

con vật có ích, phục vụ cho con người và quân đội. Năm 1076, Lý Thường Kiệt chuẩn bị 6 vạn quân, đem binh sang đánh Tống, lấy Châu Khâm, Châu Liêm, phá Ung Châu... đã dùng nhiều voi để xung phong. Voi được đưa bằng cả đường thủy và đường bộ để tiến vào. Voi tiến đến đâu, quân Tống khiếp đảm chạy tan đến đấy. Đó là mối lo sợ lớn nhất đối với chúng. Vì thế, khi ấy ta vây Ung Châu tướng giữ thành là Tô Giàn mộ được hơn hai trăm quân cảm tử, giết đại đao chèo thuyền trên sông Ung Giang đón đánh quân ta, chủ yếu là nhằm triệt "lũ tượng binh" trước khi chúng đặt chân lên bờ. Bấy giờ, về khí giới, thì ngoài cung nỏ, trường thương cả hai bên đều sử dụng, ta còn có máy bắn đá, tên tẩm thuốc độc và voi trận vô cùng lợi hại. Bọn chúng liều chết xông thuyền vào, chém được hơn 10 voi lớn và 2 tướng của ta, lại dùng cung thần tí bắn một phát được nhiều tên, giết được nhiều lính, và voi; bên ta quân và voi chết mất nhiều. Dù vậy, chúng vẫn rất sợ hãi, rút quân vào đóng chặt các cổng thành. Voi không xung phong lên được, ta phải đắp bao cát cho quân sĩ trèo lên mới phá được Ung Châu.

Thế kỷ thứ XIII, trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ ba, Trần Hưng Đạo trên đường tiến quân về hướng sông Bạch Đằng, đến sông Hóa Giang - một nhánh của sông Thái Bình thuộc huyện Hưng Nhân tỉnh Thái Bình lúc thủy triều chưa lên, voi của ông đã bị sa lầy. Trần Hưng Đạo và quân sĩ cùng nhân dân trong vùng đã tìm đủ mọi cách để cứu voi nhưng vô hiệu quả. Bùn lầy nhão, voi to nặng mỗi lúc một lún thêm mà triều lại lên rất nhanh. Vì việc quân cấp bách, Trần Hưng Đạo đành bỏ voi ở lại để ra đi kịp chuẩn bị cho trận tiêu diệt lớn tại Bạch Đằng Giang. Voi chảy nước mắt nhìn vị chủ tướng của mình ra đi. Có lẽ vì thương tiếc con vật khôn ngoan, có nghĩa với người, có công với nước ấy mà khi hô hào quân sĩ, Trần Hưng Đạo đã trở xuống dòng sông Hóa thề rằng: "Chuyến này không phá xong giặc Nguyên, thề không về bến sông này nữa". Lời thề bất hủ đó của Trần Hưng Đạo cùng với con voi có nghĩa của ông đã được ghi chép đầy đủ trong sử sách. Nhân dân địa phương đã đắp mộ cho voi, xây tượng voi bằng gạch rồi sau đó tạc thành tượng đá và lập đền thờ con voi trung hiếu này. Ngày nay, sát bên bờ sông Hóa còn một gò đất nổi lên rất lớn, tương truyền là mộ voi ấy ngày xưa. Vua Quang Trung, Nguyễn Huệ biết rõ sức mạnh lợi hại ấy của voi khi xung phong đánh giáp lá cà, nên đã xây dựng một đội tượng binh rất lớn, đến 500 con. Khi tiến đánh thành Gia Định lần thứ ba. Nguyễn Huệ

đã noi gương Lý Thường Kiệt dùng thuyền chở voi, từ Quy Nhơn vào tham chiến bất ngờ ở vùng đất lầy lội này, và đã đánh tan quân Nguyễn ánh. Đội tượng binh hùng danh của Nguyễn Huệ làm cho kẻ thù trong và ngoài nước đều phải khiếp sợ. Trong điều lệnh tiến quân của Tôn aĩ Nghị vào đất Việt Nam có dặn rành rõ cách phòng chống đội quân voi này! Khi tiến ra Bắc đánh Thanh, trong 5 cánh quân, Nguyễn Huệ đã sử dụng tượng binh trong 3 cánh, và riêng cánh do mình trực tiếp chỉ huy, đội tượng binh lên đến 100 con. Bàn về thiên tài quân sự của Quang Trung, cuốn Lê Ký đã sử viết: "áng ngày 5 tháng giêng, Nguyễn Huệ hạ lệnh xung phong đánh đồn Ngọc Hồi, tự mình buộc khăn vàng vào cổ, tỏ ý quyết chiến và cười voi ra đốc chiến". Như những chiếc chiến xa hùng dũng của quân đội ngày nay, những đội tượng binh của Nguyễn Huệ đã xông lên xéo nát kẻ thù, góp công lớn trong trận đánh tan 20 vạn quân Thanh tạo nên một chiến công huy hoàng nhất trong lịch sử dân tộc bấy giờ.

* *Voi trắng* Voi không thuộc giống loài có sắc lông trắng. Họa hoằn đôi khi hoặc hãn hữu lắm những người thợ rừng mới bắt gặp được một con voi trắng giữa thâm sơn. Vì thế, ở ta và nói chung các xứ á Đông, voi trắng được coi là vật quý lạ. Trên thế giới hiện nay có vài con ở các vườn bách thú. (Giáo sư Đinh Xuân Lâm, khoa sử trường Đại học tổng hợp Hà Nội có biên thư hỏi tôi: "ở Thảo cầm viên thành phố Hồ Chí Minh có một con voi trắng, người ta nói là tặng phẩm của Tây Nguyên gởi cho "tổng thống" Nguyễn Văn Thiệu trước kia. Lông nó trắng, nhưng vì ít tắm rửa nên hôm tôi vào xem thì thấy ngà ngà vàng. Tại sao không thấy anh nói tới con voi đó? ở trang 37, tập "Những chuyện lạ về cá", đoạn nói về cá mập trắng..." Tôi rất cảm ơn nhiệt tình của giáo sư Đinh Xuân Lâm, lẽ ra không nên sơ xuất để sót chi tiết hiếm quý này). Đời Lý, năm 1043, Chiêm Thành tới quấy ven bể. Lý Thái Tông thân chinh đánh, vào sâu trong nước giết Chúa là ạ Đẩu, bắt 30 voi và 5 ngàn người... Đến đời Lý Thánh Tông, Chiêm Thành lại nhiều biên giới. Lý Thánh Tông đem quân đánh (Lý Thường Kiệt chỉ huy từ đầu đến cuối) bắt được Chế Củ... Lý Thánh Tông sau khi xưng Đế, vì lập được vũ công xứng đáng với danh hiệu ấy, bèn đổi niên hiệu là "Thiên hướng báu tượng" tức là Trời cho voi quý, ra Thần vũ để ghi vũ công lớn lao ấy. Việt sử lược (Trần) ghi: Tháng giêng Châu Chân Đăng hiến 2 voi trắng. Châu Kỷ Lang cũng hiến hai voi trắng. Tháng hai, huyện Đô Lạp hiến voi trắng và công trắng... (Những voi trắng cống hiến từ Chiêm Thành ấy, Lý Thánh Tông

cho rằng voi quý của Trời cho mình!). Chẳng riêng gì ở ta, các Vương quốc lân cận như Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan, Miến Điện, ấn Độ xưa đều xem voi trắng như thần vật, tượng trưng cho uy quyền và sự trường tồn của nhà vua, và cũng là biểu tượng của đạo Phật. Cũng vì con vật quý, hiếm này mà Miến Điện và Thái Lan đã từng xảy ra chiến tranh đẫm máu, chung cục hết sức bi thương cho số phận một bà Hoàng hậu. Chuyện như sau: Năm 1563, Quốc vương Miến Điện nghe Quốc vương Thái Lan Ma-ha ăa-kra-pát có 7 con voi trắng. Vương quốc Miến Điện đã khổ công tìm khắp nước mà không kiếm lấy nổi một con. Quốc vương Miến Điện liền cử sứ giả sang yêu cầu Quốc vương Thái Lan nhượng cho mình 3 con. áp lực cho yêu sách này, Quốc vương Miến Điện đe dọa sẽ mang quân sang tàn phá kinh thành Ay-nát-hya (Aynadhya) nếu mong muốn của mình không được thỏa mãn. Quốc vương Thái Lan cương quyết từ chối, và cuộc chiến đã xảy ra. Quân Miến Điện tràn sang như nước chảy, ngày đêm vây kín kinh thành Ay-nát-hya.

Hoàng đế Ma-ha ăa-kra-pát và hoàng hậu ăuy-ri-dô thai đứng trên thành cao quan sát cuộc tấn công của quân Miến Điện. - Bọn chúng đông quá. Ta biết làm sao bây giờ? Hoàng hậu lo ngại, nói. - Hậu đừng lo. Ta sẽ thân chinh ra ngoài thành diệt bọn chúng để chứng tỏ uy quyền và thần lực của ta. - Xin bệ hạ cho thiếp cùng đi theo trong quân. - Hoàng hậu rạng rỡ, phấn khởi tâu. - Không được. Chốn sa trường đâu phải là chỗ để cho giai nhân kiêu nữ rong chơi. Hoàng đế Ma-ha lắc đầu và bảo tiếp: "Hậu cứ ở trong thành, đừng theo làm vướng bận chân ta!". Nhưng hoàng hậu nhất định không nghe. Chờ khi Quốc vương khai thành ra trận rồi, bà liền cỡi voi tốc theo. Khi bà tới mặt trận là lúc hoàng đế Ma-ha ăa-kra-pát đang giao tranh ác liệt với Hoàng tử Miến Điện. Cuộc đấu kiếm tay đôi trên mình voi mỗi lúc càng dữ dội. Hoàng đế Thái Lan có phần núng thế bởi ông đã có tuổi mà đối phương thì còn trẻ, lại đang hồi sung sức. Đột nhiên con voi ông vấp vào một khúc gỗ khuyu hai chân trước xuống; làm cho ông bị chới vói. Không để lỡ cơ hội nghìn vàng, Hoàng tử Miến Điện vùng gươm chém mạnh một nhát ngang người Hoàng đế Thái Lan. Giữa lúc cái chết của chồng chỉ cách có đường tơ kẽ tóc, Hoàng hậu ăuy-ri-dô thai thúc voi như chớp tiến vào giữa hai đấu thủ, hứng trọn nhát kiếm thay chồng. Hoàng đế Thái Lan lại tiếp tục chiến đấu... Bốn tháng sau, quân Miến Điện bị quét sạch khỏi lãnh thổ Thái Lan và chúng cũng không bắt được một con voi trắng nào. ở

các vùng rừng núi, con vật được ghi vào thần thoại nhiều nhất ngang với hổ là voi trắng. Voi trắng được dân sơn tràng coi trọng như một thần vật, không khác gì dân chài vùng biển coi cá voi là thần hộ mạng. Trong "Xứ trầm hương" giới thiệu về đất nước và con người tỉnh Khánh Hòa (Phú Khánh giờ đây) khi nói về hòn núi Chử - kroa - Bà con trong vùng gọi là Chử cơ Rua - có đoạn kể về Cọp Nhang cứu đàn Bạch tượng, sau đàn Bạch tượng báo ân v.v... Rằng "ở núi này thỉnh thoảng người địa phương trông thấy bóng Bạch tượng. Truyền rằng đó là sứ giả của Chúa đàn Bạch tượng sai về viếng mộ con". Một ông bạn thợ săn kể lại rằng: - Lúc tôi làm việc ở đền M.Drack thời Pháp thuộc, một bận đi săn ở Chử Kroa, trông thấy một bầy voi lớn, to có nhỏ có. Chúng đứng quanh một tảng đá lớn, đầu châu vào nhau và cúi gục xuống đất, miệng buông ra những tiếng "Lầm bầm... bum bum..." như tiếng trống châu, tiếng chuông đồng gióng đôi lúc tể thần. Tôi không hiểu chúng làm gì, đứng xem hồi lâu rồi lạng lẽ xuống núi".

Tác giả cũng nhận rằng chuyện nghe hoang đường nhưng lý thú và hấp dẫn. ở Cam-pu-chia và ấn Độ xưa, theo các truyện cổ tích khi có một vị vua băng hà mà không người kế vị, thì người ta làm lễ và đưa một con voi trắng đi, có bách quan hộ tống. Voi ấy đi bao giờ gặp người nào, nó quỳ xuống lạy, dùng vòi quăn đỡ lên lưng thì người ấy lập tức được đưa về triều làm vua. Còn ở Thái Lan, nhân dân coi voi trắng là điềm báo trước của sự thịnh vượng thái bình trong nước. Mỗi khi bắt được một con voi trắng họ lập tức dâng cho nhà vua và các chùa chiền đều tổ chức đại hội lễ lạt rất nhộn nhịp. Lễ này còn được tổ chức trọng thể hơn nếu voi trắng xuất hiện vào các năm khởi đầu của các vua chúa. Và nếu như trường hợp này xảy ra khi có vị vua mới lên ngôi, thì tân vương được dân chúng coi như thần nhân. Các voi trắng được nhà vua nuôi dưỡng sung sướng trong những chuồng rất đẹp và chỉ phải làm công việc duy nhất là đi diễu hành trong những ngày lễ.

* *Bước thẳng trầm của con voi ở châu âu xưa* Nước ta ngày xưa cũng có chuồng đấu thú (arène) nhưng hiếm hoi và không đồ sộ như châu âu. Theo giáo sư Lê Văn Hảo, thì: "Hiện nay cách Huế bốn ki lô mét bên hữu ngạn sông Hương, tại làng Nguyệt Biều, xã Thủy Xuân, huyện Hương Thủy cũ (Bình Trị Thiên) còn một di tích khảo cổ học đáng chú ý: trường đấu Hồ Quyền xây cách đây gần một thế kỷ rưỡi. Từ giữa thế kỷ thứ XIII, đây là nơi có nhiều chuồng voi của quân đội phong kiến. Thời các vua Nguyễn, nơi này

được tiếp tục làm nơi nuôi dưỡng và huấn luyện voi chiến. Dấu vết các chuồng voi nay không còn, nhưng vẫn còn các mộ voi và điện Voi Ré. Chính nơi này, vào năm 1830, Minh Mạng quyết định xây dựng trường đấu Hồ Quyền... ở đây Hồ Quyền phải được hiểu theo nghĩa rộng là nơi đấu giữa hổ và voi. Các cuộc đấu giữa voi và hổ thường được tổ chức tại các khu vực này từ thời các chúa Nguyễn và được duy trì dưới các thời vua Nguyễn cho đến trận đấu cuối cùng diễn ra vào năm 1904 dưới thời vua Thành Thái... Vào thế kỷ XVIII, một người Pháp là P.Poavio đã chứng kiến một trận đấu giữa voi và hổ do chúa Nguyễn Võ Vương tổ chức, kéo dài suốt một ngày với 18 con hổ bị voi diệt"... ở nước ta, các nước á Đông và nói chung các miền nhiệt đới, thì voi thuộc hạng "Anh chị" giữa các loài dã thú rừng xanh. Nhưng đưa sang châu âu thì voi "suy tì, xuống giá quá". Thế mới biết: giang sơn nào anh hùng nấy, thật!

Ở La Mã, cuộc giao đấu đầu tiên giữa các loài thú diễn ra trong một đấu trường, 186 năm trước Thiên Chúa giáng sinh, sau khi họ chinh phục được Xy-ri ít lâu. Đế quốc La Mã là một đế quốc toàn cầu, vì thế ở Rô ma người ta có thể trình bày trước những kẻ hiếu kỳ nhiều tiết mục lạ, phong phú hơn bất cứ một nơi nào khác. Châu á, châu Phi và các nước bán khai của châu âu đều hẹn gặp nhau tại đấu trường Cô-lít-xê (Côlissé). Những con voi và những con tê giác, những con gấu và những con bò tót, những con sư tử, những con hổ và báo được thả ra chọi với những người đấu thú (gladiateur) hoặc đấu nhau với những tù nhân chỉ có tay không ! Nê-rông - hoàng đế La Mã độc ác tàn bạo nhất, sinh ở ng-zi-ô (ý), năm 37 mất ở Rô-ma năm 68 - chính ông ta là một tay đánh xe thượng thặng, đã nảy ra ý kiến dùng cả những con thú lạ trong các cuộc đua. sng ta còn cho thắng vào chiếc xe của mình bốn con lạc đà - Hê-li-ô-ga ban (Héliogabale) con người quái gở nhất trong các vị hoàng đế La Mã còn vượt trội hơn Nê-rông bằng cách tổ chức những cuộc đua xe do voi, sư tử và hổ kéo. Giá mà oan hồn của những con voi khốn nạn đó còn đứng đỉnh huơ vôi, lang thang giữa u linh và trần giới đến ngày nay, thì chúng sẽ ngậm ngùi rên lên niềm bi phần của con hổ Thế Lữ: "si, thời oanh liệt nay còn đâu!". Một trong những quang cảnh khả ố nhất mà người La Mã bày ra là cuộc giao đấu của những con voi và những con chó! Luy-cui-lit (Lucullus) quản lý thị trường, một gã trẻ tuổi - cùng với anh hấn - điều khiển các buổi lễ và các trò vui, là một trong những kẻ sáng tạo ra trò tiêu khiển kỳ quặc này. Đó là dấu hiệu của một sự suy đồi, nếu không phải ở người La Mã thì ít ra, cũng bởi ở những con

voi. Người La Mã đã biết voi thế nào từ hai trăm năm trước, trong một biến cố nghiêm trọng: Chiến tranh với Pia-ruýttx (tức Pyrrhos II vua xứ Epire sinh 318 năm trước Thiên Chúa giáng sinh, mất ở Hy Lạp) cảnh tượng những con vật xám khổng lồ dày xéo quân binh La Mã kinh hoàng khủng khiếp, và chính những con voi hùng dũng, bằng sức tấn công dữ dội đã đem chiến thắng về cho Pia-ruýttx trong các trận chiến Hê-rắc-cơ-lô và át-xcuy-lum. Những voi trận của vua xứ -pia (épire) có thể có nguồn gốc từ châu á. Khi vua A-léc-xăng đến ấn Độ "môt" dùng voi chiến đã là truyền thống lâu đời của địa phương. Vua xứ Ma-xe-đon đã từng chiến đấu chống những con voi trận nhưng ông ta không thích bắt chước phương pháp nghi ngờ của những địch thủ này. Cho dù ông ta không có những đặc hữu chính cống của một hoàng đế phương Đông. - ông ta đã nuôi trong doanh trại những con sư tử được thuần hóa - ông ta vẫn tự tìm lấy những con voi, nhưng chỉ dùng để thờ hàng, còn con A-giắc, voi riêng của ông thì đảm nhiệm chuyển vận hành lý hoàng gia thôi. Những vị vua kế nghiệp ông cũng dùng voi trong chiến trận như "vũ khí bọc thép" yểm trợ bằng quân cung nỏ chạy nhanh, tựa như những chiếc xe tăng trong quân đội mô-đéc ngày nay. Hiệu quả thật là bấp bênh, bởi những con voi mà người ấn Độ xem như là biểu tượng của sự khôn ngoan, lại không phân biệt rõ ai là bạn, ai là thù, và nhiều khi chúng chà nát cả những đồng minh của mình. Hơn nữa, người La Mã sớm nhận ra rằng voi trận không phải là một thứ vũ khí có hiệu lực như họ đã tưởng. Trong cuộc chinh phạt lần thứ nhất, những người Các-ta-giơ (Cacarthage) - thành phố Bắc Phi tương đương với Rô-ma đã đưa đến Xi-xin (aicile) hơn bốn trăm con thú da dày này, nhưng trong trận Pa-léc-nơ chúng đã hoàn toàn thảm bại. Mê-ten-luyt (Métellus) đưa tất cả đội voi chiến lợi phẩm về Rô-ma và cho vào đoàn xiếc, ở đó chúng nghèo hết con này đến con khác. An-ni-ban (Annibal) cũng không còn nhiều may mắn với đội voi trận trừ danh của ông ta. sng ta xuất hiện ở châu âu với 500 voi, đến sông Rôn (Rhône) chỉ còn có 37, sau khi vượt qua dãy núi An-pơ (Alpes) con số này chỉ còn có 8; tám con còn lại rồi cũng chết mất bảy, chỉ còn mỗi con độc nhất chịu đựng nổi gian khổ nhọc nhằn của cuộc viễn chinh. Cho dù có những kinh nghiệm ấy, người La Mã không muốn đứng sau, so với những kẻ thù của mình. Nhưng sự hâm mộ của họ đối với thứ "vũ khí mới" này chỉ được một thời gian ngắn. Khi có cơ hội mở những cuộc diễn chinh sang phương Đông và Bắc Phi, họ mới dùng voi. Đối với những người ả-

rập, voi được xem như những con thú trận mang lại một thời kỳ chiến thắng mới huy hoàng. ở Rô-ma, chúng trở thành loại khuất phục mới trong vai trò súc vật làm xiếc!

* Con thú tinh khôn Ta thường hay bảo: "Cáo chết ba năm còn quay đầu về núi" để nói tấm lòng hoài vọng cố hương của kẻ đi xa đối với nơi cất rốn chôn nhau, hoặc nhắc nhở những ai chớ vội quên cội nguồn dân tộc. Chứ đã chết rồi, thì còn quay làm sao được? Hoặc giả, do một biến cố địa chất, ngày xưa có người nào đó vì nguyên nhân gì đó, ngẫu nhiên đào lên thấy bộ xương con cáo mình chôn trước kia, đầu nó chuyển về hướng núi chẳng hạn, mà thành xuất xứ của câu ngạn ngữ này chăng? Nhưng con voi thì quay đầu về núi thật đấy. Biết mình sắp chết, nó chậm chạp nặng nề xoay cả thân hình đồ sộ quay đầu về hướng núi, nơi chính bản thân nó đã sinh ra. Cho dù bố mẹ nó đã thành con voi nhà, để nó ra giữa đồng bằng trong thành phố v.v... theo một bản năng huyền bí khoa học chưa giải thích được, con voi ấy vẫn quay đầu về hướng núi tổ tiên cư trú ngày xưa. ... Con voi một ngà ở vườn Bách thảo Hà Nội - hồi Giôn-xơn đánh phá miền Bắc - trước khi chết rống lên một tiếng dài, như tiếng chào già biệt ngàn xanh, hai chân trước từ từ khụy xuống, đầu hướng về phía Tây Nam. Và con voi cái, một trong hai con đưa ra từ Quảng Bình, chết ngày 19 tháng chạp (âm lịch) năm Quý sửu (1-11-74) đầu cũng quay về hướng Tây Nam (Trường Sơn Thượng Lào). ở ngoại ô Băng Cốc có một trại nuôi cá sấu... họ còn nuôi cả voi, cạp, sư tử v.v... cho du khách đến xem, như một vườn thú nhỏ. Vài con vật ở trại này còn làm trò biểu diễn như khi đi xe đạp... nhất là con voi biết nháy mắt múa theo điệu nhạc, khiến người ta không thể nín cười được. Con voi này nghe được tiếng người (tiếng Thái Lan) người chủ không cần ra điệu bộ, bảo thế nào nó làm thế ấy như nháy mắt, ngồi xuống lay, vẩy tai, hươ vòi chào v. v... Du khách tập trung đông nhất chỗ các chú khỉ và chú voi con này để chụp ảnh làm kỷ niệm. Nó còn thổi được cả kèn ! Mỗi khi du khách ném tiền thưởng, nó quỳ xuống lay tạ, và dùng vòi nhặt tiền bỏ vào cái hộp cho chủ (Tin phương Tây 26-11-74). Lại còn một con voi thông minh hơn thế nữa kia. ở vườn bách thú -rê-van có một con voi ấn Độ tên là Vô-va được mọi người lưu ý nhất. Quanh chuồng nó bao giờ cũng đông nghịt người. Ai cũng muốn xem cái chú voi hiểu được 4 thứ tiếng : Đức, Anh, Nga, ác-mê-ni này. Trước tiên nó sống ở vườn thú Lai xích, sau đó dời sang Luân Đôn, từ đó chuyển về Mát-xcơ-va và cuối cùng là rê-van. Có lẽ con voi này đã lĩnh hội

được "tri thức sinh ngữ" của những người đã trông nom nó, qua các thời kỳ chuyển dời địa điểm. Voi hiểu được bao nhiêu ngôn từ của con người? Nó học nghe được 30 từ rất dễ dàng. Có người còn cho rằng có con có thể hiểu được đến 82 từ ngữ. Một nhân viên kiểm lâm ở ấn Độ có kể lại chuyện nhiều con voi đầu đàn đã tỏ ra rất tinh khôn. Chúng thường dùng vòi bẻ cây tre lấy một đoạn dài rồi đi đầu cũng "cầm" chiếc gậy ấy đi theo. Voi dè dặt bước từng bước, đầu vòi "cầm" thẳng đứng chiếc gậy khua khua, xâm lên mặt đất rồi mới đi tới, như người mù chống gậy dò đường. Chúng dùng gậy để thăm dò, xem dưới lối mòn có hầm hố chạm bẫy người đã đào sẵn, hoặc đã đặt dưới đất không!

Theo dân sơn tràng nhiều đời, và những người thợ săn già lão luyện ở xứ ta, thì chưa ai từng gặp mộ voi bao giờ. Họ cho rằng khi biết mình sắp chết, bao giờ nó cũng tìm về nhắm mắt tập trung ở nghĩa địa riêng, một nơi hiểm trở trong núi cao rừng sâu, con người không bao giờ đặt chân tới được. Lối đưa con thú tinh khôn về nơi an nghỉ cuối cùng là những độc đạo cực kỳ hiểm nghèo, vách đá cận kề vực thẳm, voi chỉ có thể đi tới một lần, có muốn lộn về cũng không quay lại được. Đây là "mộ voi". Có nhiều huyền thoại về "ngâm ngải tìm trầm", "ngâm ngải theo voi tìm đến mộ voi" nhưng thực tế chưa có ai tìm được mộ voi, để khai thác mỏ ngà vĩ đại còn mãi mãi chìm trong thâm u của khối núi mây rừng này. Từ nhiều thế kỷ trước, những nhà hàng hải châu Âu, trong náo nức dong buồm vượt đại dương tìm đất mới, họ cũng cố công tìm cho ra các "mỏ mỏ" tức là nghĩa trang của cá voi trên các vĩ độ gần cực Bắc, như kiểu "mộ voi" ở rừng, ta vừa đề cập đến. Vài bản tường trình khoa học xưa, trích "Nhật ký hàng hải của các viên thuyền trưởng" dẫn chứng một đôi người tìm được nghĩa trang cá voi, nhưng mơ hồ và thấy không cần thiết lắm, nên tôi xin miễn ghi vào đây. Có thể những chuyện kể trên chỉ đều là sản phẩm của óc tưởng tượng chăng? Chứ với kiến thức và trình độ cao của khoa học kỹ thuật ngày nay mặt trăng con người còn lên tới được lẽ nào một hóc hiểm nào đó trên mặt địa cầu này mà các nhà khoa học chịu bó tay, không khám phá nổi? Còn như nói không có "mộ voi", vậy thì chúng chết giấu xác ở đâu? Tại sao chưa thấy ai nhặt được cặp ngà hay đồng xương voi rũ xác giữa rừng? Tuy nhiên, cũng đã có người từng chứng kiến được quang cảnh vào giờ phút cuối cùng của một con voi sắp chết, giữa rừng hoang châu Phi. Đó là trường hợp hết sức hãn hữu, một may mắn có một không hai. Lần đầu tiên trên thế giới (tháng 1-1971) một nhà nhiếp ảnh đã rình chụp

được ở Tăng-za-ni (Tan- zani), những nghi thức tang lễ đi kèm theo cái chết của một con voi. Mà không phải bất cứ đối với một con voi nào: Con voi đó, chính là mẹ của đàn tộc. ảnh đầu tiên ghi được: Voi cái tìm chọn chỗ mình sẽ nằm chết, có voi đực theo liền kề bên cạnh. ảnh tiếp theo: dù được voi chồng đưa vùi ve vuốt, áp ôm, voi vợ cũng cứ quỳ khuyu xuống, dấu hiệu chắc chắn cái chết đã gần kề. Mười một lần, với hy vọng làm cho voi cái phục hồi phần chấn lại, voi đực đã làm đủ mọi vẻ giả cách như âu yếm, tính "chuyện ái ân". Nhưng vô hiệu. Những bức ảnh kế tiếp ghi: Voi mẹ đã chết rồi. Hy vọng tiêu tan. Voi bố gọi những con voi đã bú những dòng sữa cuối cùng của mẹ đến. Và sau đó, suốt cả buổi chiều, đàn tộc đã rầu rĩ túc trực bên thi hài. Một voi cái khác, chính là cá thể sẽ nối nghiệp thay voi mẹ đã mất, đứng huơ vòi xua côn trùng. Khi mặt trời lặn, tử thi đã trở thành trắng bệch. Bảy giờ tất cả đàn tộc bắt đầu rống lên hòa khúc của họ nhà Tượng, để tỏ lòng tôn kính lần cuối cùng đối với voi mẹ đã khuất. Và sau đó, lần lượt nối đuôi nhau, tất cả lặng lẽ ra đi, để lại sau lưng khối di hài tro tro giữa rừng. ầu hai ngày thôi, những con linh cẩu, những con kên kên (vautour) sẽ chỉ còn bỏ lại đấy những nắm xương khô! Tư liệu về "Bi kịch giữa rừng hoang" vô cùng quý giá đối với một người viết hay tìm hiểu về sinh thái của các loài thú rừng hoang dã, như tôi. Lúc nào tôi cũng giữ tư liệu nghiên cứu và sổ tay của tôi, như giữ... mả tổ. Bà xã nhà tôi, nắm được yếu điểm đó, bà đã có lần nửa đùa nửa thật, dọa tôi: "sng ấy nhá ! Không chịu khó đi xếp hàng mua rau, mua mì cho tôi đều đều... thì hôm nào ông đi công tác vắng, tôi cứ là bê hết ra, tôi gọi các bà đồng nát!". Dọa chơi vậy mà có hiệu quả ngay tức khắc, mới ác chứ. Không thì e những bộ ảnh kiểu này và các tư liệu khác về các con vật trên rừng dưới biển của tôi đâu còn mà khoe với các bạn nữa chứ! Các bạn có tin rằng voi cũng biết buồn rầu, biết khóc, biết toét miệng cười vui vẻ, phấn khởi khi được người trao tặng một bó hoa hồng chẳng? Bạn nào thích xem, có thể đến gặp tôi ở nhà riêng. Không thể cho mượn. Báo thù là bản tính của một số loài vật khi chúng bị tấn công, mang trọng thương mà hãy còn chưa chết. Nhưng trường hợp con voi này, cách báo thù của nó hơi khác lạ. Dường như nó có được suy nghĩ như người sau cơn phần nộ, giết xong kẻ thù, nó thấy là quá đáng, nó hối hận? Hay nó cho như thế là đủ rồi, và muốn tỏ ra mình đã xử sự sòng phẳng một cách phải chăng?! Chuyện này xảy ra ở huyện aông Mã (tỉnh aon La cũ) hồi mới bắt đầu chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ (khuyết điểm

lớn của tôi là vội không ghi rõ ngày tháng và tên những người có liên quan cùng địa điểm... chính xác, cần thiết phải có như một người làm công tác khoa học, sử học. Nhưng các bạn vẫn có thể tìm đến hỏi các đồng chí có trách nhiệm bấy giờ, ở công ty công viên Hà Nội). Sơn La điện về, báo có bắt được một con voi. Công ty Công viên mừng lắm, nhưng bấy giờ máy bay đang đánh phá, bận nhiều việc chưa cử cán bộ lên ngay được. ít lâu sau đến ạn La thì ủy ban hành chính tỉnh bèn báo nó chết rồi. Họ chỉ biết có vậy! Cán bộ công ty Công viên bèn về đến tận nơi điều tra, thì quả con voi con đã bị nhân dân "thịt" rồi! Tất cả nguyên nhân thế này: Hai đồng bào dân tộc lên rừng lấy củi, thấy dưới ven suối tha thẩn một chú voi con, bèn bàn nhau bắt. Một ông lo chặt song mây chuẩn bị buộc, một ông mò xuống bắt trước. Thành linh con voi bố xông ra dùng vòi tóm ông quật xuống đá. sng này kêu hét thất thanh, ông đứng trên núi thấy chỉ đành đứng khóc. Đập chết ông này rồi, chưa thôi. Nó cuộn xác ông xóc xóc vào giữa hai chiếc ngà nhọn thủng nát hết thi thể. Lại để xuống lấy chân chà mềm bấy như bún. Rồi nó cuộn xác ông đưa lên một lần cuối cùng - như để kiểm tra xem chết thật chưa, hay đó là biểu hiện của một sự đã như không biết - mới đặt xác ông xuống, lấy vòi kéo hai tay hai chân xếp nằm thẳng thớm theo người. Xong nó mới dắt con bỏ đi. sng đứng chứng kiến cái chết thê thảm của bạn vừa run sợ, bàng hoàng đến điếng người cũng vừa không hiểu tại sao? Trả thù thì đã đành. Còn tại sao nó lại xếp lại thi thể? sng chạy về gọi gia đình người xấu số và dân bản đến khiêng xác về chôn. Cả tuần sau, dân làng tập trung súng, lợi khắp rừng mới lòng bắt được con voi bố, và bắt được con voi con. Họ nuôi con voi con, nhưng họ bảo họ nuôi tốn công tốn của, để thì Hà Nội cũng lên bắt, vì lòng căm thù voi bố chưa nguôi, họ "thịt" con voi con. Các nhà khoa học, các nhà động vật học có thể giải thích hộ về hiện tượng này cho các bạn đọc trẻ được chăng? Tôi thì xin chịu bó tay. Về voi khôn thì có chuyện này cũng hơi lạ. Xưa, các triều vua ta lâu lâu lại cử một sứ bộ sang Tàu, khi thì để báo thắng, kết hiếu, tạ ơn hoặc cáo ai v.v... Mỗi lần sứ bộ đi, đều có mang theo nhiều cống phẩm quý giá và các con thú sống như ngựa, voi, tê giác v. v... Đường xa diệu vợi, phải qua trăm núi ngàn sông. Theo sách "Lĩnh ngoại đại đáp" của Chu Khứ Phi đời Tống thì "Việt Nam đem voi cống đi đường Vĩnh Bình. Tức là đường bộ từ Thăng Long đến Ung Châu (qua Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Bằng Tường, Ninh Minh... Từ đó thẳng tới trại Vĩnh Bình. Còn một đường nữa là Khâm Châu, các sứ bộ vẫn đi

người nhẹ". Đường Vĩnh Bình hiện nay chúng ta vẫn còn dùng (Hà Nội - Bằng Tường). Đến triều Tây ạc, quân Thanh đại bại ở Đống Đa... Theo tư liệu của hai bạn Trung Kiên, Vũ Hùng thì: có lẽ nỗi kinh hoàng của quan quân nhà Thanh trước những đội tượng binh của Nguyễn Huệ, dẫn đến sự kinh ngạc, khiến cho vua nhà Thanh muốn tận mắt trông thấy voi của Tây ạc. Sau khi buộc phải giao hảo với ta, vua Thanh có ý xin Nguyễn Huệ mấy con voi. Nghe tin ấy, Nguyễn Huệ cười và nói với những người xung quanh rằng: "Càn Long nó muốn xin voi, xem con nào cụt vòi cho nó một con!". Tuy thế, Nguyễn Huệ vẫn gởi cho vua Thanh hai thớt voi lớn, nhân có sứ bộ sang triều đình nhà Thanh. Và không biết vô tình hay bởi sự khôn ngoan của voi, mà hai thớt voi này lúc đáng lẽ phải đi thì lại ỳ ra, lúc đáng lẽ nghỉ lại cứ xông xộc đi. Nói chung là giở chứng gây nhiều khó khăn, đã làm cho số quân sĩ nhà Thanh phải khốn đốn vất vả suốt đoạn đường, từ biên giới qua các địa điểm các bạn vừa nghe kể trên mới đến được kinh đô nhà Thanh. Theo lời kể của đồng chí Hảo - quản tượng ở Bách thảo Hà Nội, báo Thống Nhất số 218 ngày 3-11-1973, thì: "Voi chống Mỹ ở vườn Bách thảo Hà Nội hiện có A Khâm và A Gầm. Nói đến hai voi này, không sao quên được Bạc Mây - voi chống Pháp nổi tiếng với nhiều chiến công từ chiến trường khu 5 tập kết ra Bắc. Vì vết thương tái phát, Bạc Mây đã chết tại vườn Bách thảo Hà Nội, thọ tròn 100 tuổi. Bạn của Bạc Mây là Bạc Và và Bạc Nồi - voi kéo pháo Điện Biên, Bạc Và cũng mất lúc 125 tuổi, chỉ còn lại Bạc Nồi, nay tuổi cũng vừa 90. Chiến công của A Khâm và A Gầm có thể tóm tắt như sau đây : - Tham gia 110 trận trong đó có 28 trận ác liệt - 250 lần kéo xe pháo qua đường lầy, đường bị đứt. - Chuyển 55 chuyến hàng vượt sông, chuyển hàng hóa tránh B.52. Hàng ngày làm nhiệm vụ vận tải súng đạn, kéo xe tên lửa, xe hỏng máy, kéo gỗ làm cầu phà. Tuổi quân của A Khâm khá cao, từ năm 1966. Hiện nay A Khâm tuổi đời sống mới được 50. A Gầm là "lính mới" mới lên 30 tuổi, nhưng cũng đã từng ra trận, phàm ăn, thích đồ ngọt, thù mì...". A Khâm và A Gầm cùng biết bao bạn voi kháng chiến khác còn ở Trường ạc, đã từ lâu "đánh thắng" chiến lược chiến tranh điện tử của Mỹ. Một phi công Mỹ lái loại máy bay trinh sát điện tử, thú nhận: "Máy móc điện tử bất lực với chúng vì khi hoạt động chúng không phát ra tiếng nổ, không phát nhiệt... Mỗi con voi có thể chở nặng và cơ động hơn một chiếc Mô-lô-tô-va của Liên Xô trên Trường Sơn...".

* Thông dong núi cả cây ngàn Trong muôn loài hồi hải, tất bật tranh lấy sinh tồn giữa núi rừng hoang rợn, bí hiểm và đầy cam bẫy, theo tôi, chỉ có con voi là có cuộc sống thông dong, uy nguy đường bệ, mà cũng rất ung dung tự tại. Lúc nào nó cũng bước ung dung, thông thả bứt cành lá dọc đường di chuyển. Trông nó có vẻ chậm chạp, vụng về bởi khối thân hình đồ sộ, nhưng khi nó tức giận, cảm thấy bị đe dọa hoặc lúc xông vào tấn công kẻ thù thì nó lại cực kỳ nhanh nhẹn. "Với một sự nhẹ nhàng kỳ lạ, voi vượt qua đồng bằng, leo lên dốc núi, luồn trong rừng rậm êm như cỏ. Cũng có thể trong các động vật thì con voi là một con vật đi trên chỗ đất lầy không khó khăn gì lắm. Thật vậy, chân nó có thể tích khá kỳ lạ. Khi con vật đi lên trên mặt đất, chân giãn ra và tăng thể tích, còn khi nó nhấc chân lên thì chân co lại và rời khỏi chỗ lầy thụt một cách dễ dàng. Vì thế ở chỗ lầy, voi có thể giẫm chân xuống chỗ sâu tới một mét mà không sợ bị chôn chặt xuống đấy". (I.A Kimuskin). Thế thì bốn chân con voi cũng lợi hại có kém gì cặp ngà nhọn và chiếc vòi khỏe giật đổ cây ? Khối thân hình đồ sộ được đặt trên bốn chân vững chắc như "cột đình kê tán" ấy, càng tôn dáng vẻ con voi thêm đường bệ. Khi qua sông qua suối không sâu quá 4 mét, nó quờ chân đi ngẫm chỉ vờn vòi lên mặt nước để thử. Ở mực nước sâu hơn, voi mới bơi bằng cách đập liên tục cả bốn chân và dùng vòi quạt nước. Chân voi ngoài thể tích kỳ lạ có thể giãn ra và co vào, còn có một điều này nữa cũng rất đặc biệt. Trong sách "Vân đài loại ngữ" của Lê Quý Đôn, chương 9 "Phẩm vật" gồm 320 điều - đề mục lớn nhất của bộ sách nói về những điều có liên quan đến khoa học nông nghiệp v.v... - Về con voi, có đoạn viết: "aách Dậu Dương tạp trở nói: Mật voi tùy bốn mùa chạy xuống bốn chân. Mùa xuân mật nó ở chân tả đằng trước, mùa hạ ở chân hữu đằng trước, mùa thu ở chân tả đằng sau, mùa đông ở chân hữu đằng sau, cũng như con rùa, mật không ở nhất định một chỗ". Thật buồn và đau khổ thay cho con voi của Trần Quốc Tuấn bị sa lầy chết trên bờ sông Hóa. Lầy thụt, nhào sinh ở các bãi sông nước ta, người sụt chân xuống đó có nơi lún sâu đến cổ, phải dùng tay bươn nhào lên mới mong thoát được, hà huống gì con voi, nặng nề to lớn thế kia! Voi thường tự mở lối đi theo các triền núi, ven sông. Mỗi con có dấu chân riêng. Thợ săn có thể dựa vào đó mà biết bầy có bao nhiêu con, bao nhiêu con lớn, con nhỏ. Dấu chân in nhẹ, voi đi rón rén chứng tỏ chúng đang ở tình trạng báo động. Dấu chân hỗn độn có nhiều vết trượt là dấu hiệu bỏ chạy kinh hoàng. Dấu đi đều đặn, trật tự là chúng trở lại bình tĩnh. Do cơ

thể lớn và di chuyển phương hướng theo đường cố định, nên đã tạo ra đường voi đi rộng vài mét, tùy theo loại rừng. Đường voi liên tục nổi nhiều thung lũng, các khe núi. Chúng thường men theo suối, dọc trên các dòng núi dài, vượt qua yên ngựa thấp. Khi lên dốc, đường voi có hình chữ chi đều đặn. Do đó, chúng có thể vượt dốc 60 độ hoặc 70 độ. Nhiều người cho rằng trên chỗ đất bằng phẳng, ngựa có thể chạy nhanh hơn voi. Trái lại, nếu trên chỗ đất gồ ghề thì không một giống ngựa nào có thể vượt con vật da dày này được. Nói chung, không một con vật nào trong một ngày có thể đi bộ được một quãng đường dài hơn voi. "Đường đi của chúng đào trong đá gra-nít, khai thông qua rừng rậm và thung lũng tràn ngập các khóm tre, chứng minh một cách hùng hồn rằng trải qua hàng nghìn năm, bầy voi to lớn đó không hề gặp trở ngại đáng kể dọc đường. Cho tới ngày nay các nhà săn bắn và các đoàn khảo sát khoa học còn theo đường voi đi, mặc dù nhiều con đường trong số đó đã bị bọ da dày bỏ rơi từ lâu. Các nhà trắc địa cho rằng khó mà có thể mở những con đường đi qua mảnh đất gồ ghề với một nghệ thuật hoàn thiện khéo léo như voi đã làm. Còn các kỹ sư cầu đường cũng đã chứng minh cơ sở vững chắc của sự phán đoán nói trên trong thực tiễn, khi họ thực hiện những họa đồ dọc theo các con đường xa xưa đó..." (A. Ki-mút-skin) (1) - Tác giả "Động vật di cư" có dẫn lời -ki-li (Carl A keyley 1866-1926, nhà thám hiểm Mỹ ở Trung Phi vừa là nhà nhồi thú, điêu khắc, nhà văn và săn bắn nổi tiếng) rằng: "Buộc voi phải đi qua một đường hẻm hay mô đất duy nhất, ta sẽ phát hiện được rõ ràng bằng chứng sử dụng con đường nói trên của bọ da dày này trong nhiều năm". "Và A-ki-mút skin mô tả kỹ thêm: "Vỏ cây, những tảng đá dọc đường đều đã bị lớp da sần sùi của voi cọ xát. Các khối đá ráo nước đều nhẵn thín; từng con vật đi qua đó đều lấy vôi hút tất cả lượng nước đọng trên thành đá gra-nít một cách vội vã để giải khát. Từ năm này qua năm khác, thế kỷ này sang thế kỷ khác, các tiếp xúc nhẹ nhàng đó cuối cùng tạo nên bề mặt nhẵn nhụi mà đá có hiện thời. Người ta cũng thấy ở châu Phi những chỗ lồi lõm vát trong khối đá lớn, sâu chừng 15cm, mỗi vết hơi rộng hơn bàn chân voi một chút. Các con đường đó voi đã đi qua trong hàng nghìn năm và đá còn giữ mãi dấu chân của chúng. Phần lớn cuộc đời của chúng là đi và đi..." Voi có tập tính sống thành đàn. Mỗi đàn voi có một con voi cái làm đầu. Khác với nhiều giống loài thú khác, con đầu đàn bao giờ cũng là con đực, voi đầu đàn lại là voi cái. Khi di chuyển, đàn voi đi hàng một theo đường mòn. Voi đầu đàn đi

trước, đến các voi trưởng thành khác, theo sau là voi có con, voi đực thường đi sau cùng.

Văn-đen-xten (Van den ateen) người Hà Lan từ lâu là một trong những tay săn nhà nghề - ở Ka-su-hi, vùng đất của Công-gô thuộc Bỉ bên cạnh hồ Ki-vu-tích săn được 556 voi. Tất nhiên là nhiều con trong số này đã bắt được từ thời kỳ mà các loại thú rừng còn vô giới hạn, rất nguy hiểm cho vài ông thực dân hiếm hoi mới mò tới mở đồn điền. Hồ Ki vu ở vùng xích đạo, trên độ cao 2.200 mét, triền núi quanh hồ có rất nhiều voi. ăn voi ở đây cũng là một thứ nghề. Kinh nghiệm của Văn-đen-xten, hề thấy "nó huơ vòi tất cả mọi phía, quạt quạt hai tai, đó là những dấu hiệu xấu mà tôi thuộc quá. Chuồn nhanh tức khắc". Còn theo nhiều thợ săn ở xứ ta, tiếng nó kêu gất gổng nghe như tiếng chó sủa là báo hiệu sự hung dữ, có thể nó tấn công kẻ thù hoặc người đấy. Voi đầu đàn thường kêu "ồ... ồ..." báo hiệu trước khi đi ăn. Tín hiệu thể hiện bằng tiếng kêu của voi được các nhà chuyên môn miêu tả như sau: Hoảng sợ hoặc tức giận, tiếng rít lên. Tiếng kêu khàn khàn biểu thị sự mong muốn, cũng là tiếng con gọi mẹ. Tiếng kêu kéo dài trong vòi biểu thị sự vui thích. Tiếng kêu lanh lảnh đặc biệt phát qua vòi khi chúng đập vòi xuống đất biểu thị sự không vừa lòng. Gặp hổ, voi gầm rít đặc biệt vừa để báo hiệu cho đồng loại vừa để dọa nạt kẻ thù. Khi dừng lại ngủ, voi đầu đàn cũng ở phía trước, voi đực thường ở phía ngoài đàn để làm nhiệm vụ canh gác. Hầu như trong lúc ngủ, voi cũng ở trong tư thế đứng. -ơ-li cho biết bọn voi ở vùng núi xứ Kê-ni-a, hình như không bao giờ nằm xuống đất. sng còn nói thêm rằng, đồng bọn của chúng ở đồng bằng đôi khi còn duỗi mình trên mặt đất để nghỉ ngơi, nhưng "chưa ai nhìn thấy voi núi nằm bao giờ cả". Voi đàn ở Tây Bắc nước ta, đàn trung bình vài ba chục con. Đàn nhỏ trên dưới 10 con; đàn lớn bốn, năm mươi con. ở Mường Tè, có thợ săn đã đếm được một đàn hơn 70 con trong thời kỳ trước đây. Xưa, ở Trung Phi có những bầy voi đông đến 700 con. Gần đây, ở Kê ni a (Đông Phi) người ta đã báo động về nạn thú rừng đang phát triển. ơ bộ thống kê đã thấy có 1.500 tê giác, 14 ngàn ngựa vằn và 6 vạn con voi, chưa kể các loài thú hoang dã trong rừng sâu. Các nhà chức trách vùng cao nguyên Ni-mi- ư-ki thuộc Kê-ni-a đã tuyên bố tình trạng khẩn cấp vì một đàn voi đông tới 400 con "hành quân" tới vùng núi A-béc-đe vượt qua bao làng mạc, rừng rậm, giẫm nát cây cối và phá hoại nhiều nhà cửa của dân (Tin của báo Quân đội nhân dân 23-5-1978). Trong điều kiện tự nhiên, voi giao phối vào tháng 8, tháng 9. Thời

kỳ này, voi đực hay húc nhau để giành voi cái. ở Tây Bắc, tháng 8-1969 trong một cuộc độ sức để giành con cái, một con đực đã tử thương sau khi đã quần nát gần một héc-ta rừng tre nứa. Loài vật đến mùa giao phối thường tập trung vào một địa điểm nhất định. Thí dụ như con trăn ở Đồng Tháp Mười hay mò về Ba ạo Hồng Ngự, con ba khía ở mũi Cà Mau hay kéo về vùng chung quanh Năm Căn bám dày đặc lên thân cây đước, cây mắm. Đồng bào ta thường hay đi bắt chúng vào những dịp này, và gọi những ngày đó là ngày "trăn hội", "ba khía hội". Voi cũng vậy. Nhưng không ai gọi là "voi hội". ở Ninh Hòa (Phú Khánh) đến mùa giao phối, voi kéo về gần suối đá Xẻ, trong rừng cây rậm rạp mọc toàn mà-ca, trên triền núi, tục gọi là rượng. Rượng rất sâm uất thâm u. rườn núi là lải lải, cây mà-ca vừa lớn vừa dẻo. Trong một cuốn sách về Khánh Hòa, mô tả kỹ là "Voi cái đứng xiên xiên theo triền núi, đuôi thấp đầu cao, vòi voi quấn chặt vào cây mà-ca để chịu đựng cùng đáng phu quân nặng đến vài tấn. Ngày thường voi cũng hay tới nơi rượng, nhưng chỉ một vài con, chứ không kéo từng đoàn như lúc "đi công tác" thường lệ. Cho nên người qua rượng phải để ý xem phân voi. Nếu thấy phân mới thì phải trở lại ngay, vì ở Khánh Hòa voi dữ hơn cạp. Dòng suối qua rượng chảy quanh co dưới bóng mà-ca chập chờn trong lá, trong bóng đá. Rượng vắng vẻ. suối quanh quẽ. Người đi qua cảm thấy lạnh lạnh toàn thân, nửa vì thân hồn nát thân xác, nửa vì hơi nước suối, hơi gió rừng..." Voi chữa từ 18 đến 22 tháng, mỗi lứa đẻ một con, trưởng thành sinh dục sau ba mươi năm, thọ ngót 100 tuổi (Thọ Chấn Hoàng - 1964). Các nhà vật học phương Tây cho rằng voi chỉ thọ được 85 tuổi. Lìa xứ xa quê, do đó nó chết sớm vậy là phải. Điều này cũng hết sức đặc biệt. Mặc dù cùng loài, nhưng khác giống, voi châu Phi và voi Ấn Độ giao phối không bao giờ đẻ con đực (Lược sử sinh học - A.Azimốp). Tường trình về sự sinh sản của voi Tây Bắc, Đỗ Tước có ghi nhận: "Tháng 4-1974, một voi đẻ ngay bên đường ô tô mới mở, không có hiện tượng gì gọi là "tổ". Voi con thường thấy xuất hiện nhiều vào lúc tháng 3, 4, 5. Như vậy, ở Tây Bắc voi đẻ vào mùa xuân, đầu hạ". Khi voi mẹ đẻ, đàn voi quanh quần gần đó vài ngày. Nhưng sau đó, voi mẹ cùng với một vài voi khác, thường là voi đực không nhập được đàn, tạo thành nhóm 2-3 con tạm thời. Có thể vào các tháng 7,8 trở đi, khi con đủ sức, voi mẹ mới nhập đàn. Những đàn nhỏ, bao giờ cũng chỉ thấy một con đực cỡ trung bình. ở đàn lớn hơn, ngoài một con đực to, ngà dài làm chính, còn có một vài con đực khác sống lớn vờn quanh đàn. Đó là những voi

đực mới vừa trưởng thành bị voi khỏe hơn không cho nhập đàn. Nhìn chung, trong đàn voi có xu thế "gia đình" phân thành nhóm nhỏ 3-4 con theo voi mẹ. Ngoài ra, còn có voi đực già sống đơn độc. Nó thường quanh quẩn ở một thung lũng nào đó, tính tình trầm lặng, nhưng cũng có khi tấn công người. Cá biệt cũng còn có voi cái không đẻ, sống đơn độc, người Thái gọi là "Trạng so lo".

* *Lợi bất cập hại* Thời tiền sử, tổ tiên chúng ta giết voi để lấy thịt ăn, chúng ta hiểu được. Chứ con người hiện đại thì giết voi để làm gì? Phải chăng người ta không thể làm những viên bi- a bằng chất dẻo thay ngà? Và những thứ đồ mỹ nghệ bằng ngà voi rất cao giá trên khắp thị trường quốc tế? Bởi voi là một sản phẩm quý, hiếm; ai có là để khoe giàu khoe của như ngày xưa các vị hoàng đế châu Âu khoe các con thú lạ của châu Á, châu Phi. Để trang diện cho đẹp ư? Thì làm ngà giả, khó gì. May thay giờ đây không còn ai dùng chiếc bài ngà!. Phụ nữ tiến bộ ngày nay toàn đeo vàng giả. Chủ yếu là để tôn sắc đẹp, chứ mang vàng thật là dại dột, chỉ tổ rước họa vào thân. Con voi chết chẳng bởi cặp ngà đấy ư? Người ta vẫn còn giết voi khá nhiều. Theo Đỗ Tước ước tính thì ở Tây Bắc "Trong vòng ba bốn mươi năm gần đây, ít nhất cũng khoảng hơn 200 voi bị bắn chết, chủ yếu do tên Đèo Văn Long lấy ngà. Chỉ tính trong năm năm gần đây toàn khu cũng đã bắn chết hoặc bị thương hơn 30 con, bình quân 6 con một năm". Theo tin của một hãng thông tấn phương Tây thì từ tháng 1-1972 đến 15 tháng 11- 1974, có 12.000 thớt voi bị giết. Trung bình mỗi ngày 5 con. ở đâu thế? Trong Lâm viên quốc gia (Pare National) của xứ Ê-ni-a. Cảnh sát đã huy động một lực lượng lớn để chống những người săn trộm, vậy mà voi cũng bị giết nhiều thế đấy! Bởi bọn săn trộm bắn voi bằng tên tẩm độc, nên khó phát hiện để mà tóm bắt. Vừa đây (5 tháng 4-1980) một tin phương Tây thông báo việc tiến hành kiểm tra ngà voi ở 35 quốc gia châu Phi. Táo tợn hơn, bọn săn lén đã dùng súng máy và còn đầu độc các vũng nước uống. Bởi lâu nay lệnh cấm săn voi không giấy phép, không được kiểm tra chặt chẽ, và nhiều nơi nó còn được các nhà chức trách làm ngơ!". Voi châu Phi bị giết nhiều như thế là bởi cả con đực và con cái đều có ngà (Tất nhiên là ngà voi con cái bao giờ cũng nhỏ hơn ngà con đực). Ngà voi đực châu Á dài khoảng 1,5 mét. Ngà voi đực châu Phi dài từ 2 đến 3 mét, kỷ lục là 4,1 mét (cặp ngà này nặng tới 148 kg). Con voi có cặp ngà nặng nhất thế giới 225 kg bị săn năm 1898 tại Ki-li-man-gia-rô.

Ruộng rẫy xứ ta vài nơi ở những vùng gần rừng núi đôi khi có bị voi phá hại thật đấy. Nhưng so với toàn bộ diện tích canh tác thì những lỗm ấy có nhằm nhè chi, có đáng là bao. "Xưa kia, voi phổ biến ở vùng thấp Tây Bắc, kể cả phía tả ngạn sông Đà. Cách đây không lâu voi vẫn còn ở Thanh Uyên, Quỳnh Nhai, Thuận Châu, áen Châu, Điện Biên và phía bắc Mường Tè. Voi cần muối khoáng, do đó thường gặp chúng tập trung đến ăn đất mặn ở khu vực sông Mã (ạon La) nhất là vào thời kỳ động dục mùa thu. Ngoài Tây Bắc ra, voi còn ở rải rác ở một số vùng thấp ven biên giới phía Tây, Tây Nguyên và Nam Trường ạon. Riêng Đắc Lắc, hiện còn trên 300 voi nuôi..." (Tường trình của Đỗ Tước - Viện Điều tra quy hoạch - 1978) Voi ở xứ ta gắn liền với các chiến tích của các vị anh hùng hơn là ngựa. Lương Khôi đã từng nêu thắc mắc trên báo "Nhân dân" là tại sao các nhà điêu khắc không tạc voi cho những "vì sao đất nước" mà cứ hay đặt họ lên lưng ngựa, với loại ngựa chiến cao to như ngựa Cô-dắc hay ngựa của Pháp... hoặc "có thể vì họ quên tư liệu, và có thể vì ngựa dê bố cục hơn voi. Voi đồ sộ lấn át nhân vật nên các nhà điêu khắc tùy tiện làm sai lịch sử chăng?" Con vật hoang dã ở rừng khi đã được thuần hóa, mang lại cho chúng ta nhiều lợi ích, thực sự gắn bó với đời sống con người, nhất là ở xứ nông nghiệp còn chậm tiến như ta, Lào và Cam-pu-chia. Chẳng vậy mà hầu như đền chùa, miếu mạo, lăng tẩm nào các bạn cũng thấy có hình tượng con voi, ở mọi tư thế, kích thước và dáng vẻ do người xưa để lại. Nếu các bạn có dịp sang thăm Cam-pu-chia, ắt các bạn không thể không đến viếng đền ng-co-thom, ng-co-vát (Đế Thiên, Đế Thích) ít nhất một lần. Trong khu vực kiến trúc vĩ đại toàn bằng đá - kỳ quan thứ 7 của thế giới - này, sau Thần, Phật và rắn Na-ga được đặt ở những vị trí trang trọng nhất, thì kế đến là con voi. Hầu như chỗ nào bạn cũng sẽ gặp con voi chạm nổi trên tường, lấm liệp uy nghi và cực kỳ sinh động. Tại Viện Bảo Tàng Phnôm Pênh, vào cửa, nhìn trong tủ kính phía trái bạn sẽ gặp một con voi bằng đồng đen to hơn ngón chân cái thôi - nhưng là một con voi 3 đầu mỗi đầu 2 ngà, một công trình mỹ nghệ tuyệt tác của các nghệ sĩ Cam-pu-chia xưa. Trước chùa Phật Thầy Tây An ở núi ạm Châu Đốc (nay thuộc tỉnh An Giang) cũng có tượng hai con voi khá to. Nhìn vào, con bên trái đen như voi bình thường, đặc biệt, con bên phải là một Bạch tượng đứng hươ vôi, giương ra đến 6 chiếc ngà! Từ Nam chí Bắc, bao nhiêu ngọn núi, con đèo, bầu vũng mang tên voi, tất nhiên do có giống hình voi nhưng cũng chứng tỏ nơi ấy voi thường tới lui, cư trú. Con vật

rừng mà gần gũi xiết bao! "Con voi con voi, cái voi đi trước...". Em bé nào mà chẳng biết hát, giọng càng đót đất ngọng nghịu bao nhiêu càng thấy con voi đáng yêu thích bấy nhiêu. Trong chiến đấu ngày nay, voi thường được dùng chở lương thực, vũ khí, kéo xe lu làm đường, kéo pháo và tên lửa, kéo ô tô qua ngầm hoặc các đoạn đường lầy. Một con voi có thể tải được từ 700 kg đến hơn 1 tấn hàng, một ngày đi được 30-35 km. Đồng bào Tây Nguyên dùng voi thay ngựa vận chuyển hàng hóa, một voi có thể sánh bằng 20-30 người, 12 trâu hoặc vài máy kéo. Nếu kéo gỗ trên chặng đường dài vài ki-lô-mét trên mọi địa hình, voi có thể kéo 6 chuyến một ngày, mỗi chuyến một cây gỗ 3-4 mét khối. Dùng voi ở các lâm trường rẻ tiền hơn máy kéo ba lần và cơ động hơn, đặc biệt không phải tốn chi phí mở đường. ở Thái Lan, voi đẩy những súc gỗ tẻch nặng 2 tấn, cho gỗ lăn xuống một bờ vực. Rồi dưới đó, voi lại húc súc gỗ lăn xuống phía dưới sông, cách bờ 50 mét để chủ kết lại thành bè, thả trôi về đồng bằng. Khi dân chúng ở một vùng rừng nào đó bị bệnh sốt rét tàn phá ghê gớm, mà không có lối vào, người ta chỉ còn dùng cách đưa những thớt tượng mang thuốc trị sốt rét và những thùng D.D.T vào tận nơi, thời kỳ trực thăng còn chưa được sử dụng rộng rãi như bây giờ. Voi Miến Điện, khi những khúc gỗ trôi theo dòng nước chảy xiết chồng chất lên nhau, nó còn đoán biết được khúc gỗ nào làm nghẽn đường nước, giờ voi ra giờ khúc đó, bỏ qua một bên. Rồi lẹ làng, nó lùi ra xa để tránh những khúc gỗ trôi ủa nhanh tới, có thể làm cho nó bị thương. Hai con voi dùng răng hàm to - như một phiến đá nhỏ lát đường - ngậm chặt một sợi dây dọi lớn để hợp lực kéo một khúc gỗ to tướng, đường kính đo được đến 2 mét. ở Ấn Độ còn có trường hợp con voi một ngà biết cách dùng cái ngà duy nhất của nó và voi để di chuyển một súc gỗ. Nó kê một đầu của súc gỗ lên thùng xe vận tải, rồi giơ bổng súc gỗ lên nhẹ nhàng đẩy vào thùng xe. Như thế, voi không những biết luật cân bằng và nguyên tắc đòn bẩy mà còn hoạt động như một cái máy trục. Thế mà người ta giết nó chỉ vì cặp ngà rồi quy tội nó là con vật phá hại? Bọn săn nhà nghề người âu xông vào rừng núi châu Phi, hạ voi hết con này đến con khác chỉ để lấy cặp ngà, còn thịt bỏ lại cho linh cầu và kên kên! (Tất nhiên là thịt nó ăn được - thớ thịt to như sợi dây gai, nhưng thái ngang thì rất mềm, xào ra nhiều nước, không dai như thịt trâu. n no hơi nặng bụng, chậm tiêu hóa. Làm ruốc được. Chân, vòi và mỡ cũng khá ngon. Đây là thịt voi người ta biếu, chứ không phải tôi bắn giết gì đâu. Tôi mà súc mấy?)

* *Người ta bắt voi như thế nào ?* Không ai bày ai, phương pháp giản tiện nhất mà mọi nơi trên thế giới hay áp dụng là đào một cái hầm rộng và sâu, trên lối mòn mà voi thường qua lại, rồi lót vôi, khóa đất, trồng lại cỏ y như trước. Làm không khéo, để lộ dấu vết, voi nhận ra ngay. Thế là chỉ còn đợi voi đi qua, sụt chân rơi xuống đó. Người ta trói nó lại, đặt tấm ván dày từ đáy lên miệng hầm, rồi dùng hai con voi nhà đã tập thuần rồi, kèm sát hai bên, đưa voi rừng lên khỏi miệng hầm, dẫn về chuồng. Có thể dùng dây thừng thắt nút thông lọng, đặt theo lối mòn, để cho một chân của voi bước vào vướng vòng. Cũng phải dùng voi nhà "hộ tống" đưa anh chàng về. Cũng có nơi dùng thuốc phiện bôi vào các lá cây voi ưa thích, ở những nơi chúng thường lui tới. n phải lá cây có chất ma túy ấy, voi say lừ đừ, sức mạnh giảm nhiều và dễ bị bắt. Ngày nay, người ta còn dùng một loại súng đặc biệt để "bắn" voi. Những viên đạn không làm chết con vật, chỉ vào quá lớp da, thực sự là những liều thuốc mê rất mạnh có thể làm cho voi ngã xuống bất tỉnh trong một thời gian khá lâu. Người ta còn dùng voi cái để thu phục anh chàng đại lực sĩ ghê gớm kia. Những chị voi nhà được tắm nước lá thơm, được thả cho đi lang thang trong rừng để quyến rũ các voi đực rồi dụ lần lần đi về trại. Các chú này chực sẵn thùng buộc, để bắt "tù binh". Muốn hay không cũng phải chịu hàng phục. ở Ấn Độ và Hồi Quốc, thường tổ chức những cuộc săn voi đại quy mô. Người ta điều khiển đàn voi nhà đuổi voi hoang ra khỏi rừng, và dồn chúng vào vòng rào kiên cố, chỉ chừa một cổng vào, quanh đó có đào hào sâu. Rồi biệt lập từng con một, người ta dùng voi nhà dẫn chúng ra để tập luyện. Cần khoảng thời gian từ 3 tháng đến một năm, một con voi rừng có thể được tập rượt để biến thành con vật thuần phục.

* *Từ bao giờ và đến bao giờ ?* Cả hai câu hỏi này chúng ta đều có thể trả lời được. Voi xuất hiện vào đầu kỷ Đệ tam, trong nhóm có móng nguyên thủy cổ nhất, thuộc bộ có vòi. Tháng 5 năm 1978, ở một công trường khai thác đá vôi tại miền đông alô-va-ki (Tiệp Khắc) người ta phát hiện được hài cốt của một con voi 4 ngà. Hai ngà vừa lớn vừa dài và hai ngà nhỏ, ngắn hơn. Theo các nhà khảo cổ thì vùng này có nhiều voi 4 ngà, sống cách đây hàng triệu năm. Thời kỳ ông tổ của loại voi 4 ngà này xuất hiện, còn xa xưa hơn thế nữa (25-30 triệu năm). Đó là con Mát-tô-đôn. Trong tên của nó, ta thấy nói lên cái đặc điểm cấu tạo của những răng hàm mà bề mặt có mấu (theo tiếng Hy Lạp "mát-tô" - vú, còn "ô-đu-xơ" là răng) Mát-tô-đôn có kích thước gần như voi, có vòi rất khỏe và

hai đôi răng nanh thẳng, một đôi trên một đôi dưới. Một con đại biểu của nhóm Mát-tô-đôn được đắp lại nguyên hình theo bộ xương hóa thạch trông mà tàn thây. Gồ xương bả vai trên sống lưng nhô cao, từ đó chạy xuống đầu thành đường vát thẳng nối liền với chiếc vôi dài đưa tới và cặp ngà dài - răng nanh - của nó thì chìa tới trước, nhọn hoắt như hai lưỡi gươm tổ bố. Voi ta so với con voi ấn Độ tôi xem ở vườn Bách thú Mát-xcơ-va thì như con bê cạnh con bò mẹ. Voi ấn Độ cao to, sống lưng gồ quá quãng giữa, trông cũng dữ nhưng thua Ma-mút. Dữ tướng như con Ma-mút lông xồm, so với con Mát-tô-đôn thì cũng không ớn bằng. Trước những con này, thì hình dáng gốc của voi ra sao? Voi cổ nhất mà con người ngày nay biết được là con Mê-ri-dê-rum sống trong thời kỳ -ô-xen, trên bờ hồ Mê-ri (ngày nay là Fay-um) miền Trung Ai Cập. Nó cao không tới 1 mét, có dáng dấp của lợn vôi, mũi và môi trên kéo dài thành một chiếc vôi ngắn - Voi cổ Mê-ri thích ngâm mình cả ngày dưới nước như trâu nước vậy. Vào thời s-li-gô-xen xuất hiện voi răng có mấu cao tới 2 mét. Nó có dáng dấp của loài voi hiện đại, song còn khá kỳ dị với 4 chiếc ngà. Đôi ngà trên dài và mảnh uốn cong về phía dưới, đôi ngà dưới ngắn hơn xếp chéo với đôi ngà trên như chiếc kéo, có tác dụng nhổ rễ cây ăn sâu xuống đất. ở những loài voi cổ khác, đôi răng của hàm dưới đã thực sự biến thành hai chiếc xẻng bằng ngà cứng, rắn và sắc. song song với sự hoàn thiện công cụ, voi cổ đã phát triển thêm những đặc điểm mới, kích thước cơ thể tăng, răng của hàm trên (đôi ngà trên) lớn và cong hơn, gần giống ngà voi hiện nay. Một dạng voi cổ khác có tên là Voi cổ khổng khiếp, vôi có ngắn nhưng đôi ngà quay hẳn về phía sau, có tác dụng như hai cái cuốc chim để kéo cành lá - về phía chúng mà chiếc vôi ngắn không với tới. Vào kỷ Đệ tứ mới xuất hiện giống voi Ma-mút kích thước to lớn chưa từng thấy - ạo với voi hiện đại và các loài voi cổ đã tuyệt diệt, da nó dày tới 2cm, lớp mỡ dưới da dày từ 8 đến 10cm không thua bộ áo giáp của các chiến sĩ thời xưa. Voi Ma-mút đồ sộ, lông dài, rậm và mềm, song bộ óc quá bé và cặp ngà dài uốn cong hình vòng cung duyên dáng nhưng vô tích sự, không thể đương đầu nổi với các loài dã thú ăn thịt, từ con chó rừng (tương tự chó sói) cho tới con hổ không đuôi răng kiếm. ở vài đại biểu của nhóm này, những răng nanh dưới không còn nữa như Ma-mút và con voi hiện đại.

Chuyện con voi đời xưa chúng ta chúng ta chỉ có thể hình dung sinh thái chúng qua những vết tích còn lại trong lòng đất, hay trong những thi thể chúng còn được bảo tồn nguyên vẹn trong

các lớp băng vĩnh cửu. Còn voi đời nay ? Quang cảnh một bầy voi 700 con, ở khu rừng Bu-dôn-gô (Phi Châu) mà s-ki-li đã gặp và dừng lại suốt ngày đêm quan sát và tả lại là một bức tranh đẹp và hùng vĩ xiết bao: "Mặt trời mọc trên các đỉnh đồi và khu rừng sáng lên những tia muôn màu. Bầy khỉ cất tiếng kêu chào hỏi nhau. Cuộc sống bừng tỉnh ở khắp chốn. Không có một làn gió nhẹ nào. Bầu không khí như bất động. Tôi có cảm giác đứng trước một khu rừng cách đây một triệu năm về trước. Chim hót líu lo, bầy khỉ lúc nào cũng om xòm. Một đàn voi to lớn tiến qua khu rừng hoang, chỗ này từng con, chỗ kia từng nhóm, giày xéo mỗi thứ gặp trên đường. Khu rừng tràn ngập sự ồn ào huyền ảo. Những cây bật rễ khi bầy vật đi qua đổ xuống âm ầm. Những âm thanh the thé thoát ra từ tiếng ồn ào hỗn độn của bọn da dày đang nối đuôi nhau dài tới một ki-lô-mét. Bỗng nhiên một con voi cái già đánh hơi thấy tôi liền rít lên. Lập tức khu rừng trở lại yên tĩnh. Bầy voi dừng lại, lắng tai như chờ đợi một cái gì. Rồi bất thần, cây cối lại kêu rầm rắc như vừa có một cơn bão nổi lên. Bầy vật chạy tán loạn, chân hất tung những đống lá khô, làm gãy gục cây cối bên đường... Trong đời, tôi chưa bao giờ được chứng kiến một cảnh huyền ảo âm ỉ như một bầy voi gây ra như thế!". Lẽ nào để cho những quang cảnh này, và hình ảnh những con vật tinh khôn đã gắn bó, phục vụ biết bao cho cuộc sống con người chỉ còn lưu lại trong sách vở? Và con người mai sau không còn ai được thấy tận mắt con voi là gì, các bạn nhỉ? Bao giờ thì voi sẽ bị tuyệt diệt như một vài loài thú hiếm, quý trên địa cầu này? Điều đó là do ở suy nghĩ quyết định của con người, của tất cả các bạn thôi! Hà Nội, Hè 78 - Hè 80 P.C - "Chúng voi cùng với Đức ông: Vừa phải đánh công vừa phải hót phân" (ca dao). Các bạn biết không, voi có thể ăn liền một lúc gần một tạ đồ ăn đặc - 90 kg, uống 120 lít nước! Và mỗi ngày đêm tiêu hóa thải ra từ 60 kg đến một tạ phân. Voi Châu Phi còn ăn 100 đến 150 kg trong một ngày đêm! Đôi khi ăn tới 300 kg! Chà, cái nó xổ ra thì hẳn là hơn tạ. Bổ sung: K"Pá Bí thư Đảng ủy xã Đồng Nai Thượng, trước là chính trị viên huyện đội phục viên (anh còn là một thợ săn lão luyện) kể: "... Năm ngoái (1980) vào độ này tôi đang làm ngoài ruộng bỗng nghe tiếng voi rống âm ỉ. Rống mãi. Tôi ngạc nhiên lắm, xách súng chạy về, thấy bầy voi mười một con sa xuống hố bom địa không lên được. Có nhiều con voi nhỏ nom rất tội. Đàn voi cứ vừa rống vừa chạy vòng quanh trong lòng hố. Tôi về buôn kêu dân quân mang cuốc ra đào một lối lớn cho voi lên. Chúng lên, quay đầu lại gật đầu chào như để cảm ơn rồi mới chạy

phóng vô rừng. Loài voi có nghĩa lắm. Tôi không bao giờ bắn voi hết...". Trích trong bài Bát ngát Đồng Nai Thượng (Nguyễn Trí Huân) tuần báo Văn nghệ T.W số 88 ngày 20 tháng 2 năm 1982.

VÀI NÉT VỀ CÁ MẬP

Báo Nhân Dân số ra ngày 2 tháng 11 năm 1977, nơi trang 6, có đăng một tin ngắn về cá mập như sau : "Tin TTXVN - Theo Thông tấn xã Tiệp Khắc, mới đây tại Cu Ba, người ta bắt được một con cá mập dài 9,85 mét, nặng 5 tấn rưỡi ở vùng biển phía đông Cu Ba. Đây là con cá mập lớn nhất bắt được từ trước đến nay trên thế giới". Thấy tôi hay chú ý về động vật, ông bạn họa sĩ họ Mai và nhà văn chuyên viết truyện lịch sử họ Hà bảo tôi nên viết một bài báo gì đó về con cá mập cho các cháu. Tôi chỉ mới bắt đầu nghiên cứu, tìm hiểu về đời sống các sinh vật dưới đáy đại dương - cũng định bụng sẽ viết một quyển sách cho các em - càng không phải là người am hiểu am tường về ngư loại học, thì việc này đối với tôi có hơi khó. Tuy nhiên trước sự động viên khuyến khích của bạn bè, nhất là các cháu nhỏ của tôi, tôi cũng cố gắng tập hợp các tài liệu có trong sổ tay, biên soạn ra đây. Rồi khắc sẽ có những hiểu biết đầy đủ của các nhà khoa học bổ sung, điều chỉnh lại cho. (1) Tác giả "Động vật di cư" Bản dịch của Nguyễn Ngọc Hải.

Nhớ đêm 26 tháng 11 năm 1976, vô tuyến truyền hình Việt Nam, trong mục tin cuối cùng trong ngày, cũng có cho biết: "Một tàu đánh cá Mỹ vừa đánh được một con cá mập 830 kg thuộc vùng đảo Ha-oai (Hawaii)". Và kèm theo tin có đưa ảnh con cá mập khổng lồ, hòng há to, răng chom chom trông rất khủng khiếp.

* *Cá mập ở vùng biển xứ ta* Mùa thu năm 1962, anh Xuân Phong (Đoàn kịch nói Nam Bộ) đi thực tế ở Quảng Bình về, có mang làm quà cho tôi đoạn răng hàm dưới của một con cá mập to. Theo lời anh kể: "Một hợp tác xã đánh cá (rất tiếc là tôi quên tên) được tin báo bão, vẫn cứ cho thuyền ra khơi. Tranh thủ lúc bão, cá đang chạy nhiều vào gần bờ. Không ngờ bão ập đến quá nhanh, đắm mất mấy thuyền. Đơn vị hải quân đóng gần đó phải cho ca-nô ra lòng biển, cấp cứu. Dù vậy, vẫn có hai xã viên mất tích. Hai ngày sau, biển lặng. Những thuyền câu cá mập lại ra khơi. (Móc mỗi nguyên cả xác con chó, mỗi dây câu). Họ bắt được một con cá mập khá to, bụng chườn ưỡn, ai cũng ngỡ là một con cá chửa. Khi kéo lên bãi, mổ ra thì eo ôi: đó là một khúc thân người! Có lẽ người

này đang bơi, bị cá táp phập, đứt tiện ngang rốn. Xác mặc chiếc quần đùi nâu, buộc quanh bụng bằng một sợi dây lạt. Hai chân còn nguyên vẹn, trắng bột và mềm nhũn như chân con ếch! Nửa thân người trên, chắc cũng bị một con cá khác nuốt rồi. Không ai dám ăn thịt con cá này, kể cả lấy mỡ thắng dầu. Bèn đào hố chôn xác con cá bên cạnh ngôi mộ người xã viên xấu số..." Vàm sông Bằng Cung tỉnh Bến Tre xưa cũng là nơi lắm cá mập. Đầu Cách mạng tháng 8 năm 1945, nhiều anh em thợ lặn, dù biết nguy hiểm, vẫn lặn xuống tàu Pháp bị máy bay Nhật đánh chìm để mò lấy súng đạn. Họ đã thu được khá nhiều súng, tuy nòng bị rỉ, báng bị hà ăn nhưng cũng đã trang bị được cho vài tiểu đội Vệ quốc đoàn đầu tiên ở Nam Bộ. Có mấy người thợ lặn đánh nhau với "thợ tiện" - bị thương, xây xát khá nặng, một người chết - (cứu được lên thuyền mới chết, chứ không bị cá mập nuốt. Cá mập ở đây không to lắm). Theo lời các cụ lái ghe bầu - thuyền biển, miền Trung trung bộ xưa - thì trên đường chở nước mắm, chở đường mía, dưa hấu vào ải Gòn, cá mập thường đuổi theo thuyền hàng bày. Các cụ hay mang theo nhiều đá to, bao cát đặt gần lái, phần để dẫn lái khẳm xuống dễ chạy buồm, phần nữa nếu cá mập đuổi theo nhiều quá, thuyền gặp lúc nguy thì ném đá, ném bao cát xuống. Cá mập chỉ táp phập một cái, nuốt chửng, không cần và kịp biết đó là vật gì. Con nào nuốt phải, chìm dần và chết luôn dưới đáy. Chết một con nhón một mũi mà ly! Trong bộ sách 4 tập "Cuộc chiến tranh Đông Dương" (La guerre d' Indochine) một ký giả Pháp có thuật lại lời những viên phi công Pháp trốn sang Trùng Khánh, theo máy bay đồng minh vào oanh tạc bọn Nhật ở Hải Phòng. Không chiến diễn ra ác liệt trên vịnh Bắc Bộ. Một máy bay Nhật bị cháy. Tên phi công nhảy dù ra. Từ trên cao, họ trông thấy, qua làn nước biển xanh trong suốt, từng đàn cá mập bốn phía lao tới như những chiếc nan hoa xe đạp chụm vào một điểm trục, trước khi tên này rơi chạm nước. Khởi nói, các bạn cũng biết sau đó chuyện gì đã diễn ra. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ vừa qua, những tên giặc bay Hoa Kỳ bị bộ đội phòng không, tên lửa ta bắn rơi, thằng sống cũng như thằng chết đều có mang theo trong người ngoài lá cờ "ăn mày", tập sách nhỏ hướng dẫn các loại củ, cây rừng có thể xơi được, hai viên thuốc, một viên màu đỏ, một viên màu xanh. Phòng khi rơi xuống biển thì thả viên thuốc này ra tan thành một vòng màu tín hiệu để nhận thấy từ xa và cũng để phòng chống cá mập trong lúc ngoi ngóp đợi chờ đồng bọn bay trực thăng tới cứu.

* *Cá mập có từ bao giờ?* Theo A. I-a-cốp-lép tác giả "Đời sống trái đất" thì cá mập xuất hiện nhiều trong các biển vào kỷ Đê-vôn, cách nay 386 triệu năm (thuộc Nguyên đại Cổ sinh). Đến kỷ Đệ tam cách nay 55 triệu năm (thuộc Nguyên đại Tân sinh) có những con cá mập to, dài gần 30 mét. Trước kỷ Đê-vôn, từ kỷ ại-lua, cách nay 426 triệu năm, đã thấy có di tích những động vật ăn thịt ở biển, gần giống như cá mập. Xương chúng bằng sụn, hiện nay chỉ còn để lại những răng. Căn cứ vào kích thước các răng đó, chúng ta có thể đoán biết rằng các loài động vật ăn thịt này khá lớn. Cá mập hoặc Cá nhám, chúng ta thường gọi lẫn lộn, tùy thói quen từng vùng. Thực ra có sự phân biệt hẳn hoi. Cá nhám: Vây lưng 2 cái, phía trước mỗi cái đều có một cái gai ngắn. Có vây hậu môn, cũng có loại chỉ có một vây ở lưng. Cá mập: Vây lưng 2 cái, không có gai. Vây đuôi dài, vừa hoặc ngắn, lá trên nổi chung đều ghéch lên, hai bên cuống đuôi không nổi lên. Cả hai loại này đều có những con tấn công và ăn người. Nhưng không phải tất cả cá mập đều là cá dữ, tất cả đều tấn công người.

* *Đặc tính của cá mập* sinh lực của loài giống này thật là đặc biệt, ngoại lệ. Chúng không hề biết gì là cảm giác của sự đau đớn, cho dù những bộ phận trọng yếu nhất trong cơ thể đã bị tổn thương nặng nề, chúng vẫn tiếp tục tấn công và... tiếp tục ăn. Người ta từng chứng kiến những con cá mập, bụng rách toạc vẫn cứ thản nhiên đớp, nuốt tất cả lòng ruột của chính chúng nó. Bộ xương được cấu tạo bằng chất sụn (không phải xương). Răng có 6 hoặc 7 hàng. Những nhà chuyên môn có thể xem răng, biết được tuổi cá bao nhiêu năm. Nữ tiến sĩ Xin- vi-a Mít (aylvia Mead) chuyên nghiên cứu về cá mập, đặc biệt bằng cách so sánh những xương hàm, năm 1970 đã trở thành người phụ nữ đầu tiên sống liền dưới đáy biển một tuần lễ. Cá mập bắt mồi bằng thị giác và thính giác, nếu con mồi ở khoảng cách ngắn. Tất nhiên là có hơi máu và mùi vị, nhưng các thứ này phải vài phút mới lan ra được một khoảng nhỏ. ở khoảng cách xa, nó hướng đến mục tiêu bằng cách bắt tiếng kêu lâm nguy của con mồi. Mắt cá mập có một màng nhỏ nhấp nháy, hai mi thường và đặc biệt còn có một mi bảo vệ thứ ba. Nó nhìn rất rõ trong nước đục, nhờ hàng nghìn thứ gương li ti phản chiếu ánh sáng có được chung quanh, hội tụ lại bên trên võng mô. Tai người quen nghe ở tần số 20 và 20.000 chu kỳ trong một giây (hoặc Hz). Cá mập nghe kém trên 640 Hz nhưng tai nó bắt rất thính tiếng động của một tần số thấp chỉ có 10 chu kỳ (cycle). Nhiều cuộc thí nghiệm chứng tỏ rằng cá mập có một

khả năng gần như không thể nhầm lẫn để xác định phương hướng theo tiếng động mà những loài cá khác không có. Người ta phát đi "băng" tiếng kêu của một con cá mú (grouper) 12 kg khi nó bị thương. Tất cả tiếng kêu của con mồi làm nguy đều phát đi bằng tần số thấp - Máy phóng thanh được thả xuống sâu 12 mét. Ngày đầu, một con đến sau 12 giây, lượn quanh nguồn tiếng động đó. Ngày thứ hai, nhiều con hơn. Nhưng làm sao biết chúng từ đâu đến, khoảng cách ấy xa hay gần? Tiến sĩ Uýt-xbai (Wisby) còn là một phi công thuần thục, có ý bay cao trên biển để quan sát, còn hai người đồng sự thì sẵn sàng bên máy điện từ, trên chiếc tàu nhỏ. Khi máy bay phát hiện một con trong vùng biển Phơ-lo-rít (Florides) ông liền báo bằng ra-đi-ô cho tàu biết. Họ lập tức cho phát tiếng. Con thứ nhất cách tàu 90 mét. Uýt-xbai kêu lên: "Các bạn ơi, nó hướng về phía các bạn đó". Nhưng con cá mập phóng thẳng về nguồn phát sóng bỗng dừng lại cách 30 mét và quay lui. Không thể hiểu được vì sao? Cuộc thí nghiệm được lập đi lập lại nhiều lần cũng vẫn là một kết quả đó. 9 con quan sát được phóng thẳng về nguồn tiếng kêu (có một con cách xa 180 km) và khi còn cách từ 10 đến 30 mét, chúng đều chần chừ dừng lại. Cho đến nay, một câu giải đáp thỏa đáng, chưa tìm ra. Năm 1965, Mi-rơ-bốt (Myrberg) thay thế Uýt-xbai tiếp tục tiến hành các cuộc thí nghiệm mới, ông cũng tin rằng yếu tố không chối cãi được là: thị giác và thính giác đã đưa cá mập đến con mồi (dưới 800 Hz chúng từ từ hướng đến, tần số trên 1.000, không con nào đến). Cho dù đến nay, nhiều nhà nghiên cứu bắt đầu khám phá ra vài tín hiệu của loài cá mập. ạng thái con vật hung tợn này, cũng phải còn rất lâu chúng ta mới tìm hiểu được. Giờ đây, người ta hy vọng rằng nếu những cuộc nghiên cứu bằng âm học đã cho phép xác định những tiếng thu hút loài cá mập đến, điều đó có thể cho phép tìm ra những tiếng xua đuổi, chống lại chúng. Nghĩa là thứ "thuốc" chống cá mập hiệu nghiệm nhất, mà chúng ta chưa có bao giờ.

Vài mẩu chuyện lạ về cá mập

Bạn nào ưa thích chuyện ly kỳ, phiêu lưu mạo hiểm chẳng từng đọc "sng già và biển cả" (The old man and the sea) của văn hào Hê-min-uê. Triết lý của câu chuyện không nói làm gì. Nội cái việc cá mập đuổi theo chiếc thuyền câu, rĩa con cá bự kênh của ông lão câu được chỉ còn trơ lại mớ xương cũng đủ sồn gai ốc rồi! Dưới đây, xin lược kể ba mẩu chuyện về cá mập mà tôi cho là đáng lưu ý.

* *I. Chôn người trong bụng cá* Vùng quần đảo lưu đầy rải rác dọc ven biển Guy-an (Guyanne) gồm có các đảo Hoàng Gia, đảo thánh Giô-dép và đảo Quỷ. Đảo Quỷ này còn có cái tên rất mỉa mai là đảo Cứu Tinh! Người ta biết - mà điều này không phải ai cũng biết - là những người tù khổ sai chết ở Đảo Quỷ không bao giờ được mai táng. Bằng chứng là các nghĩa trang ở đây không hề có mộ tù. Tù chết đều bị ném xuống biển. Họ chế ra một chiếc áo quan đặc biệt bằng gỗ, bên trong bọc kẽm, không có nắp, bốn góc áo quan có bốn "tay cầm" như "tay cầm" băng ca. Thành áo quan về phía chân đặt tử thi bật ra, đóng vào được như chiếc bẫy sập. Việc "mai táng" thật hết sức đơn giản. Thấy người tù đặt vào chiếc áo quan lộ thiên, được chở ra khơi bằng tàu. Họ đặt áo quan lên một cái "rầm" và kéo "rầm" cho phía đầu người chết dựng lên, đồng thời cái bẫy bật dưới chân cũng mở ra. Tử thi buộc đá, buộc gỗ hay bất cứ thứ gì mà bọn coi tù vớ được. ỨC nặng đó lôi tuột thân người tù rơi xuống nước.

Cổ lệ ấy bao giờ cũng diễn ra - và những người chứng kiến đều quả quyết - với hàng đàn cá mập đen đặc bao vây con tàu đưa ma. Mà vùng biển này là một vùng lăm cá mập, phải biết! Sao có chuyện lạ thế ? Có gì đâu. Tiếng chuông cầu hồn gióng lên trên đảo đã lay động một vài bộ phận, thần kinh tăm tối của loài cá dữ, mà chúng ta hay gọi là phản xạ có điều kiện của Páp-lốp đấy. Những hồi chuông báo tử đã tập cho loài cá mập vùng quanh biết, đó là tín hiệu của một bữa tiệc chiêu đãi chúng sẽ diễn ra... Cái chuông truyền kỳ này hiện đặt tại nhà thờ thánh Lu-y ở Cay-en (Cayenne ngoại ô Miéc-za). Trên thành chuông người ta có thể đọc rõ "Năng-tơ (Nantes) - 1654" tên thành phố Pháp và niên hiệu đúc chiếc chuông này.

* *II. Nhục hình cá mập* Trong những hải trình dài của thế kỷ trước, bọn thủy thủ trên những chiếc tàu buồm thường giết thời giờ dằng dặc giữa mênh mông, bằng cách thi nhau bắn những vỏ chai ném xuống biển. Khi trên tàu không còn lục đầu ra chiếc vỏ chai nào thì họ cưa những thanh gỗ dài bốn cạnh thành những khối lập phương - như con xúc xắc to tướng - tiếp tục quăng xuống để nhằm bắn. Xúc xắc gỗ bị bắn tinh xác, tung lên xoay vòng trong không khí và khi rơi trở lại xuống nước, họ lại tiếp tục nhằm bắn lại cho đến khi nó dần dần trôi xa mất ngoài tầm súng. Trò chơi sắp chán thì hai con cá mập to tướng bơi đến. Đó là một chủ nhật, trừ những người trực ban trong phần việc của mình, còn thì tất cả

được thỏa sức tự do. Một ông khách đi nhờ trên tàu buồm chở hàng vượt Đại Tây Dương đã kể lại chuyện này trong tiểu thuyết "Đám nổi loạn trên tàu En-xơ-nua" của văn hào Giắc-lơ-nơ và tôi xin lược thuật hầu các bạn, như sau: ... Hai con cá mập bơi song song theo tàu. Người ta cấp tốc lôi một cuộn chảo to tướng, dây to bằng bắp tay làm dây câu. Lưỡi câu là một cái móc sắt to, một tảng mỡ muối bự kênh cỡ đầu người làm mồi. Bắt được một con, rồi đến con thứ hai được kéo lên boong. Cả hai con nằm lẫn trên sàn tàu và ông ta được tận mắt chứng kiến sự nổi cơn tộ tộ nhất về tính tàn bạo của con người. Toàn thể đám làm tàu lao vào hai con cá với tất cả các con dao của thủy thủ coi buồm, với những chiếc rìu nhỏ và dao pha lôi ra từ buồng nhà bếp. Cả bầy hư hỏng và đốn mạt đó đổ bùng lên vì vui sướng, và hò rống lên tràn đầy khoái lạc, trước những vũng máu đỏ mà họ đã tàn nhẫn nhúng tay vào. Để kết thúc một cuộc đời con thứ nhất, họ vạt nhọn hai đầu một cọc gỗ, rồi banh miệng con cá ra, cắm đứng giữa hai chiếc hàm để cho nó không bao giờ ngậm lại được. Họ reo hò ném con cá xuống sông. Cái chết sẽ đến từ từ, lặng lẽ không phương chống cự đối với nó. - Còn con kia, chúng bay ời! Tao sẽ cho chúng mày chứng kiến một trò chơi kinh ngạc nhá! Hai tên "đao phủ" tàn bạo nhất bèn ra tay... ... Con cá đã bị mổ một đường dọc hết sức khéo léo, từ đầu đến chót đuôi và phơi tất cả bộ lòng ra giữa cái bụng trắng hếu mỡ banh. Lòng ruột được lôi ra tất cả. Nó chỉ còn là một cái vỏ bằng thịt và giầy tưng tưng trên sàn tàu như vật nài không muốn chết. Một thằng giơ cánh tay đầm máu đến cùi chỏ trước mặt ông khách đi nhờ tàu, và bất thành linh - không bảo trước ông ta hãy coi chừng - nó đặt vào tay ông ta một cục thịt đỏ hỏn. Ông khách vụt lùi lại, ngạt thở vì kinh hoàng giữa tiếng gào thét khoái trá của bọn nguyên thủy này và rưng rờ buồng cái cục mà ông ta vừa nhận. Ông ta tự thấy xấu hổ vì tính yếu ớt non gan của mình. Ông ta chán chường nhìn xuống, bằng đôi mắt lặng lẽ, vật hiện diện mình vừa ném đi. Đó là trái tim con cá mập. Và đấy, trước mắt ông ta, trên sàn tàu nóng bỏng mà lớp nhựa thông mơn bóng loáng kết hạt lấp lánh giữa những kẽ ván ghép, trái tim con cá mập kia lại bắt đầu đập trở lại. Ông ta không còn biết ra sao nữa, cúi xuống nhặt trái tim lên và nó vẫn tiếp tục nhịp đập trên tay ông ta. Bọn quỷ sứ trên tàu thôi không thêm chế giễu ông khách nữa, và cái tên đao phủ Mui-li-gan Giắc-cốp tự thấy thất bại rồi, bỏ mặc ông ta đó và quay về với con mồi của hắn. Hắn vung chiếc rìu nhỏ lên, đập má rìu vào giữa mũi con cá một cú cật lực. Cái xác

cá, bị cú đau nhói gọi giết về sự sống, giãy lên mấy lần cuối cùng, và cái thằng quỷ loắt choắt ấy gào lên: - Nó cũng như tớ, trong đầu có những mũi kim lửa đốt cháy, chà những mũi kim nung đến trắng xanh ra. Hắn như dại như cuồng lên vì khoái trá, lại tống một cú thứ hai vào mũi con cá. Cái xác cá chết dở kia vùng nhảy lên, phác trên không một vệt rơi cuối cùng. sng khách đi nhờ tàu kia không chịu nổi nữa, choáng váng tháo lui mà không nhớ rằng mình đang còn cầm trong tay trái tim con cá. sng ta đi một lúc, gặp người con gái ông thuyền trưởng đang nằm tựa trên chiếc ghế vải, bên cạnh giỏ khâu. Đúng lúc đó, ông khách cảm thấy vật cầm trên tay đang điều khiển ông ta đến gần lan can, để ném nó xuống biển. Nhưng mặc dầu nhịp đập bên trong không ngừng nghỉ lớp ngoài của trái tim đã se vì hơi nóng nhiệt đới bao vây làm dính vào tay ông nên ông ta đã ước tính sai, và ném lệch nó. Thay vì bay qua lan can, cục thịt quái gở kia lăn lăn nằm dưới ghế cô gái. sng ta cứ mặc kệ cho nó nằm đó. sng ta tính xuống thang, quay về cabin rửa tay và thay bộ quần áo bê bết đầy những vệt máu, bỗng nhiên quay lại. Trái tim con cá vẫn cứ tiếp tục đập. Ngay bấy giờ, có tiếng một vật gì rơi âm xuống nước. Đó là cái bong cá bị đám quỷ ném xuống biển. Tiếng la lối gào thét càng dồn tiếp dữ dội. Mất bọn thủy thủ cháy ngồi lên vì thích thú. sng khách quả chưa hề trông thấy một vật lạ lùng kỳ dị, không ai có thể tin được kia. Cái bong con cá mập vẫn chưa chết cũng như trái tim của nó. Nó cựa quậy trên mặt sóng, nó bơi và quạt đuôi. Nó cố phóng lên cố lặn xuống màn nước xanh để lại trời lên tìm bầu không khoáng đãng tự do. Người ta có thể nói con vật bị nhục hình sống sót kia đang tìm cách trốn chạy, mà không biết chạy đi đâu. Trên tàu, lũ quỷ chốc chốc lại cười âm lên theo từng biến động của con cá. sng khách quyết định trở về ca-bin, nhưng khi ông ta xuống chưa được nửa cầu thang thì lại nghe vang vọng những tràng hò hét và tiếng "Híp ! Híp! Hua-ra!" hoan hô chiến thắng của đám ác ôn. sng ta lại quay lên xem chuyện gì. Ậau con cá mập khác, bé hơn hai con vừa rồi đang nằm lăn lóc trên sàn tàu và đám người ban nãy, vây quanh tới tấp xông vào chạt, chém, không ai chịu lùi nửa bước. Những con cá xác xơ, bị bầm nát da, đang bị bọn chúng chạt ra từng khúc, phá toí ra từng mảnh. sng khách đưa mắt nhìn vào bóng dưới chiếc ghế vải. Trái tim con cá mập bị nhục hình, mà thân xác nó đang tiêu hóa dần trong dạ dày những con nhỏ khác dưới biển kia, trái tim ấy nằm đó, vẫn đập... đập... và còn cứ đập...

* *III. Cá mập trắng* Thông thường thì cái gì hiếm cũng được coi là quý. Nhất điều - nhì ngư - tam xà - tứ tượng. (Nhất chim - nhì cá - ba rắn - bốn voi). ở đây không bàn về ý nghĩa, tại sao cổ nhân xếp thành "ngạch bậc", cho các loài giống này và chúng được đặt lên hàng đầu của các loài động vật. Trong bốn loại này, con nào không phải thuộc loài có sắc lông, màu da trắng mà có con trắng thì đều được coi là quý, lạ. Chim công trắng mới được coi là quý. ở Thảo cầm viên thành phố Hồ Chí Minh hiện có một con công trắng. Cá mập chủ yếu là màu xanh, xám, đen, lườn trắng nhưng cá mập trắng toàn thân thì hết sức hiếm. Rắn cũng vậy. Chỉ nghe nói "Bạch quy xà" con rắn trắng chẻ ống tre ra, họa hoàn mới bắt gặp, hết sức độc, tôi chưa thấy. Nhưng tôi đã có xem và quan sát kỹ một con rắn trắng ở vườn Bách thú Mạc Tư Khoa năm 1957. Nói trắng chứ thật ra, nhìn gần mới thấy da nó có điểm những nốt li ti như hạt vừng màu hồng nhạt và xanh da trời nhạt. Trên mũi có chiếc sừng nhỏ cong lên như sừng tê giác, nhưng hình như đó là da chứ không phải chất sừng. Con rắn này rất độc, to hơn ngón chân cái, thấy biển còi đề là: "Rắn châu Phi". Voi trắng thì hiện nay trên thế giới có vài con đấy. Bà Triệu xưa chẳng đã "Cưỡi con bạch tượng trong rừng bước ra", đó sao? sử ta xưa từng ghi: "Lý Thánh Tông sau khi xưng đế, Châu Châu Đăng hiến hai voi trắng - Năm 1043, Chiêm Thành sau đại bại theo lệ cống hiến ta đều đều - Lúc hiến voi trắng, lúc hiến tê (tê giác) trắng... Đời Trần: Châu Chân Đăng hiến hai voi trắng, huyện Đô Lạc hiến voi trắng và công trắng v.v... "Thế mới nói, không trắng mà có trắng thì thường được coi là quý, lạ". Trở lại chuyện cá mập trắng. Từ vài thế kỷ nay, khi những nhà thám hiểm cho các con tàu buồm dong khắp đại dương để tìm đất mới, trong câu chuyện họ kể lại, về các con quái biển, thường bao phủ hay pha đượm đầy tính chất hoang đường, bí ẩn. Thí dụ như ở Tân Thế Giới có "những con cá mập to gấp 3 lần những chiếc tàu buồm bốn cột (caravelle) bao giờ cũng đi thành bầy và chúng có thể đớp trọn một thương thuyền luôn cả các cột buồm" (!) Như... "Những con cá mập trắng như tuyết, phóng lên khỏi làn nước biển xanh, đuổi theo tàu v.v..." Nghe vậy thì hay vậy, nghe chơi cho khoái, cho ớn như nghe chuyện ma, chứ có ai thấy ma bao giờ! Thế nhưng, cá mập trắng... thì có thật đấy! Ngày nay khoa học đã nhận diện và tiếp xúc với y ta rồi! Cá mập trắng - *Carcharodon carcharias* - là con vật hung dữ nhất trong tất cả mọi giống loài sống ở đại dương. Các bản tường trình khoa học xác nhận rằng đã thấy có chúng xuất hiện ở

vùng biển úc Châu và ấn Độ Dương. Thấy có nhưng cụ thể đã bắt được chưa, lấy gì làm chứng tỏ? Thế là bắt đầu mở cuộc truy lùng. Gim-ben (Gimbel) và một số bạn của ông ta - những nhà chuyên nghiên cứu đời sống các động vật ăn thịt dưới đáy đại dương - tất cả còn đều là những tay thợ lặn cự phách, trước khi tìm gặp con cá mập trắng trong những vùng biển úc châu, họ đã nhiều lần bơi ra khỏi các lồng sắt bảo vệ để quay phim, giữa những bầy cá mập hung nhúc quanh mình. Và họ cũng đã tìm gặp con cá mập trắng khổng lồ ở ấn Độ Dương. Người ta đã đổ hàng nghìn lít máu bò xuống biển, để nhử nó đến bên chiếc lồng sắt, cho họ quay phim. Đối với "ông nội" này thì Gim-ben cũng phải tận thân. Nó há hòng chom chồm những hình răng cưa to tổ bố, mắt đảo đảo trợn trợn nhòm vào chiếc lồng sắt vuông kiên cố, mỗi song lồng là một thanh thép to bằng bắp tay ! (Bạn nào thích xem, có thể đến gặp tôi ở nhà riêng, xem toàn bộ tư liệu này, bản tiếng Pháp kèm ảnh chụp, ảnh quay phim màu, không thể cho mượn). Có một con cá mập trắng còn phóng lên khỏi nước, để đớp một tảng thịt bò vài chục cân mà người ta treo lủng lẳng bên hông tàu thí nghiệm xem loài cá mập trắng "có thể bay ra khỏi nước" không? Gim-ben đã phải gọi nó là "Cái máy ăn to lớn nhất chưa hề thấy"!

** Các loại cá mập* Kể về các giống, loài cá mập thì có thể nói hàng hà sa số. Nói mỗi miệng mà đọc thì mỗi mắt. Các nhà ngư loại học đã phân chúng thành hai loại: Cá nhám và cá mập. Mỗi loại có nhiều bộ. Mỗi bộ có nhiều giống. Hãy cứ biết vậy thôi. Nếu bạn nào muốn học nghề cá thì vào trường ngư nghiệp và chịu khó tìm, mượn tài liệu tham khảo. Trong phạm vi một bài nhỏ, nói chuyện chơi, đâu thể kể đầy đủ và tường tận được. Nhưng dù sao cũng phải điểm sơ sơ vài ba giống loài chủ yếu, hoặc hơi lạ. Cá Nhám Mèo (secyllirhinoidei - caracharinida). Thường không lớn mấy. Cỡ từ 50 đến 80 cm. ở gần tầng đáy biển cạn, gần bờ, thỉnh thoảng cũng có con ở biển sâu. n các loài giáp xác, và sò hến, ban ngày nấp trong vỏ biển, san hô và bọt biển, đêm mới ra hoạt động. Đẻ trứng, vỏ trứng lớn và hình bầu dục dài, thường bám vào đá và vỏ biển. aó lượng ít, không có giá trị kinh tế lắm. Người ta dùng da cá nhám mèo làm giấy nhám đánh bóng gỗ, ngà và kim loại. Cá Nhám Vú Em (stegostoma Fas- ciatus). Trung Quốc gọi nó là cá nhám nhu mì, châu âu nói chung gọi nó là cá nhám vú em. Pháp gọi nó là cá ngủ bởi nó có đặc tính uể oải, thờ ơ, bất thiết, khiến cho con người đánh bắt rất dễ dàng. Ta gọi là gì, tôi chưa rõ.

Thường dài từ 3 đến 4 mét. Da đặc biệt rất dai. Cá Mập Xanh (*Prionace glaucus*). Màu xanh lam rất đẹp, nhất là lúc còn bé. Phân bố khắp các biển vùng ôn đới và nhiệt đới toàn thế giới, sống ở các tầng nước trên của đại dương, cách bờ tương đối xa. Họa hoàn lắm mới tấn công người. Thân dài từ 3 đến 7 mét. Giống này rất phàm ăn, hay đuổi theo tàu ngoài khơi để đớp nuốt chửng đồ thừa nhà bếp đổ xuống biển, đôi khi chúng cũng bơi vào các hải cảng để kiếm ăn. Có một con bắt được, thấy trong bao tử có: 2 cái đầu cừu, ruột già của một con bê, một con chó nguyên vẹn còn đeo vòng xích to nơi cổ, và 6 cái vỏ chai. ược bơi đến 42 km giờ. Cá Mập Hổ (*Requin tiger*) Dài từ 4 đến 5 mét. Tấn công và xơi các loài cá khác, kể cả cá heo, kể cả người. Con này không có gì đặc biệt ngoài bản tính hung dữ cho nên gọi nó là cá mập hổ. ồng các vùng biển ấm, gần xích đạo. Cá Mập Báo (*Galeo cerdo*). Đây là một loài cá có tính chất thế giới, tương đối lớn, sinh hoạt ở vĩ độ 17 độ phía Nam, bắc đường xích đạo, hoặc là trong phạm vi bắc hơn, nhưng phần nhiều ở trong biển nóng nực, lúc bé nhỏ dài và có nhiều đường vằn sọc, lớn dần mình cũng cao dần đồng thời vằn sọc cũng mất dần. Tính hung dữ và tham ăn, theo Rốp-xơn thì ở vùng Duyệt-băng thuộc Nam Phi người ta có bắt được một con cá mập báo dài 7 mét, nặng gần 1 tấn. Trong dạ dày con cá này có: đầu và một đoạn trước mình của cá sấu, một chân sau của dê, ba con hải âu, hai cái hộp đựng hai pa-un đậu xanh (mỗi pa-un bằng 0 kg 453) một hộp thuốc lá... Chắc là nó gặp một chiếc tàu, thuyền gì đó mới đắm. Tất nhiên nó thừa sức để nuốt chửng, một vài người. Cá Mập Búa (*aphyrna lewini*). Hình dáng nói chung rất giống cá mập, còn đầu thì có sự biến hóa rất lớn, vùng xương trán của đầu chia ra, thành hai lá bên, đồng thời cũng đẩy cả hai mắt ra phía ngoài hai lá bên, lỗ mũi cũng bị dời đến viền trước ngoài của đầu. Bởi hình đầu nó giống cái búa, nên gọi là cá mập búa. Loại này dài từ 4 đến 5 mét, đôi khi tấn công người. Đó là một động vật đẻ con, nghĩa là lũ con của nó đã hình thành trong trứng và ra đời sau khi đã phát triển hoàn chỉnh. Cá Mập Trắng (*Carcharodon carcharias*) Thân dài từ 5 đến 12 mét, cân nặng từ 600 đến 3.200 kg. Răng của nó có thể đo đến 7,5cm.

Đó là một loài cá hung dữ nhất và ghê gớm nhất trong các thứ động vật ăn thịt người. Cá Nhám đuôi dài cũng còn gọi là Cáo biển (*Vulpiculidae Garman*). Vùng biển ta chắc cũng có, dù chưa thấy ai bắt được. Vùng biển Trung Quốc cũng có nhưng hiếm, đó là loài cá nhám đuôi dài *Alopias Vulpinus* (Bonnaterre) lá trên của

vây đuôi đặc biệt dài và ghech lên. Đó là dấu hiệu đặc biệt của chúng. Dường như cá Nhám đuôi dài dùng đuôi của nó để săn mồi (những con cá nhỏ). Nó gieo sự rối loạn cho bầy cá nhỏ bằng cách quạt đuôi dữ dội chung quanh, khiến cho những con vật nhỏ hoảng sợ, nép vào nhau, gom lại thành cụm. Thế là nó chỉ còn việc há họng ra, nuốt chửng từng khối lượng to lớn cho đến kỳ no. Cá Nhám Voi (*Cetorhinus maximus*) Phân bố khắp các biển trên thế giới, hàng năm vào mùa đông và xuân thấy xuất hiện ở vùng biển nước ta. Tháng 5-6 chúng đến biển Đông, Hoàng Hải (Trung Quốc). Khe mang đặc biệt lớn của nó mở từ lưng thẳng đến mặt dưới ngực, gần như gặp khe mang bên kia. Đó là loài cá nhám lớn nhất hiện nay còn tồn tại. Thân dài 18 mét, cân nặng 12 tấn. Cách sống của nó trái ngược với các loài cá khác cùng họ, hành động cũng chậm chạp, thường trôi lưng lên mặt nước - nằm yên không động đậy. Người săn dùng thuyền nhỏ - còn nhỏ hơn con cá - từ phía sau tới bên mình nó, dùng câu câu chặt lấy lưng nó, rồi dùng dao, gậy đánh chết. Đặc biệt nó có một bộ gan khổng lồ, chỉ nội cái gan có thể ép lấy 600 lít dầu. Da nó có thể chế thành da thuộc nên đã trở thành một đối tượng đánh bắt rất tốt. Hàng năm ở Trung Quốc đánh vài trăm con. (ở ta, cách mấy tháng vừa rồi các báo có đăng tin một lão ngư đánh bắt được một con cá nhám voi khá to, rất tiếc tôi lục tìm chưa thấy, bạn nào có, xin mách cho tôi, hoặc tự bổ sung vào đây, rất cảm ơn). Nó có miệng đặc biệt rộng lớn ở trước đầu mõm, răng nhỏ bé và gai mang nhỏ, dài và dày. Chỉ ăn những động vật biển bé nhỏ, sống trong các tầng nước trên, không sâu lắm. Cá Nhám Chó còn gọi là Chó Biển (*Chiloscyllium*) Cá nhám chó có 3 loại: cá nhám chó ấn Độ, cá nhám chó có chấm và cá nhám chó màu tro. Thân dài cỡ 1,50 mét sống trên những đáy biển lầy bùn, ăn sò, ốc, tôm, cua và các loại giun. ấu trùng kháng của loài cá này rất khỏe. ở Viêm Đình, tỉnh Triết Giang (Trung Quốc) một đoàn giới Các con vật trên rừng dưới biển nhà ngư loại học bắt được 1 con đem vào nhà, đặt lên nền 24 giờ sau nó mới bắt đầu chết! Cá Nhám Buồm (*Voilier - Histiophorus*) Cá nhám buồm ở vùng biển Phơ-lo-rít, không những chỉ phân biệt bởi cái gai lưng giống lưỡi gươm, nó thực sự là một thanh đại kiếm - mà còn chủ yếu là cái vây lưng khổng lồ, khi xòe (mở) ra như cánh buồm, tất nhiên còn làm động lực phụ cho một lực kéo bền dai. Con này, sức bơi nhanh kinh khủng, 80 km/giờ và còn có thể hơn nữa. Cá vô cớ là một loại cá sông, các vùng nước lợ gần biển, ở Châu Đốc cũ. Khi bơi cũng xòe cái vây lưng ra như cá nhám buồm, trông giống giống

lá cờ, nên gọi là cá vô cờ. Thịt con cá này lớp thịt lớp mỡ, quết làm nem chua ăn cũng khá ngon. Còn thịt cá nhám buồm thì tôi chưa biết, cũng chưa thấy có tài liệu nào nói kỹ.

** Theo đóm ăn tàn... Cá mập* Chuyện này nghĩ cũng vui và lạ thật. Trong xã hội loài người (xã hội cũ) cũng như trong các động vật sống trên rừng dưới biển, đều có những cha "theo đóm ăn tàn" xạo xạo theo kẻ khác kiếm ăn mà không muốn làm lụng gì! Vậy mà thiên hạ sợ mới lạ chứ! Thí dụ như trong rừng có con chim theo hổ kiếm ăn. Nó ăn những mẩu thịt thừa rơi vãi: khi hổ nằm nghỉ thích há họng ra cho nó "xỉa răng" (tức là mổ, rút những miếng thịt mắc trong chân răng cộp và nó xơi luôn miếng thịt thối ấy). Đó là một con chim bản. Thế mà thiên hạ sợ, gọi nó là chim lệnh. Có người còn gọi là chim thiêng, chim ma. Bởi nó xuất hiện ở đâu, có cộp ở đấy mà ly! Dưới biển cũng vậy. Có một loài cá mình trắng sọc ngang đen, như khoang rắn cạp nong. Ngư dân gọi nó là "cá hoa tiêu" hay "cá dắt đường". Người ta tưởng nó đưa đường cho cá mập tìm mồi, nhưng thực ra là nó theo cá mập để ăn mồi rơi vãi. Lúc nào nó cũng ở trong đường vạch bơi của cá mập để lại sau đuôi, dù đó là cá mập đi một mình hay cá mập có đôi. Phải khi mệt không bám theo kịp một con cá mập bơi quá nhanh, bị bỏ tụt lại thì... liền ngay khi đó, nó bị một con cá mập khác trờ tới, xơi ngay. Còn một con này chuyên sống bám theo cá mập cũng lạ. Bà con gọi nó là cá ép. Tên khoa học của nó là: *Remora remora*. Hình dáng nói chung giống cá vược. Là loại cá hoạt bát, bơi giỏi, thích bám vào bụng các cá lớn hoặc đáy thuyền. Miệng lớn nằm bên trên, hàm dưới nhô ra. Vây lưng thứ nhất biến thành cái ấn ở trên đầu, có tác dụng bám hút nằm trên toàn bộ sống đầu. ấn đầu, nói chung hình bầu dục dài, do nhiều tấm xương sụn sắp ngang thành đôi hợp thành, phía sau tấm xương thường có gai nhỏ giống lông nhung.

Cá ép "xà cừ" vảy hình tròn rất bé, lấp lánh như "xà cừ" là con cá có thể to, dài đến 90cm chuyên môn bám dính vào da cá mập để cá mập chở nó đi. Thỉnh thoảng nó buông ra để đớp vài miếng, ăn xong lại quay gấp về bám vào chỗ cũ. Để bám dính, nó dùng cái ấn đầu làm thành một thứ đĩa hút (ống giác) hút vào da cá mập. Lực của đĩa hút này mạnh và bền dai, đến nỗi người ta dùng nó như con mồi sống để câu rùa biển và những con cá lớn ở Đại Tây Dương.

* *Đánh bắt cá mập thế nào ?* Năm 1970, lần đầu tiên các nhà bác học Liên Xô đã thu được tiếng cá hồi ở Thái Bình Dương và tiếng cua ở Kam-sát-ca. Thu được tiếng các loài cá, tìm hiểu được ngôn ngữ chúng thì việc đánh bắt vô cùng thuận lợi, dễ dàng. Có thể biết chúng đi về hướng nào, đó là loài giống nào, thậm chí tầm cỡ nào. Cách truy tìm bằng Trắc giác pháp (Goniométrie) là một trong những cách tinh vi nhất để đánh bắt cá hồi, cá thu, cá mập và các loài tôm cua (tất nhiên là đã thu và hiểu được tiếng các loài cá này rồi). Cá cháy (Maquereau) cũng là giống ăn thịt, thường đuổi theo săn bắt các con mồi sống, như cá mập. Và cũng còn tùy khí hậu, mùa tiết và độ mặn của vùng biển mà nó lưu ngụ ở một độ sâu nào đó, và không phải luôn luôn ở một chừng mực nhất định. Có khi nó lên cao hơn hoặc trầm xuống sâu hơn để săn đuổi các con mồi. Cá mập thì trái lại, theo quy luật chung thích ở dưới đáy sâu và bằng mọi cách chen lách nhau để được đi bên dưới của bầy. Người câu cá mập phải nắm được tập quán đó, và rằn sợi dây câu bằng một khối nặng (chì, đá chẳng hạn) sao cho đầu dưới sợi dây câu lết trên mặt đáy và miếng mồi rẽ nước trôi cao hơn hòn đá, ở một khoảng cách được tính toán khéo léo. Cũng có nhiều khi chúng ăn mồi nổi, như vịt sống hoặc xác một con chó chết... Còn một giống cá mập dữ tợn và háu ăn hơn cả, sống trên mặt đất, biết nói tiếng người, nuốt cả một dân tộc, một nước, cả một châu... muốn đánh bắt và diệt nó phải dùng óc và tim, hy sinh cả tính mạng người người lớp lớp. Đó là bọn tư bản cá mập. Hà Nội ngày 19-11-1977 Bổ sung: Báo I-dơ-vét-chi-a (Ivestia) ở Liên Xô vừa đưa một tin có thể coi là hãn hữu - về trường hợp một thủy thủ bị rơi giữa biển, bơi liền 4 tiếng đồng hồ, một mình "Giữa đàn cá mập". Báo "Hà Nội Mới" ngày 3-12-78 có đăng tải lại bài ấy, do Đỗ Thiện lược thuật. Dưới đây là nguyên văn: "Trong bức điện cuối cùng gửi cho vợ từ trên tàu chở hàng Đại úy Vít- lô-bô-cốp của Liên Xô, thủy thủ Va-lê-ri Cốt- xi-ác ghi: "Tàu đã vào ấn Độ Dương và sẽ cập bến Hải Phòng của Việt Nam". Nhưng sau đó cách bờ biển gần nhất cũng còn 600 hải lý thì Cốt-xi-ác bị một làn sóng lớn hất xuống biển. Ậau này, anh kể lại: - Ậáng hôm đó sau khi ngủ dậy, tôi lên boong thở hít không khí trong lành. Ậóng rất mạnh và dâng cao như hồi đêm. Tôi còn nhớ lúc đó các bạn tôi đang tập thể dục. Ậau đó họ rủ tôi cùng đi ăn điểm tâm nhưng tôi không thấy đói. Đó là tất cả những gì tôi còn nhớ lại. Lúc đó tôi cảm thấy có một sức nặng ghê gớm giập xuống mình tôi trước khi thấy trời tối sầm lại; một cái gì làm tôi hình như vỡ tan ra từng mảnh, và tai còn nghe

tiếng gầm rú đáng sợ. Thành linh tôi biết ngay rằng tôi đang ở dưới nước và rất gần chân vịt của tàu. May thay, đáng lẽ nó xé tôi ra từng mảnh thì lại hất tôi lên mặt nước. Phía trước, tôi vẫn trông thấy hình thon thon của đuôi tàu. Tôi ra sức bơi đuổi theo nhưng sao kịp. Chiếc tàu xa dần... Năm phút sau, bỗng tôi cảm thấy có một vật gì va mạnh vào chân làm tôi quay ngược trở lại. Tôi mở mắt thật to để cố nhìn xem và nhận thấy một vật màu chì xám. Tôi chưa biết ngay đó là một con cá mập. Bình tĩnh lại, mới nhận ra có đến hàng chục con, mỗi con dài khoảng từ 3 đến 5 mét. Hoảng quá, tôi đành chờ đợi chúng tấn công. Chúng lượn tròn như những quả thủy lôi và tôi cố thu người lại để tránh cho chân khỏi bị chúng cắt cụt. Một ý nghĩ thoáng qua: thà há miệng ra để cho chết đuối còn hơn là thân thể bị xé nát ra từng mảnh... Nhưng mà không! Tôi phải chiến đấu, tôi phải sống... Cá mập không bao giờ vội tấn công ngay con mồi. Dần dần tôi lấy lại bình tĩnh. Đàn cá mập lượn quanh tôi chỉ cách có 5-6 mét. Chúng lượn vòng hình như để quan sát và đôi lúc lại nhảy khỏi mặt nước. Việc này còn kéo dài bao lâu nữa? Nhưng trước hết không được hoang mang, phải thật bình tĩnh, tôi tự nhủ thầm. Tôi biết rằng không thể thoát ngay được mà phải giữ sức để đợi tàu quay lại tìm, mặc dù việc này khó có hy vọng. Tuy nhiên, tôi định hướng mặt trời để bơi theo hướng mà con tàu đã vượt qua lúc trước và cố gắng quên những con cá mập đi... Vào lúc 8 giờ 40 tàu Đại úy Vít-lô-bô cấp kéo còi báo động. Tính ra lúc đó Va-lê-ri Cốt-xi-ác bị hất xuống biển đã được 2 giờ đồng hồ. Lập tức tàu quay ngay lại. Mười ba chiếc khác treo cờ các quốc gia khác nhau cũng hạ neo thành một hình vuông trong đó đàn cá mập đang đe dọa con người. - Anh ta được cứu sống ra sao? Hạm trưởng ạ. Véc-khô-vét-ski kể: - Lúc 8 giờ 40, người ta báo cho tôi biết thiếu mất một thủy thủ trên tàu. Hai giờ sau khi tàu quay mũi, chúng tôi mới tìm thấy anh ta. ạong to gió lớn không thể đưa sà lúp xuống được nên đành phải cho tàu sát lại gần. Khi chúng tôi sắp kéo anh ta lên boong tàu thì đàn cá mập vẫn lượn quanh đó. Lời nói đầu tiên của Cốt-xi-ác là: "Chuyển đến hạm trưởng là mọi việc đều tốt lành!". ầu đó, anh ta ngất xỉu. Tất cả mọi sức lực và phương tiện đều dồn vào để cứu sống anh. Vài ngày sau, Cốt-xi-ác đã khá lên nhưng bác sĩ đề nghị cho anh ta lên bến cảng gần nhất và hồi hương. J.á. Cút-tô, nhà thám hiểm đại dương nổi tiếng đã bình luận trường hợp này như sau: Đó là một trường hợp độc nhất. Cũng đã có một số người ở dưới nước một giờ hoặc hai giờ với đàn cá mập ở xung quanh. Đây là lần đầu

tiên tôi thấy người này ở tới 4 giờ. Thông thường, cá mập lượn rất lâu quanh con mồi hình như để "nghiên cứu". Tuy nhiên không ai đoán được thời gian đó lâu bao nhiêu. ở đây sự chịu đựng của con người là quan trọng nhất. Nếu họ giữ được bình tĩnh, bơi đều đặn và không làm một cử động nào bất ngờ và khiêu khích, thì cá mập có thể chờ rất lâu mà không tấn công vợi. Dĩ nhiên người thủy thủ Xô viết đã tỏ ra sự tự chủ và can đảm. Cái đó đã cứu sống anh ta"